

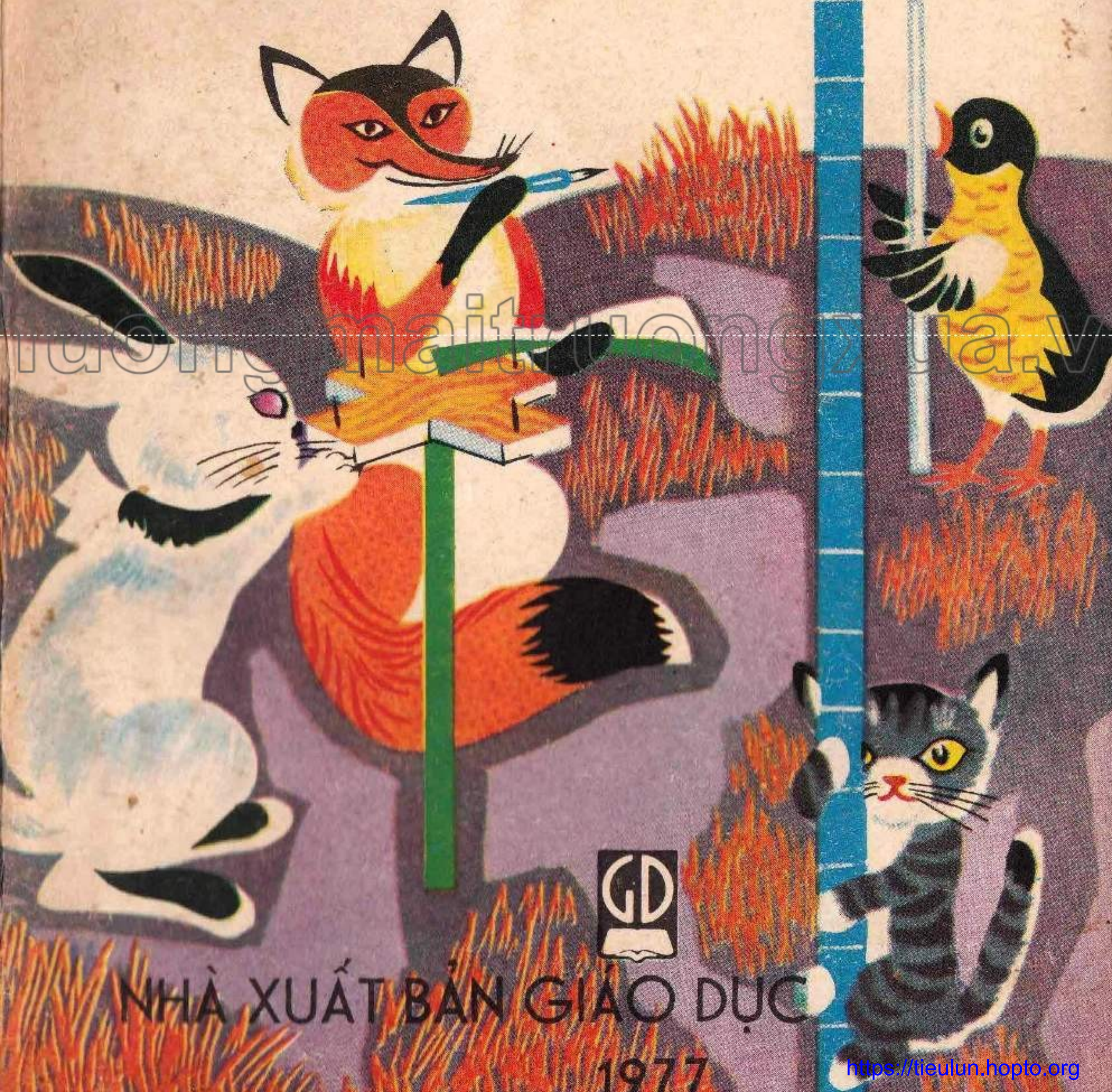
**T
N**

1577

LỚP

PHỔ THÔNG

4



NHÀ XUẤT BẢN GIÁO DỤC



1977

DV 32
T 406

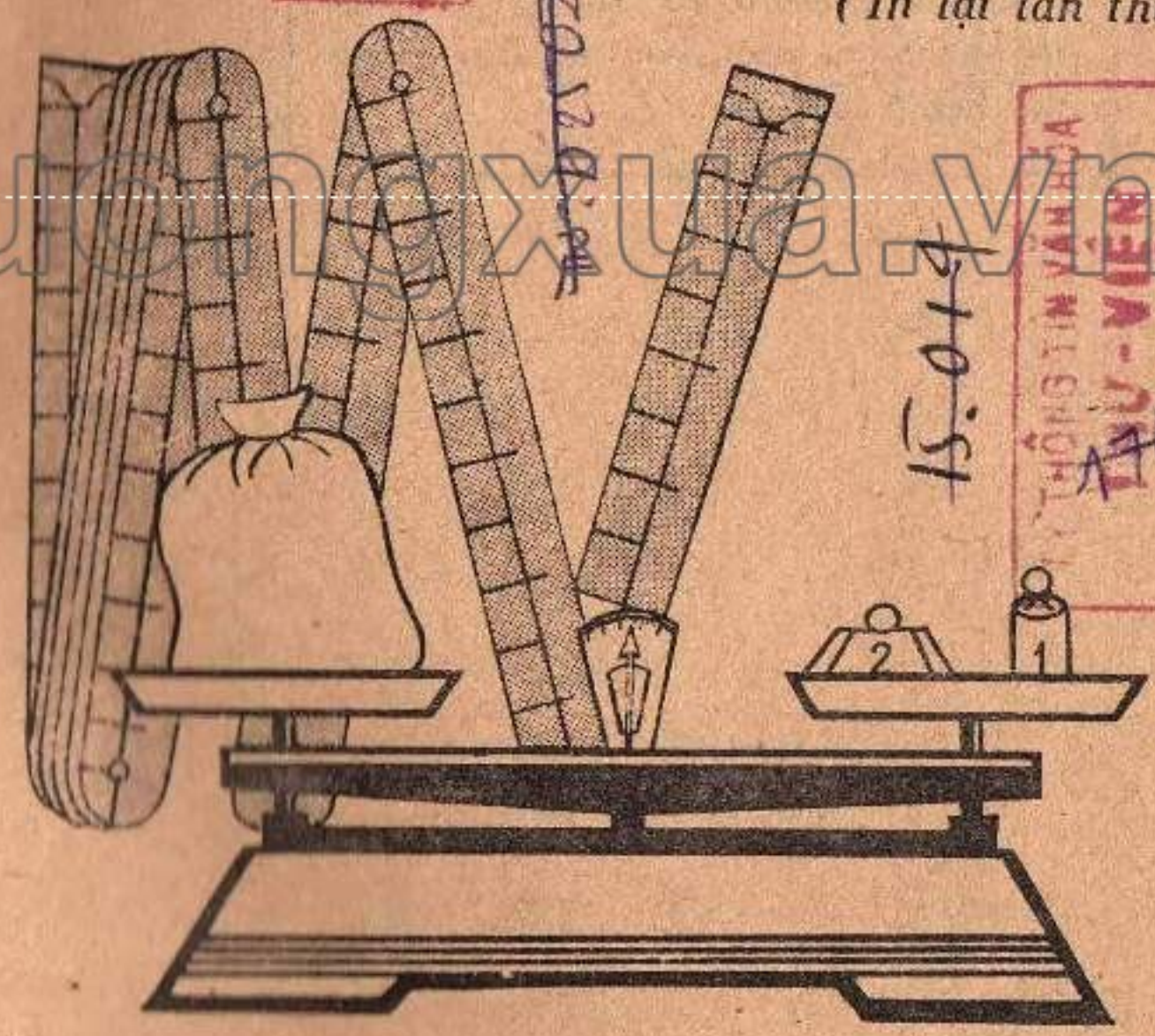
TỐÁN

new 4939 / 91

PHÒNG VHIT TDT
THÀNH PHỐ CẦN THƠ
THƯ VIỆN

LỚP BỒN
PHỔ THÔNG
HỆ 12 NĂM
(In lại lần thứ ba)

11/20/2002/17



15.01.9

PHÒNG TIN VĂN HÓA
THƯ VIỆN

PHÒNG VĂN HÓA TDT
THÀNH PHỐ CẦN THƠ
THƯ VIỆN

11/9/2002/17



Nhà xuất bản Giáo dục 1977

<https://toulun.hopto.org>

KÝ HIỆU DÙNG TRONG SÁCH NÀY

Dấu ★ : sang tiết khác.

Chữ số in nét đậm : bài học hay bài tập tối thiểu phải học và làm trong tiết học ở lớp.

CHƯƠNG MỘT

ÔN TẬP CHƯƠNG TRÌNH LỚP BA



1. CỘNG VÀ TRỪ

1. $28 + 32$; $28 + 4$; $36 + 36$; $68 + 25$;
 $13 + 57$; $37 + 6$; $28 + 28$; $24 + 57$.
2. Nhân dịp khai giảng, hôm trước nhà trường nhận 36 học sinh mới; hôm sau lại nhận thêm 17 em nữa. Hỏi trong hai ngày đó có bao nhiêu em mới vào học ?
3. a) $40 - 24$; $71 - 5$; $56 - 28$; $48 - 35$;
 $80 - 46$; $38 - 7$; $31 - 14$; $79 - 54$.
b) $20 + ? = 60$; $? + 20 = 50$; $26 + ? = 38$;
 $12 + x = 27$; $x + 52 = 70$; $40 + x = 70$;
 $x - 12 = 18$; $x - 20 = 50$; $x - 27 = 23$.
4. Một trại nuôi ong lấy mật, tuần đầu thu được 57 lít, tuần thứ hai kém hơn tuần thứ nhất 8 lít. Hỏi tuần thứ hai thu được bao nhiêu lít mật ong ?

5. Trường Lạc Hồng có 450 học sinh. Trường Hùng Vương có 280 học sinh. Hỏi hai trường có tất cả bao nhiêu học sinh?



2. NHÂN VÀ CHIA

1. 8×2 ; 5×5 ; 8×9 ; $8 \times 8 + 8$;
 3×8 ; 4×6 ; 9×7 ; $9 \times 9 + 9$;
 4×4 ; 7×7 ; 10×10 ; $10 \times 7 - 10$.
2. $8 \times 5 : 4$; $72 : 8 \times 9$; $42 : 6 \times 8$;
 $6 \times 5 : 3$; $64 : 8 \times 7$; $54 : 6 \times 5$.
3. $6 \times 4 - 16$; $6 \times 8 + 52$; $15 \times 2 - 17$;
 $7 \times 9 - 58$; $2 \times 7 + 59$; $24 \times 4 - 54$.
4. Kết quả nào lớn? Kết quả nào nhỏ?
 6×6 hay 5×7 ? 6×9 hay 7×8 ?
 7×6 hay 5×9 ? 8×6 hay 7×7 ?



5. 36×2 ; 14×4 ; $7 \times 5 \times 2$; $6 \times 4 \times 3$;
 29×3 ; 25×3 ; $6 \times 4 \times 4$; $4 \times 6 \times 4$.
6. $5 \times (27 : 3)$; $42 : (3 \times 2)$; $48 : (54 : 9)$; ⁽¹⁾
 $4 \times (21 : 7)$; $81 : (3 \times 3)$; $36 : (30 : 5)$.
7. Gần đến ngày khai trường, Tân vót được 65 que tính. Tân cho 2 em học ở lớp Một mỗi em 20 que. Hỏi Tân còn lại bao nhiêu que tính?
8. Các chú du kích ở xã em có 27 trái mìn, lại vừa được cấp 6 hộp mìn, mỗi hộp có 8 trái.

Làm các phép tính trong đầu ngoặc trước.

Đem số mìn đó phân đều cho 3 đội du kích. Hỏi mỗi đội được bao nhiêu trái mìn?

9. Để góp phần cùng các chú du kích đánh Mỹ giữ làng, em Nam vót được 45 cây chông tre, em Việt và Hùng vót được nhiều gấp 4 lần em Nam. Hỏi em Việt và Hùng vót được bao nhiêu chông tre?
10. Một hiệu thợ may có 2 tấm vải để may sơ-mi. Tấm thứ nhất dài 25m, tấm thứ hai dài gấp 3 lần tấm thứ nhất. Mỗi áo may hết 2m. Hỏi tất cả số vải may được bao nhiêu áo sơ-mi?



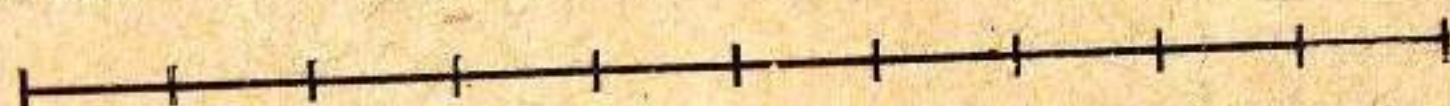
11. Tủ sách trong gia đình em có 84 quyển vừa sách học vừa sách truyện, trong đó có $\frac{1}{4}$ phần 4 là truyện. Hỏi có bao nhiêu quyển sách học?
12. Một chú giao liên, đi trong 4 giờ được 20km. Hỏi chú đó đi trong 8 giờ được bao nhiêu ki-lô-mét?
13. Mẹ em có 40 trái bưởi, bớt lại 4 trái cho em. Còn thì xếp vào hai thùng đem ra chợ bán. Hỏi mỗi thùng có mấy trái?
14. Chú An đi xe đạp ngược gió. Chặng đầu đi được 48km, chặng sau đi được 52km, cả 2 chặng đường đi mất 10 giờ. Hỏi chú An mỗi giờ trung bình đi được bao nhiêu ki-lô-mét?
15. Một cửa hiệu có 4 thùng dầu hỏa, mỗi thùng đựng 20 lít. Cuối tháng còn 4 lít. Hỏi cửa hiệu đã bán bao nhiêu lít?



16. Ông Ba mua hai mảnh vải: mảnh thứ nhất may được 2 áo, mỗi cái hết 2m; mảnh thứ hai 8m để may vỏ mền đắp. Hỏi mảnh thứ hai dài gấp mấy lần mảnh thứ nhất.
17. Trong một tháng, 70 học sinh khối lớp 4 trường Nguyễn Văn Trỗi đã thu được 560kg rau. Tính trung bình mỗi em được bao nhiêu ki-lô-gam rau?
18. Một người gánh lúa, cứ 3 gánh thì được 75kg. Hỏi 2 gánh thì được bao nhiêu ki-lô-gam?



19. Hằng ngày em đi ngủ lúc 9 giờ tối. Sáng em dậy lúc 5 giờ. Hỏi mỗi đêm em ngủ mấy giờ?
20. Một máy dệt bít tất cứ 20 phút dệt được 1 đôi. Trong một giờ dệt được mấy đôi? Trong 8 giờ dệt được mấy đôi?
21. Giờ học thứ nhất bắt đầu từ 7 giờ và học trong 45 phút, sau đó nghỉ 5 phút. Hỏi giờ học thứ hai bắt đầu lúc mấy giờ?
22. Mỗi buổi sáng anh Hai em bắt đầu làm việc lúc 6 giờ và nghỉ lúc 11 giờ. Hỏi mỗi sáng anh Hai em làm việc mấy giờ?
23. Hai chiếc ô-tô chở 100 bao gạo. Xe thứ nhất chở được 3 chuyến, xe thứ hai chở được 2 chuyến thì hết số gạo. Sức chở hai xe đó bằng nhau. Hỏi mỗi chuyến xe chở được mấy bao gạo?
24. Đo đoạn thẳng dưới đây rồi vẽ vào vở một đoạn thẳng dài như thế, và một đoạn thẳng thứ hai ngắn hơn 5 lần.



CHƯƠNG HAI

CÁC PHÉP TÍNH TRONG PHẠM VI 1 000

1. PHÉP CỘNG

CỘNG NHỮNG SỐ CÓ BA CHỮ SỐ



A — TÍNH MIỆNG

1. 3 trăm, 6 chục và 6 đơn vị hợp thành số nào? 2 trăm, 1 chục và 5 đơn vị hợp thành số nào? 7 trăm và 4 chục hợp thành số nào? 8 trăm và 5 chục hợp thành số nào?
- Viết các số đó bằng chữ số.
2. Chiếc máy bay dân dụng của ta bay trong một giờ được 240km. Chiếc thứ hai bay trong một giờ mau hơn chiếc thứ nhất 110km. Hỏi trong một giờ chiếc máy bay thứ hai bay được bao nhiêu ki-lô-mét?

3. $160 + 110$; $230 + 230$; $350 + 410$; $720 + 260$;
 $130 + 150$; $460 + 420$; $570 + 120$; $130 + 850$.

4. $280 + 20$; $590 + 10$; $330 + 70$; $620 + 80$;
 $360 + 40$; $750 + 50$; $810 + 90$; $540 + 60$.

5. Một quyển sách có 2 tập. Tập một có 240 trang, tập hai có 380 trang. Hỏi quyển sách đó có mấy trang tất cả?

— *Tính nhẩm:*

Cộng một số chẵn trăm với một số có một chữ số.

Thí dụ: $100 + 9 = 109$.

100 và 9 đơn vị gộp thành 109.

Bài tập:

$100 + 2$; $100 + 1$; $2 + 100$; $1 + 100$;
 $100 + 4$; $100 + 3$; $4 + 100$; $3 + 100$;
 $100 + 6$; $100 + 5$; $6 + 100$; $5 + 100$;
 $100 + 8$; $100 + 7$; $8 + 100$; $7 + 100$.

B— TÍNH VIẾT

CỘNG KHÔNG NHỚ

$246 + 152 = ?$

Tính miệng

a) $200 + 100 = 300$

b) $40 + 50 = 90$

c) $6 + 2 = 8$

$246 + 152 = 398$

Tính viết

$$\begin{array}{r} 246 \\ + 152 \\ \hline 398 \end{array}$$

Muốn cộng những số không tròn trăm, tròn chục, ta viết những số muốn cộng với nhau theo cột dọc, trăm dưới trăm, chục dưới chục, đơn vị dưới đơn vị rồi bắt đầu cộng từ các chữ số hàng đơn vị.

7. $322 + 274$; $618 + 161$; $453 + 324$;
 $146 + 153$; $142 + 436$; $317 + 182$.

8. Người ta cấy 2 đám ruộng, cây đám ruộng thứ nhất hết 268 bó mạ, đám ruộng thứ hai hết 331 bó. Hỏi cấy 2 đám hết bao nhiêu bó mạ?

— *Tính nhẩm:*

Cộng một số chẵn trăm với một số có hai chữ số.

Thí dụ: $100 + 32 = 132$.

100 và 32 đơn vị gộp thành 132

Bài tập:

$100 + 10$; $100 + 15$; $100 + 68$;
 $60 + 100$; $100 + 20$; $100 + 22$;
 $100 + 75$; $70 + 100$; $100 + 30$;
 $100 + 36$; $100 + 82$; $80 + 100$.

CỘNG CÓ NHỚ VÀO HÀNG CHỤC

9.
$$\begin{array}{r} 623 \\ + 249 \\ \hline 872 \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 428 \\ + 157 \\ \hline \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 568 \\ + 225 \\ \hline \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 374 \\ + 418 \\ \hline \end{array}$$

Cộng các chữ số hàng đơn vị nếu được từ 10 trở lên thì phải nhớ sang hàng chục.

10. Học sinh trường Lê Thị Hồng Gấm có 545 học sinh. Trường Võ Thị Sáu nhiều hơn trường Lê Thị Hồng Gấm 138 học sinh. Em hãy tính số học sinh trường Võ Thị Sáu.
11. $326 + 119$; $278 + 613$; $237 + 345$;
 $329 + 456$; $547 + 328$; $432 + 329$.
12. Tại một công trường đã có 556 người. Mới có thêm 118 người nữa đến làm. Hỏi hiện nay công trường đó có bao nhiêu người?



— **Tính nhẩm:**

Cộng một số chẵn chục lớn hơn 100 với một số có một chữ số.

Thí dụ: $120 + 8 = 128$.

Bài tập:

$110 + 2$;	$130 + 1$;	$140 + 7$;	$170 + 6$;
$110 + 6$;	$130 + 5$;	$150 + 9$;	$180 + 5$;
$120 + 4$;	$130 + 9$;	$150 + 8$;	$190 + 4$;
$120 + 8$;	$140 + 3$;	$160 + 7$;	$190 + 9$.

CỘNG CÓ NHỚ VÀO HÀNG TRĂM

13.

$\begin{array}{r} 386 \\ + 542 \\ \hline 928 \end{array}$	$\begin{array}{r} 483 \\ + 246 \\ \hline \end{array}$	$\begin{array}{r} 549 \\ + 180 \\ \hline \end{array}$	$\begin{array}{r} 428 \\ + 296 \\ \hline \end{array}$
---	---	---	---

Cộng các chữ số hàng chục nếu được từ 10 trở lên thì phải nhớ sang hàng trăm.

14. $348 + 487$; $735 + 168$; $572 + 238$; $598 + 242$;
 $426 + 396$; $748 + 175$; $595 + 315$; $325 + 375$.
15. Gần đến dịp khai trường, ngày 29 tháng 8 cửa hiệu tạp hóa đã bán được 128 thếp giấy. Ngày 30 so với ngày 29 bán hơn được 35 thếp. Sau hai ngày ấy, cửa hiệu còn lại 17 thếp. Hỏi số giấy mà cửa hiệu đã có?



— **Tính nhẩm:**

Cộng một số chẵn chục lớn hơn 100 với một số có hai chữ số.

Thí dụ: $120 + 38 = ?$
 $120 + 30 = 150$
 $150 + 8 = 158$.

Bài tập:

$110 + 20$;	$140 + 15$;	$160 + 34$;	$180 + 13$;
$110 + 50$;	$140 + 17$;	$160 + 39$;	$180 + 18$;
$120 + 30$;	$150 + 22$;	$170 + 22$;	$130 + 54$;
$130 + 60$;	$150 + 28$;	$170 + 29$;	$120 + 63$.

SỐ HẠNG CÓ CHỮ SỐ 0

16. (Nhẩm): $5 + 0$; $7 + 0$; $8 + 0$; $0 + 6$;
 $0 + 2$; $0 + 0$; $1 + 0$; $0 + 4$.

17. $78 + 670$; $90 + 763$; $405 + 405$; $564 + 340$;
 $85 + 407$; $56 + 806$; $309 + 208$; $408 + 502$.
18. $272 + 395$; $548 + 290$; $405 + 295$;
 $457 + 496$; $46 + 795$; $279 + 341$.
19. Đường từ Biên hòa đi Mỹ tho dài 101km.
Đường từ Mỹ tho đi Rạch giá dài hơn đường
Biên hòa — Mỹ tho 197km. Hỏi đường đi suốt
từ Biên hòa đến Rạch giá dài bao nhiêu ki-lô-mét ?
(quả Mỹ tho)



— *Tính nhẩm:*

Cộng một số có ba chữ số với một số chẵn chục
(không có nhớ vào hàng trăm vì tổng số không
vượt quá 200):

Thí dụ: $122 + 40 = ?$
 $120 + 40 = 160$
 $160 + 2 = 162$.

Bài tập:

$115 + 10$; $132 + 30$; $154 + 30$; $105 + 60$;
 $117 + 10$; $137 + 30$; $159 + 40$; $103 + 70$;
 $124 + 20$; $143 + 40$; $167 + 30$; $108 + 80$;
 $128 + 20$; $148 + 40$; $173 + 20$; $106 + 60$.

GIẢI TOÁN

20. Hai đám đất trồng đậu phụng. Đám đất thứ nhất
thu được 385kg đậu. Đám đất thứ hai thu được
nhiều hơn là 196kg. Em hãy tính số đậu phụng
thu được trên 2 đám đất đó là bao nhiêu ?

GIẢI

Số đậu phụng thu được ở đám đất thứ hai là
bao nhiêu ki-lô-gam ?

$$385\text{kg} + 196\text{kg} = 581\text{kg}$$

Số đậu phụng thu được trên hai đám là bao nhiêu
ki-lô-gam ?

$$581\text{kg} + 385\text{kg} = 966\text{kg}$$

Đáp số: 966kg.

21. Một tổ học sinh được cử đi diệt sâu bấp. Hôm
đầu các em bắt được 292 con, hôm thứ hai bắt
được hơn hôm đầu 85 con. Hôm thứ ba nhờ có
rút kinh nghiệm nên đã bắt được bằng cả hai hôm
trước gộp lại mà còn hơn ra 40 con. Hỏi số sâu
của ngày thứ ba là bao nhiêu ?
22. Khi mới học xeo giấy, chị Lan mỗi ngày trung bình
xeo được 650 tờ. Học tập kinh nghiệm các bạn,
hiện nay mỗi ngày chị Lan tăng thêm 250 tờ nữa.
Hỏi hiện nay chị Lan xeo trung bình mỗi ngày được
bao nhiêu tờ giấy ?

2. PHÉP TRỪ

TRỪ NHỮNG SỐ CÓ BA CHỮ SỐ



A — TÍNH MIỆNG

1. $600 - 300$; $700 - 200$; $500 - 400$; $1\ 000 - 300$;
 $800 - 400$; $800 - 300$; $900 - 500$; $700 - 600$.

2. Sân trường em dài 180m. Chiều rộng ngắn hơn chiều dài 60m. Hỏi chiều rộng của sân đó là bao nhiêu ?

3. Học sinh mới góp thêm vào thư viện nhà trường 120 quyển sách, nên nay thư viện có tất cả 450 quyển sách. Hỏi trước kia thư viện có bao nhiêu quyển sách ?

4. $160 - 40$; $250 - 110$; $350 - 140$;
 $380 - 30$; $470 - 150$; $930 - 710$;
 $760 - 50$; $860 - 430$; $490 - 370$.

5. $200 - 80$; $400 - 90$; $300 - 120$; $900 - 450$;
 $500 - 30$; $700 - 60$; $600 - 240$; $800 - 570$.

6. a) $130 - 80$; $640 - 70$; $210 - 150$; $560 - 270$;
 $150 - 99$; $810 - 60$; $340 - 180$; $720 - 360$.

b) Bớt đi 80 ở một số, còn lại 70. Hỏi số đó là bao nhiêu ?

7. Lấy mỗi số ở trong khung trừ đi số ở ngoài khung đó.

80	270	— 40	450	640	— 230
560	890		870	790	

8. Một quyển sách dày 200 trang, cha em đã đọc được 80 trang. Hỏi cha em còn phải đọc thêm mấy trang nữa ?

9. Trong 3 ngày, hai xã có 700 người đi đào kênh. Ngày thứ nhất có 200 người, ngày thứ hai có nhiều hơn ngày thứ nhất 40 người. Hỏi ngày thứ ba có bao nhiêu người đi đào kênh ?



— Tính nhẩm :

Cộng một số có ba chữ số với một số có một chữ số.

Thí dụ: $124 + 5 = ?$ và $125 + 8 = ?$
 $124 + 5 = 129$; $125 + (5 + 3) = 133$.

Bài tập :

$115 + 3$;	$152 + 7$;	$124 + 8$;	$154 + 8$;
$117 + 2$;	$156 + 3$;	$115 + 6$;	$162 + 9$;
$122 + 6$;	$173 + 5$;	$134 + 8$;	$176 + 6$;
$126 + 3$;	$186 + 3$;	$145 + 7$;	$183 + 9$.

B — TÍNH VIẾT

TRỪ KHÔNG CÓ NHỎ

10.

$648 - 232 = ?$

Tính miệng

Tính viết

a) $600 - 200 = 400$

b) $40 - 30 = 10$

$8 - 2 = 6$

$648 - 232 = 416$

648

— 232

416

Muốn làm tính trừ, ta viết số nhỏ dưới số lớn, trăm dưới trăm, chục dưới chục, đơn vị dưới đơn vị, rồi bắt đầu trừ từ hàng đơn vị.

11. Xã em có 788 người. Trong đó 675 người đã tiêm phòng dịch tả. Hỏi còn bao nhiêu người nữa chưa tiêm phòng?

12. Xã Hòa bình có 948 người. Xã Dân chủ có 824 người. Hỏi xã Hòa bình nhiều hơn xã Dân chủ bao nhiêu người?

13. $525 - 412$; $398 - 273$; $947 - 625$;
 $826 - 115$; $545 - 314$; $858 - 623$;
 $749 - 436$; $968 - 536$.



— **Tính nhẩm:**

Cộng một số có ba chữ số với một số có hai chữ số không có nhớ vào hàng trăm (vì tổng số không vượt quá 200).

Thí dụ: $142 + 36 = ?$
 $140 + 30 = 170$
 $170 + 2 + 6 = 178$.

Bài tập:

$112 + 24$; $132 + 45$; $144 + 26$; $153 + 18$;
 $115 + 23$; $136 + 33$; $152 + 38$; $144 + 17$;
 $124 + 32$; $142 + 46$; $161 + 16$; $136 + 16$;
 $127 + 41$; $147 + 23$; $175 + 15$; $138 + 15$.

SỐ TRỪ CÓ CHỮ SỐ 0

14. (Nhẩm): $8 - 0$; $7 - 0$; $5 - 0$; $4 - 0$.

15. $725 - 110$; $776 - 405$; $948 - 506$;
 $738 - 510$; $858 - 404$; $655 - 300$;
 $692 - 350$; $744 - 201$; $887 - 500$.



— **Tính nhẩm:**

Cộng một số chẵn chục nhỏ hơn 100 với một số có hai chữ số và ngược lại (có nhớ vào hàng trăm).

Thí dụ: $60 + 57 = ?$
 $60 + 50 = 110$
 $110 + 7 = 117$.

Bài tập:

$20 + 95$; $40 + 86$; $50 + 76$; $80 + 64$;
 $20 + 87$; $40 + 72$; $60 + 84$; $80 + 73$;
 $30 + 85$; $40 + 66$; $60 + 76$; $90 + 28$;
 $30 + 76$; $50 + 92$; $70 + 56$; $90 + 95$.

TRỪ CÓ NHỚ

16. $\begin{array}{r} 741 \\ - 228 \\ \hline 513 \end{array}$ $\begin{array}{r} 634 \\ - 382 \\ \hline 252 \end{array}$ $\begin{array}{r} 573 \\ - 258 \\ \hline 315 \end{array}$ $\begin{array}{r} 653 \\ - 407 \\ \hline 246 \end{array}$ $\begin{array}{r} 847 \\ - 465 \\ \hline 382 \end{array}$ $\begin{array}{r} 538 \\ - 254 \\ \hline 284 \end{array}$

Nếu chữ số hàng đơn vị ở số bị trừ nhỏ hơn ở số trừ, ta lấy bớt 10 ở số hàng chục, thêm vào mà trừ. Khi trừ sang hàng chục, phải nhớ bớt 1 chục ở số bị trừ (hoặc thêm 1 chục vào số trừ). Nếu chữ số hàng chục ở số bị trừ nhỏ hơn ở số trừ, ta cũng làm như vậy.

17. Năm 1968 quân và dân miền Bắc bắn rớt 571 chiếc máy bay giặc Mỹ. Năm 1972 có 734 chiếc. Hỏi số máy bay giặc Mỹ bị bắn rớt trên miền Bắc năm 1972 hơn năm 1968 bao nhiêu chiếc?

18. Trong 3 ngày cuối tháng 10 năm 1972, quân Giải phóng Quảng trị tiêu diệt được 720 tên địch. Cũng trong thời gian đó, quân Giải phóng Rạch Giá tiêu diệt được 251 tên địch. Hỏi số địch bị tiêu diệt cuối tháng 10 ở Quảng trị nhiều hơn ở Rạch Giá bao nhiêu tên?

19. $593 - 87$; $836 - 427$; $587 - 148$;
 $685 - 78$; $928 - 669$; $646 - 359$;
 $472 - 65$; $861 - 145$; $862 - 425$.

— **Tính nhẩm:**

Cộng hai số có hai chữ số (có nhớ vào hàng trăm).

Thí dụ: $67 + 58 = ?$
 $67 + 50 = 117$
 $117 + 8 = 125$

Bài tập:

$47 + 72$;	$56 + 56$;	$68 + 75$;	$84 + 58$;
$35 + 83$;	$62 + 68$;	$72 + 69$;	$85 + 67$;
$24 + 94$;	$67 + 73$;	$77 + 75$;	$82 + 79$;
$45 + 93$;	$74 + 66$;	$67 + 77$;	$95 + 87$.

LUYỆN TẬP VỀ TRỪ CÓ NHỚ

20.
$$\begin{array}{r} 521 \\ - 233 \\ \hline 288 \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 520 \\ - 384 \\ \hline 136 \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 704 \\ - 485 \\ \hline 219 \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 640 \\ - 276 \\ \hline 364 \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 824 \\ - 756 \\ \hline 68 \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 716 \\ - 528 \\ \hline 188 \end{array}$$

21. $436 - 279$; $690 - 458$; $608 - 129$;
 $876 - 567$; $880 - 149$; $704 - 218$;
 $664 - 168$; $520 - 272$; $405 - 359$;
 $832 - 436$; $930 - 456$; $806 - 427$.

22.
$$\begin{array}{r} 700 \\ - 324 \\ \hline 376 \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 800 \\ - 207 \\ \hline 593 \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 500 \\ - 142 \\ \hline 358 \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 600 \\ - 305 \\ \hline 295 \end{array}$$



— **Tính nhẩm:**

Thay đổi thứ tự các số trong phép cộng cho dễ làm.

Thí dụ: $35 + 124 = 124 + 35 = ?$

$124 + 30 = 154$

$154 + 5 = 159$.

Bài tập:

$24 + 148$;	$18 + 172$;	$52 + 124$;
$35 + 155$;	$15 + 163$;	$46 + 152$.

LUYỆN TẬP GIẢI TOÁN

23. Một trường cấp Một có 324 học sinh. Số học sinh 3 lớp Một là 156 em, số học sinh lớp Hai và Ba là 88 em, còn lại là học sinh lớp Bốn và lớp Năm bằng nhau. Hỏi số học sinh lớp Bốn ? lớp Năm ?

24. Đoàn xe vận tải của các chú bộ đội tháng trước dùng hết 630 lít xăng. Tháng sau cũng chạy bằng nhiều

xe, bấy nhiêu chuyến, nhưng các chú đã thi đua tiết kiệm nên chỉ dùng hết 545 lít. Tính số xăng đã tiết kiệm được.

25. $583 - 300$; $900 - 601$; $812 - 709$;
 $1000 - 299$; $700 - 208$; $902 - 496$;
 $1000 - 745$; $1000 - 506$; $734 - 568$.



3. ÔN TẬP KẾT HỢP GIẢI TOÁN

26. $368 + 513 - 325$; $312 + 480 - 598$;
 $248 + 502 - 435$; $642 + 358 - 864$;
 $426 + 378 - 198$; $416 + 384 - 287$.

27. $600 - 523 + 308$; $1000 - 356 + 197$;
 $900 - 76 + 294$; $1000 - 283 + 188$.

28. $728 - 319 + 284$; $906 - 847 + 699$;
 $864 - 837 + 605$; $702 - 635 + 487$.

29. Trường cấp Một ở xã có 300 em. Các em chia nhau làm 3 toán để ra 3 chỗ chủng đậu. Toán thứ nhất có 105 em. Toán thứ hai kém toán thứ nhất 25 em. Hỏi toán thứ ba có bao nhiêu em?

30. Đường xe lửa từ Thừa thiên ra Hà nội dài 688km và từ Sài gòn ra Thừa thiên dài 740km. Hỏi đoạn đường từ Sài gòn ra Thừa thiên dài hơn đoạn đường từ Thừa thiên ra Hà nội bao nhiêu ki-lô-mét?
 — Đường suốt từ Sài gòn ra Hà nội dài bao nhiêu ki-lô-mét?

31. Ba lớp trường em đi giúp dân bới khoai được tất cả 782kg. Lớp Ba bới được 209kg. Lớp Bốn

so với lớp Ba được nhiều hơn 75kg. Còn lại là lớp Năm. Hỏi lớp Năm bới nhiều hơn lớp Ba bao nhiêu ki-lô-gam khoai?

32. Người ta đã cho dõ 2 bè nữa. Bè thứ nhất được 475 cây. Bè thứ hai kém bè thứ nhất 38 cây. Hỏi cả 2 bè có bao nhiêu cây nữa?

4. PHÉP NHÂN

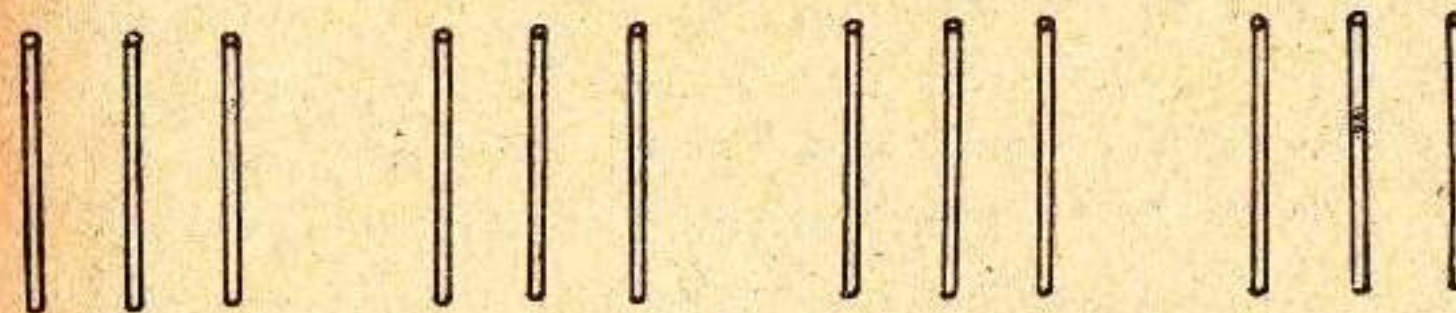
NHÂN MỘT SỐ CÓ HAI, BA CHỮ SỐ
 VỚI MỘT SỐ CÓ MỘT CHỮ SỐ



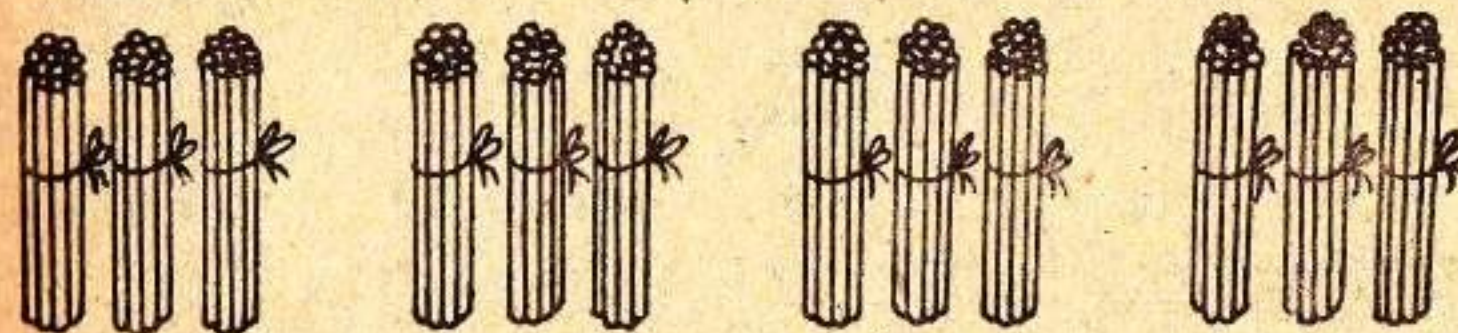
A — TÍNH MIÉNG

— Nhân trong bảng

1. a)



$$3 \times 4$$



$$30 \times 4$$

b) 6×3 ; 7×5 ; 9×4 ; 8×6 ; 5×9 ;
 60×3 ; 70×5 ; 90×4 ; 80×6 ; 50×9 .

— Nhân ngoài bảng

2. 13×3 ; 14×4 ; 17×5 ; 26×3 ;
 130×3 ; 140×4 ; 170×5 ; 260×3 .

3. Học sinh trường Thông nhất xếp hàng 2 để đi xem chiều bóng, đếm được 80 hàng. Hỏi có bao nhiêu học sinh đi xem chiều bóng?

4. Một cửa hiệu có 3 lu đường, mỗi lu đựng 120kg đường. Sau một tuần lễ còn lại 60kg. Hỏi số đường cửa hiệu đã bán là mấy ki-lô-gam?

— Tính nhẩm:

Một số có ba chữ số hay một số chẵn chục trừ đi một số có một chữ số.

Thí dụ: $142 - 8 = ?$

$42 - 8 = 34$

$100 + 34 = 134$ hay là: $142 - 2 - 6 = 134$.

Bài tập:

$118 - 6$; $114 - 6$; $126 - 6$; $120 - 3$;
 $127 - 5$; $122 - 5$; $137 - 8$; $140 - 6$;
 $186 - 4$; $154 - 7$; $163 - 5$; $160 - 7$;
 $179 - 7$; $162 - 8$; $192 - 6$; $180 - 9$.

B — TÍNH VIẾT

SỐ BỊ NHÂN NHỎ HƠN 100

— Trường hợp không có nhớ

5. Mỗi thùng nước mắm có 22 lít. Một cửa hiệu đã mua về 4 thùng để bán lẻ. Hỏi 4 thùng có bao nhiêu lít?

$22 \text{ l} \times 4 = ?$

Tính miệng

Tính viết

a) $20 \text{ l} \times 4 = 80 \text{ l}$

22 l

b) $2 \text{ l} \times 4 = 8 \text{ l}$

$\times 4$

c) $80 \text{ l} + 8 \text{ l} = 88 \text{ l}$

88 l

6. 24×2 ; 42×4 ; 81×5 ;
 32×3 ; 54×2 ; 72×4 ;
 42×2 ; 81×9 ; 21×5 ;
 21×4 ; 71×8 ; 43×3 .



— Tính nhẩm:

Một số có ba chữ số trừ đi một số chẵn chục (nhỏ hơn 100) không có nhớ vào hàng trăm.

Thí dụ: $156 - 30 = ?$

$56 - 30 = 26$

$100 + 26 = 126$.

Bài tập:

$145 - 30$; $152 - 40$; $174 - 50$; $192 - 80$;
 $136 - 20$; $157 - 30$; $178 - 40$; $197 - 40$.

— Trường hợp có nhớ

7. Bác An có 8 bao đậu phụng mỗi bao nặng 65kg, và đã bán đi 3 bao. Hỏi:

- Bác An có bao nhiêu ki-lô-gam đậu phụng?
- Đã bán được bao nhiêu ki-lô-gam?

$\begin{array}{r} 65\text{kg} \\ \times 8 \\ \hline 520\text{kg} \end{array}$	$\begin{array}{r} 65\text{kg} \\ \times 3 \\ \hline 195\text{kg} \end{array}$
---	---

Muốn làm tính nhân, ta phải bắt đầu nhân từ hàng đơn vị, nếu kết quả từ 10 trở lên thì phải có nhớ sang hàng chục.

8. Các chị thanh niên trong ấp Hòa bình gánh gạo nếp tặng các chú bộ đội. Có 5 chị, mỗi chị gánh 38kg và 4 chị mỗi chị gánh 44kg. Hỏi tổng cộng số gạo nếp là bao nhiêu ki-lô-gam?

9. 56×3 ; 35×8 ; 69×7 ; 76×5 ;
 97×9 ; 66×5 ; 75×6 ; 96×6 .

10. Mỗi chiếc đò chở được 25 người. Hỏi 5 chiếc đò chở trong 7 chuyến được bao nhiêu người?



— Tính nhẩm:

Một số có ba chữ số hay một số chẵn chục trừ đi một số có hai chữ số (có nhớ đến hàng chục)

Thí dụ: $143 - 26 = ?$

$43 - 26 = 17$ hay là: $43 - 20 - 6 = 17$;

$100 + 17 = 117$.

Bài tập:

$146 - 27$;	$123 - 15$;	$125 - 16$;	$190 - 15$;
$164 - 38$;	$136 - 28$;	$127 - 19$;	$180 - 26$;
$176 - 47$;	$157 - 29$;	$132 - 25$;	$170 - 38$;
$188 - 69$;	$175 - 56$;	$147 - 39$;	$160 - 29$.

SỐ BỊ NHÂN NHỎ HƠN 1000

— Trường hợp không có nhớ

11. Một cuộn chỉ có 234m. Hai cuộn chỉ có bao nhiêu mét?

$234\text{m} \times 2 = ?$

Tính miệng

Tính viết

a) $200\text{m} \times 2 = 400\text{m}$
 b) $30\text{m} \times 2 = 60\text{m}$
 c) $4\text{m} \times 2 = 8\text{m}$
 $\quad\quad\quad 468\text{m}$

234m
 $\times 2$
 $\hline 468\text{m}$

12. 143×2 ; 431×2 ; 133×3 ; 213×3 ;
 123×3 ; 111×6 ; 314×2 ; 312×3 ;
 321×3 ; 212×4 ; 414×2 ; 121×4 .



— Tính nhẩm:

$122 - 46$ $135 - 57$ $156 - 68$ $163 - 84$

— Trường hợp có nhớ

$$\begin{array}{r} 13. \quad 125 \\ \times 2 \\ \hline 250 \end{array} \quad \begin{array}{r} 327 \\ \times 3 \\ \hline 981 \end{array} \quad \begin{array}{r} 172 \\ \times 4 \\ \hline 688 \end{array} \quad \begin{array}{r} 363 \\ \times 3 \\ \hline 1089 \end{array}$$

14. Trường em giúp dân thoát nạn mù chữ. Đợt đầu đã dạy cho 146 người khỏi mù chữ. Đợt sau số người khỏi mù chữ tăng gấp 3 lần đợt đầu. Hỏi cả 2 đợt có mấy người khỏi mù chữ?

15. 125×2 ; 114×5 ; 482×2 ; 292×3 ;
 235×2 ; 116×5 ; 251×4 ; 117×5 .

16. Một vườn cây có 216 cây bưởi, số cây cam nhiều gấp đôi số cây bưởi. Hỏi vườn có bao nhiêu cây cam và bưởi?

— Tính nhẩm:

Một số có ba chữ số trừ đi một số chẵn trăm.

Thí dụ: $158 - 100 = ?$
 $158 - 100 = (100 + 58) - 100 =$
 $100 - 100 + 58 = 58.$

Bài tập:

$$\begin{array}{lll} 110 - 100; & 125 - 100; & 164 - 100; \\ 115 - 100; & 136 - 100; & 172 - 100; \\ 117 - 100; & 142 - 100; & 184 - 100; \\ 119 - 100; & 156 - 100; & 196 - 100. \end{array}$$

SỐ BỊ NHÂN CÓ CHỮ SỐ 0

17. (Nhẩm): a) $1 \times 5 = 1 + 1 + 1 + 1 + 1 = 5$;
 $0 \times 5 = 0 + 0 + 0 + 0 + 0 = 0.$

b) 0×4 ; 0×5 ; 0×9 ; 0×1 ;
 0×2 ; 0×3 ; 0×7 ; $0 \times 8.$

$$\begin{array}{r} 18. \quad 250 \\ \times 3 \\ \hline 750 \end{array} \quad \begin{array}{r} 102 \\ \times 4 \\ \hline 408 \end{array} \quad \begin{array}{r} 208 \\ \times 3 \\ \hline 624 \end{array} \quad \begin{array}{r} 140 \\ \times 4 \\ \hline 560 \end{array}$$

19. Để bù đắp những cây ăn trái đã chết vì chất độc hóa học của giặc Mỹ, 108 các cụ phụ lão xã Việt hồng đã đi trồng cây. Ngày thứ nhất trung bình mỗi cụ trồng được 8 cây. Em hãy tính số cây các cụ đã trồng trong ngày đó?

20. 180×3 ; 104×2 ; 309×3 ; 308×2 ;
 240×4 ; 403×2 ; 106×8 ; 206×4 ;
 130×6 ; 108×4 ; 105×5 ; $109 \times 9.$

21. Trên công trường xây dựng đường sắt thống nhất mới tới thêm 2 đội thanh niên, mỗi đội 300 người, và một đội thứ ba so với số người ở hai đội kia cộng lại thì kém 276 người. Hỏi cả 3 đội gồm có bao nhiêu người?

22. Một trường cấp Một có 195 em học sinh. Trung bình mỗi tuần mỗi em viết hết 8 trang giấy. Hỏi trong một tuần học sinh trường đó dùng mất bao nhiêu trang giấy?

— Tính nhẩm:

Một số có ba chữ số trừ đi một số chẵn chục lớn hơn 100.

Thí dụ: $158 - 120 = ?$
 $158 - 100 = 58$
 $58 - 20 = 38.$

Bài tập:

$$\begin{array}{llll} 115 - 110; & 127 - 120; & 152 - 130; & 175 - 120; \\ 117 - 110; & 134 - 120; & 157 - 140; & 182 - 130. \end{array}$$

LUYỆN TẬP VỀ PHÉP NHÂN KẾT HỢP
VỚI GIẢI TOÁN

23. 214×4 ; 114×8 ; 108×5 ; 167×5 ;
 406×2 ; 283×3 ; 256×3 ; 278×3 .
24. $256 \times 2 + 188$; $156 \times 4 - 188$;
 $123 \times 6 + 26$; $123 \times 6 - 126$.
25. 85×6 ; 23×8 ; 98×7 ; 98×5 ;
 65×9 ; 39×6 ; 48×7 ; 77×4 .

26. Vườn rau của đội Minh Khai có 8 luống, mỗi luống có 3 hàng, mỗi hàng đem được 32 cây cải. Hỏi số rau cải trong vườn là bao nhiêu?

27. Toán vui — Thiều nhi xếp hàng.

Có 17 em thiều nhi đang chơi ngoài sân và đứng thành hai hàng, mỗi hàng đem được 9 em. Các em đó xếp hàng như thế nào?

5. PHÉP CHIA

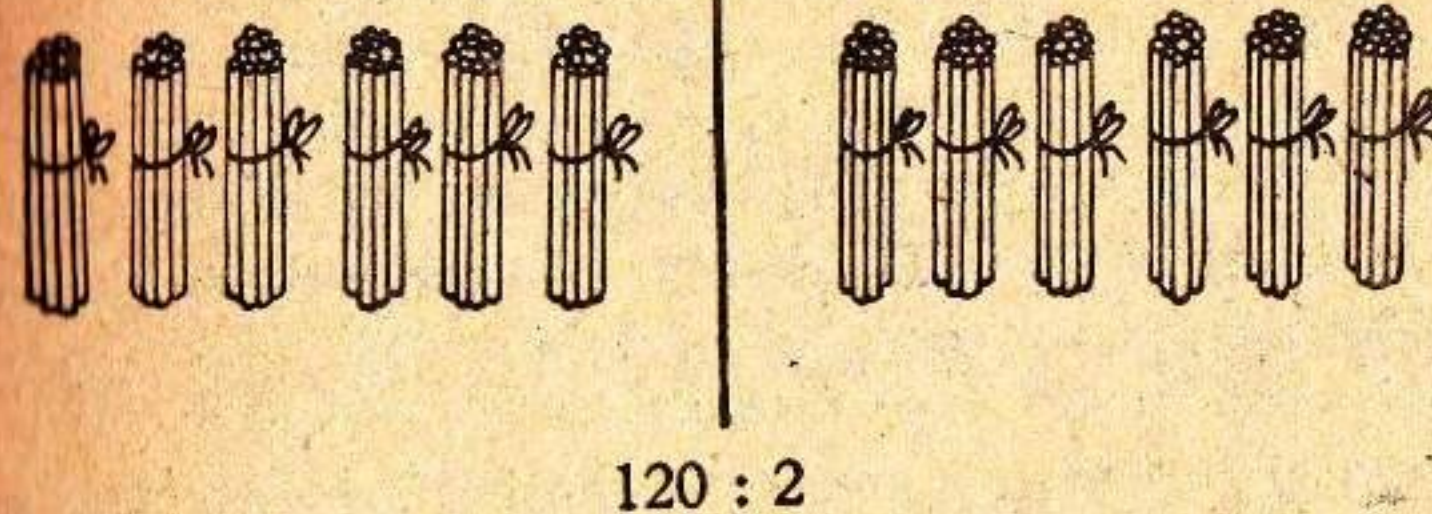
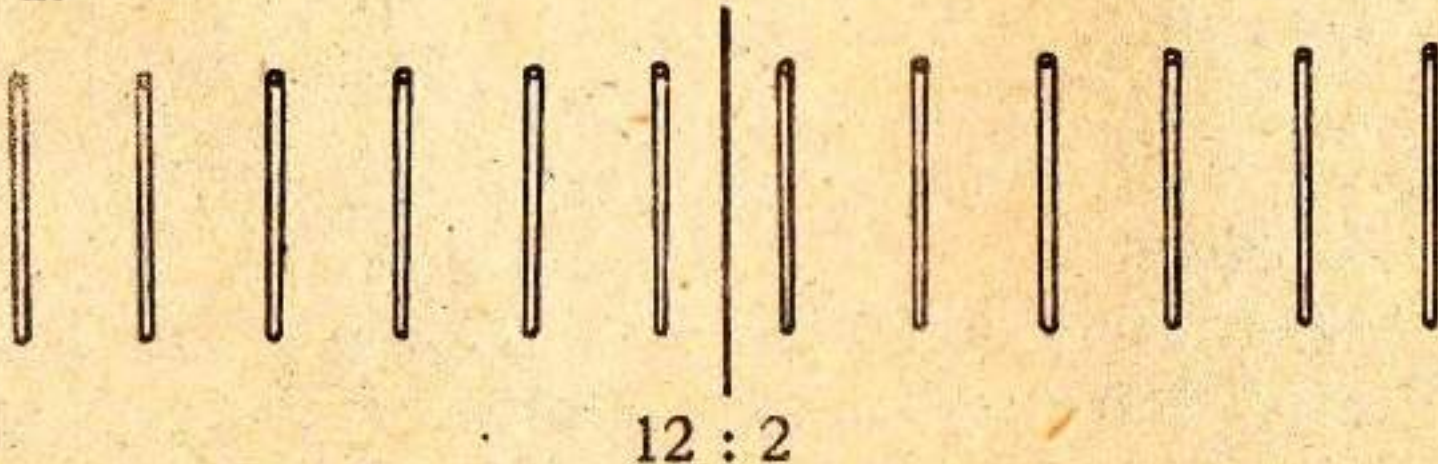
CHIA MỘT SỐ NHỎ HƠN 1000
CHO MỘT SỐ CÓ NHIỀU CHỮ SỐ



A — TÍNH MIỆNG

— Chia trong bảng

1.



2. $18 : 2$; $24 : 3$; $30 : 5$; $32 : 4$; $45 : 9$;
 $180 : 2$; $240 : 3$; $300 : 5$; $320 : 4$; $450 : 9$.

— Chia ngoài bảng

3. $36 : 3$; $56 : 4$; $60 : 5$; $96 : 8$;
 $360 : 3$; $560 : 4$; $600 : 5$; $960 : 8$.
4. $520 : 2$; $600 : 5$; $640 : 4$; $780 : 2$;
 $450 : 3$; $750 : 3$; $510 : 3$; $900 : 6$.

5. Một đội thanh niên xung phong chồng Mỹ cứu nước chia làm 3 tổ, tổ thứ nhất có 210 người, tổ thứ hai ít hơn tổ thứ nhất 50 người, tổ thứ ba bằng nửa tổ thứ hai. Hỏi đội đó có bao nhiêu người tất cả?

6. $250 : 5$; $210 : 3$; $350 : 7$; $360 : 9$; $400 : 8$;
 $360 : 4$; $420 : 6$; $480 : 8$; $560 : 7$; $810 : 9$.

7. $180 : 3$; $240 : 8$; $270 : 3$; $20 \times 9 : 6$;
 $420 : 7$; $280 : 4$; $490 : 7$; $60 \times 4 : 3$.

8. Một tổ trong nhà máy dệt định dệt xong 960m vải trong 8 giờ. Tổ đó đã dệt xong trong 6 giờ. Hỏi mỗi giờ đã dệt vượt mức để ra bao nhiêu mét?

9. $320 : 2$; $680 : 4$; $480 : 3$; $480 : 8$; $(340 + 20) : 3$;
 $580 : 2$; $420 : 3$; $720 : 3$; $910 : 7$; $(600 + 280) : 4$.

10. Một tổ của xưởng may Quân đội nhân dân có 600m vải để may quần áo. Hỏi tổ đó được nhận may bao nhiêu bộ quần áo, biết rằng cứ mỗi tầm 40m thì may được 8 bộ?

11. Soạn một đề toán giải bằng 2 phép tính như sau:

1) $36m : 9 = 4m$
 2) $440m : 4m = 110$ (bộ quần áo)

Đáp số: 110 bộ quần áo.

12. Bác Tư nuôi vịt đẻ lầy trứng. Trong 5 ngày được 600 quả. Hỏi mỗi ngày bác Tư được mấy quả trứng vịt?



— *Tính nhẩm:*

Một số có ba chữ số trừ đi một số có ba chữ số (không có nhớ vào hàng trăm).

Thí dụ: $152 - 138 = ?$

$152 - 100 = 52$

$52 - 38 = 14$ hay là $52 - 30 - 8 = 14$.

Bài tập:

$125 - 113$; $136 - 116$; $154 - 132$; $132 - 126$;
 $127 - 115$; $136 - 126$; $156 - 134$; $134 - 128$;
 $128 - 116$; $136 - 106$; $125 - 116$; $175 - 156$;
 $128 - 115$; $158 - 132$; $127 - 108$; $184 - 165$.

B — TÍNH VIẾT

CÁC CHỮ SỐ Ở SỐ BỊ CHIA
 ĐỀU CHIA HẾT CHO SỐ CHIA

13. Thanh niên lập Hòa bình vết lại con kênh dài 844m. Sau một ngày làm việc, các anh đã sửa được một phần tư con kênh đó. Tính xem đoạn kênh đã sửa dài bao nhiêu mét?

Tính miệng

a) $800m : 4 = 200m$
 b) $40m : 4 = 10m$
 c) $4m : 4 = 1m$
 211m

Tính viết

$\begin{array}{r} 844m \\ - 8 \\ \hline 04 \\ - 4 \\ \hline 04 \\ - 4 \\ \hline 0 \end{array}$	$\begin{array}{r} 4 \\ \hline 211m \end{array}$
--	---

Khi làm tính chia thì ta bắt đầu từ chữ số ở hàng cao nhất của số bị chia.

14. Trong số 936m vải thì một phần ba là lụa. Hỏi số lụa là mấy mét?
15. Cả năm học có 369 bài toán. Em đã làm được một phần ba. Vậy em còn làm thêm mấy bài nữa?
16. $246 : 2$; $666 : 3$; $484 : 4$; $999 : 9$;
 $864 : 2$; $684 : 2$; $264 : 2$; $448 : 4$.



— *Tính nhẩm:*

$$\begin{array}{r} 162 - 151 ; \\ 159 - 146 ; \end{array} \quad \begin{array}{r} 157 - 136 ; \\ 145 - 124 . \end{array}$$

KHÁI NIỆM VỀ SỐ DƯ

17. a) Chị Hạnh mua 9m vải. Nếu mỗi bộ quần áo may hết 4m thì chị may được mấy bộ?

$$\begin{array}{r} 9(m) \\ - 4 \\ \hline \text{dư } 1 \end{array}$$

Trả lời: 9m vải may được 2 bộ quần áo và còn dư 1m.

Em so sánh số mét vải còn dư (1m) với số mét vải để may 1 bộ quần áo (4m) thấy thế nào?

- b) Các em đi cắm trại, đem theo 29kg gạo để ăn. Mỗi ngày các em ăn 9kg gạo. Số gạo đó ăn được mấy ngày?

$$\begin{array}{r} 29(kg) \\ - 9 \\ \hline \text{dư } 2 \end{array} \quad \begin{array}{r} 9(kg) \\ 3 \text{ ngày} \end{array}$$

Em so sánh số gạo dư (2kg) với số gạo ăn mỗi ngày (9kg) thấy thế nào?

Số dư (thừa) bao giờ cũng nhỏ hơn số chia.

18. $38 : 4$; $86 : 9$; $46 : 8$; $43 : 5$; $19 : 2$;
 $44 : 6$; $60 : 7$; $39 : 6$; $66 : 9$; $25 : 8$.

19. Mỗi áo sơ-mi cần phải có 7 cái cúc. Với 60 cái cúc có thể đơm được mấy áo sơ-mi?

— *Tính nhẩm:*

Một số có ba chữ số trừ đi một số chẵn chục nhỏ hơn 100 (có nhớ vào hàng trăm).

Thí dụ: $138 - 50 = ?$
 $130 - 50 = 80$
 $80 + 8 = 88.$

Bài tập:

$$\begin{array}{llll} 112 - 20 ; & 123 - 30 ; & 144 - 60 ; & 165 - 80 ; \\ 115 - 30 ; & 126 - 40 ; & 147 - 70 ; & 174 - 80 ; \\ 118 - 40 ; & 132 - 50 ; & 152 - 70 ; & 186 - 90 ; \\ 119 - 50 ; & 137 - 50 ; & 158 - 80 ; & 182 - 70 . \end{array}$$

SỐ HÀNG CHỤC CÓ DƯ

20. Có 945 viên gạch xếp vào 3 xe bò. Hỏi mỗi xe chở bao nhiêu viên gạch?

$$945 \text{ viên} : 3 = ?$$

Tính miệng

Tính viết

a) 900 viên : 3 = 300 viên	945 viên	3
b) 30 viên : 3 = 10 viên	9	315 viên
c) 15 viên : 3 = 5 viên	04	
945 viên : 3 = 315 viên	3	
	15	
	15	
	0	

21. $236 : 2 ; 372 : 3 ; 575 : 5 ;$
 $252 : 2 ; 464 : 4 ; 590 : 5$

22. $456 : 4 ; 784 : 7 ; 672 : 3 ;$
 $565 : 5 ; 645 : 3 ; 678 : 6$

23. Bánh xe lăn một vòng thì xe tiến lên được 2m. Xe đi một quãng đường dài 874m thì bánh xe đã lăn bao nhiêu vòng?

SỐ HÀNG TRĂM CÓ DƯ

24. Một chiếc máy bay trong 2 giờ bay được 988km. Trung bình mỗi giờ máy bay đó bay được bao nhiêu ki-lô-mét?

$$988 \text{ km} : 2 = ?$$

Tính miệng

Tính viết

a) 800km : 2 = 400km	988km	2
b) 180km : 2 = 90km	8	494km
c) 8km : 2 = 4km	18	
988km : 2 = 494km	18	
	08	
	8	
	0	

25. Đầu năm học, nhà trường nhận được 4 gói sách giáo khoa, tất cả có 964 quyển. Hỏi mỗi gói có bao nhiêu quyển?

26. Người ta muốn đóng 726 lít nước mắm vào hũ. Mỗi hũ đựng được 3 lít. Hỏi hợp tác xã đó đóng được bao nhiêu hũ?



— Tính nhẩm:

Một số chẵn chục lớn hơn 100 trừ đi một số có hai chữ số (có nhớ vào hàng trăm).

Thí dụ : $130 - 48 = ?$

$$130 - 40 = 90$$

$$90 - 8 = 82$$

Bài tập :

$$110 - 23 ; 120 - 38 ; 140 - 52 ; 160 - 83 ;$$

$$110 - 25 ; 130 - 42 ; 140 - 55 ; 160 - 85 ;$$

$$120 - 35 ; 130 - 48 ; 150 - 78 ; 180 - 95$$

SỐ HÀNG TRĂM VÀ HÀNG CHỤC
ĐỀU CÓ DƯ

27. $374\text{km} : 2 = ?$

Tính miệng	Tính viết
$200\text{km} : 2 = 100\text{km}$	$\begin{array}{r} 374\text{km} \\ - 2 \\ \hline 17 \\ - 16 \\ \hline 14 \\ - 14 \\ \hline 0 \end{array}$
$160\text{km} : 2 = 80\text{km}$	
$14\text{km} : 2 = 7\text{km}$	
$374\text{km} : 2 = 187\text{km}$	

28. Một đơn vị bộ đội ăn 3 ngày hết 417kg gạo.
Hỏi một tuần lễ đơn vị đó ăn hết bao nhiêu
ki-lô-gam gạo?

GIẢI

— Một ngày đơn vị đó ăn hết bao nhiêu ki-lô-gam
gạo?

$$417\text{kg} : 3 = 139\text{kg}.$$

— Một tuần lễ đơn vị đó ăn hết bao nhiêu ki-lô-gam
gạo?

$$139\text{kg} \times 7 = 973\text{kg}.$$

Đáp số: 973kg

29. $394 : 2 ; 468 : 3 ; 748 : 4 ; 645 : 5 ;$
 $514 : 2 ; 774 : 3 ; 656 : 4 ; 730 : 5 .$
30. $904 : 8 ; 675 : 5 ; 804 : 6 ; 936 : 6 ;$
 $876 : 6 ; 756 : 6 ; 952 : 8 ; 976 : 8 .$

31. Có 2 thuyền đánh cá. Thuyền một đã đánh được
427kg cá. Thuyền hai đánh được nhiều hơn thuyền
một 58kg. Số cá ở hai thuyền xếp lên 4 xe.
Hỏi mỗi xe chở bao nhiêu ki-lô-gam cá?

32. $900 : 4 ; 880 : 5 ; 710 : 5 ; 438 : 3 ;$
 $650 : 5 ; 672 : 6 ; 708 : 6 ; 672 : 8 .$

33. Một nơi làm nón lá trong tuần vừa qua (6 ngày)
đã làm được 912 cái. Trung bình mỗi ngày làm
được mấy cái? Nếu 912 nón đó xếp đều vào 4
xe để chở đi thì mỗi xe chở bao nhiêu nón?

34. Trong một xưởng làm pin có 2 tổ. Tổ Một trong
8 giờ sản xuất được 896 chiếc pin. Tổ Hai trong
8 giờ sản xuất được 976 chiếc pin. Hỏi tổ Hai
mỗi giờ làm nhiều hơn tổ Một được mấy chiếc pin?

(giải bằng 2 cách)

35. Một mét vải giá 3 đồng. Cả tấm vải giá 411 đồng.
Hỏi tấm vải có bao nhiêu mét?



— **Tính nhẩm:**

Một số có ba chữ số trừ đi một số có hai chữ số
(nhớ vào hàng trăm).

Thí dụ: $132 - 58 = ?$
 $132 - 50 = 82$
 $82 - 8 = 74.$

Bài tập:

$$\begin{array}{llll} 114 - 22; & 134 - 42; & 132 - 46; & 126 - 48; \\ 116 - 24; & 138 - 52; & 125 - 35; & 132 - 54; \\ 118 - 32; & 145 - 62; & 146 - 66; & 145 - 76; \\ 125 - 33; & 147 - 55; & 164 - 84; & 152 - 84. \end{array}$$

LẤY HAI CHỮ SỐ MỖI ĐỦ CHIA

36. Trong một xưởng thủy tinh, một nhóm công nhân làm việc trong 6 giờ thì sản xuất được 486 cái chai. Trung bình mỗi giờ nhóm đó sản xuất được bao nhiêu cái chai?

$$486 \text{ cái} : 6 = ?$$

	Tính miệng	Tính viết
a)	$480 \text{ cái} : 6 = 80 \text{ cái}$	$486 \text{ cái} : 6$
b)	$6 \text{ cái} : 6 = 1 \text{ cái}$	48
	$486 \text{ cái} : 6 = 81 \text{ cái}$	$\begin{array}{r} 06 \\ - 6 \\ \hline 0 \end{array}$

37. Anh Phương điều khiển máy cán bông. Trong 8 giờ anh cán được 176kg bông. Trung bình mỗi giờ anh cán được mấy ki-lô-gam bông?

$$176 \text{ kg} : 8 = ?$$

	Tính miệng	Tính viết
a)	$160 \text{ kg} : 8 = 20 \text{ kg}$	$176 \text{ kg} : 8$
b)	$16 \text{ kg} : 8 = 2 \text{ kg}$	16
	$176 \text{ kg} : 8 = 22 \text{ kg}$	$\begin{array}{r} 16 \\ - 16 \\ \hline 0 \end{array}$

38. $243 : 3; 287 : 7; 205 : 5; 497 : 7;$
 $328 : 4; 459 : 9; 455 : 5; 639 : 9.$

39. $252 : 3; 296 : 4; 414 : 9; 528 : 8;$
 $275 : 5; 448 : 8; 544 : 8; 522 : 9.$

40. Thư viện của một trường đã có 500 quyển sách. Thư viện lại có thêm 144 quyển. Tất cả số sách đem xếp đều vào 7 ngăn, hỏi mỗi ngăn có bao nhiêu quyển sách?



— Tính nhẩm :

Trừ các số chẵn chục trong phạm vi 1000.

Thí dụ : $720 - 480 = ?$
 $72 \text{ chục} - 40 \text{ chục} = 32 \text{ chục};$
 $32 \text{ chục} - 8 \text{ chục} = 24 \text{ chục} = 240.$

Bài tập :

$$\begin{array}{lll} 980 - 230; & 450 - 170; & 300 - 180; \\ 760 - 540; & 540 - 320; & 650 - 420; \\ 250 - 130; & 840 - 650; & 750 - 280. \end{array}$$

SỐ THƯƠNG CÓ CHỮ SỐ 0

41. Thanh đọc một quyển truyện dày 318 trang trong 3 tuần lễ thì hết. Trung bình mỗi tuần Thanh đọc được bao nhiêu trang?

$$318 \text{ tr} : 3 = ?$$

Tính miệng

a) $300\text{tr} : 3 = 100\text{tr}$
 b) $18\text{tr} : 3 = 6\text{tr}$
 $318\text{tr} : 3 = 106\text{tr}$

Tính viết

$$\begin{array}{r} 318\text{tr} \\ - 3 \\ \hline 018 \\ - 18 \\ \hline 0 \end{array}$$

42. $525 : 5$; $820 : 4$; $510 : 5$; $802 : 2$;
 $327 : 3$; $540 : 5$; $630 : 6$; $309 : 3$.

43. Người ta dùng 2 xe, một xe chở 3 chuyến, một xe chở 5 chuyến để chở 832 bao xi măng. Hỏi trung bình mỗi chuyến chở được mấy bao?

44. $488 : 8$; $480 : 4$; $930 : 3$;
 $560 : 7$; $690 : 3$; $720 : 8$;
 $360 : 4$; $500 : 2$; $630 : 9$.

45. $480\text{kg} : 8 = ?$

Tính miệng

a) $400\text{kg} : 8 = 50\text{kg}$
 b) $80\text{kg} : 8 = 10\text{kg}$
 $480\text{kg} : 8 = 60\text{kg}$

Tính viết

$$\begin{array}{r} 480\text{kg} \\ - 48 \\ \hline 000 \end{array}$$

46. Người ta đóng lúa vào 9 bao được tất cả 630kg. và dùng 2 xe bò để chở. Xe thứ nhất chở 4 bao, xe thứ hai chở 5 bao. Hỏi mỗi xe chở bao nhiêu ki-lô-gam lúa (các bao lúa nặng như nhau)?

47. Bác Bảy có 15 bao bắp, bao nào cũng nặng như nhau. Bác Bảy đã bán đi 12 bao, cộng được 480kg. Hỏi bác Bảy còn lại bao nhiêu ki-lô-gam bắp?



— Tính nhẩm :

$130 - 26$ $140 - 37$ $160 - 42$ $170 - 54$

TRỪ MIỆNG ĐỂ TÌM CÁC SỐ DƯ CHO NHANH

48. Có 345kg gạo đóng đều vào 3 bao. Mỗi bao đóng được bao nhiêu ki-lô-gam gạo?

Trừ trên giấy

$$\begin{array}{r} 345\text{kg} \\ - 3 \\ \hline 04 \\ - 3 \\ \hline 15 \\ - 15 \\ \hline 0 \end{array}$$

Trừ nhẩm

$$\begin{array}{r} 345\text{kg} \\ 04 \\ 15 \\ 0 \end{array}$$

Mỗi lần chia, muốn xem chia hết hay còn dư bao nhiêu, ta có thể trừ nhẩm mà không cần đặt phép trừ trên giấy.

49. $425 : 5$; $764 : 4$; $825 : 4$; $576 : 5$;
 $346 : 3$; $752 : 7$; $681 : 6$; $540 : 4$.

6. ÔN BỐN PHÉP TÍNH

1. $(185 + 376) \times 2$; $245 \times (900 - 897)$;
 $(711 - 527) \times 4$; $156 \times (412 - 407)$.

2. $(149 \times 2) + (187 \times 2)$; $(146 + 187) \times 2$;
 $(134 \times 6) - (87 \times 6)$; $(134 - 87) \times 6$.
3. Nếu mỗi ô-tô chở 32 người thì phải 5 chiếc mới chở hết số học sinh đi cắm trại. Nếu chỉ có 4 chiếc thôi thì mỗi chiếc phải chở bao nhiêu em?
4. $144 : 3$; $287 : 7$; $315 : 5$; $363 : 3$;
 $328 : 4$; $162 : 9$; $568 : 8$; $306 : 6$.
5. Chín chú du kích được phát 216 viên đạn. Hỏi mỗi chú được mấy viên?
6. $(147 + 385) : 7$; $(387 + 495) : 5$;
 $(913 - 185) : 8$; $(911 - 329) : 6$.
7. $60 \times 9 : 2$; $14 \times 20 : 2$; $14 \times 5 : 7$;
 $70 \times 8 : 4$; $24 \times 30 : 6$; $12 \times 8 : 4$.
8. Có 15 thêm vào 4 thì được bao nhiêu?
 Dem 15 gấp lên 4 lần thì được bao nhiêu?
9. Ấp Minh hòa đào một con kênh dẫn nước. Đoạn đã đào được dài 345m, so với đoạn chưa đào còn kém 230m. Hỏi con kênh đó dài bao nhiêu?

GIẢI

- a) Đoạn chưa đào dài bao nhiêu?
 $345\text{m} + 230\text{m} = 575\text{m}$
- b) Con kênh dài bao nhiêu?
 $345\text{m} + 575\text{m} = 920\text{m}$

Đáp số: Con kênh dài 920m.

10. Trong một trường cấp Một có 140 em trai. Số em gái kém em trai là 49. Hỏi số học sinh của trường đó?
11. Một trường có 345 em học sinh, trong đó có một phần ba tham gia đội văn nghệ của trường. Vừa qua, đội văn nghệ có thêm 35 em nữa. Hỏi hiện nay có tất cả bao nhiêu em ở đội văn nghệ?
12. Người ta hái 20 thúng chanh, trung bình mỗi thúng 25kg. Số chanh đó đóng vào sọt, mỗi sọt nặng 50kg. Hỏi được mấy sọt?
13. Chú Hồ Giáo anh hùng lao động, đã chăm sóc rất giỏi 150 con bò sữa. Mỗi ngày trung bình mỗi con đều được 16 lít sữa. Hỏi số sữa thu được hàng ngày?
14. Một bếp ăn cứ 5 ngày thì đun hết 70kg than. Hỏi trong một tháng (30 ngày) đun hết bao nhiêu ki-lô-gam than?
15. Trong nhà máy dệt kim, mức cắt áo may-ô của 5 người thợ giỏi lên tới 250 tá một ngày. Nếu có 8 người thợ giỏi như thế thì mỗi ngày cắt được bao nhiêu tá áo?
16. Trên công trường giao thông phục vụ tiến tuyến, một đơn vị nhận làm một con đường dài 450m trong 5 ngày, nhưng để lấy thành tích chào mừng ngày 19-5, họ chỉ làm 3 ngày là xong. Hỏi đơn vị đó đã làm vượt mức mỗi ngày bao nhiêu mét?

17. Hai ập đào chung một con kênh dài 1km. ập thứ nhất đào được 345m. ập thứ hai đào hơn ập thứ nhất 26m. Hỏi sò mét kênh còn lại phải đào là bao nhiêu ?

18. Có 100 thệp giấy, trong đó một phần tư là giấy kẻ rồi, một phần năm là giấy chưa kẻ. Hai thứ giấy đó có tất cả bao nhiêu thệp ? Sò còn lại là giấy kẻ ô vuông. Hỏi có bao nhiêu thệp giấy kẻ ô vuông ?

CHƯƠNG BA

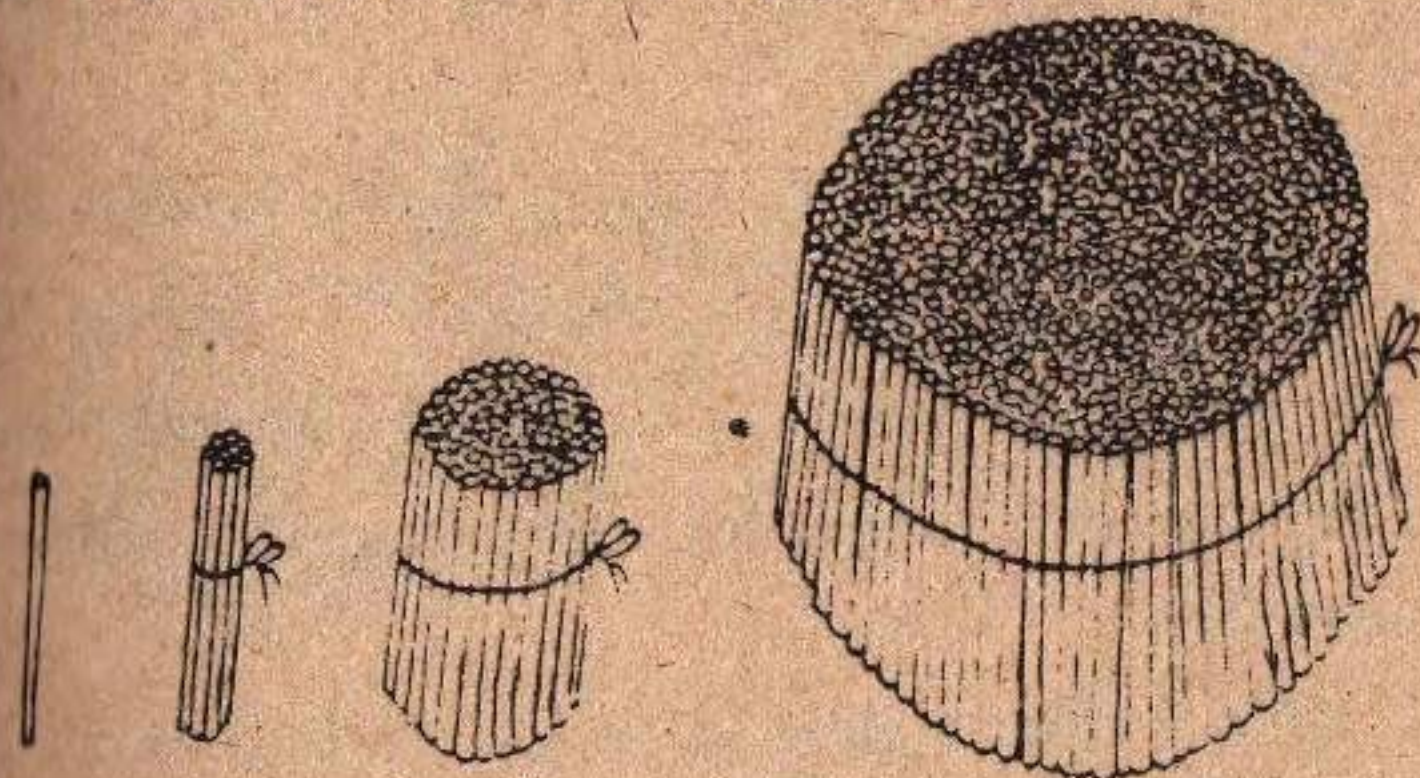
CÁC SỐ CÓ NHIỀU CHỮ SỐ

1. ĐỌC VÀ VIẾT CÁC SỐ ĐẾN LỚP TRIỆU



ĐẾM, ĐỌC, VIẾT CÁC SỐ CÓ BỐN CHỮ SỐ

1. Có mầy đơn vị trong một chục ? Có mầy chục trong một trăm ? Có mầy trăm trong một nghìn ?



Bó 1 chục
que tính

Bó 1 trăm
que tính

Bó 1 nghìn
que tính

2. Một bó có 1000 que tính. Hỏi 2 bó có bao nhiêu que tính? Hỏi 3 bó, 4 bó, 5 bó, 6 bó, 7 bó, 8 bó, 9 bó có bao nhiêu que tính?
3. Gạt những con tính ở hàng đơn vị trên bàn tính và đếm: 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9. Khi đếm đến 10 tức là 1 chục, gạt 1 con tính hàng chục trên bàn tính.
4. Gạt những con tính ở hàng chục và đếm: 1 chục, 2 chục, 3 chục, 4 chục, 5 chục, 6 chục, 7 chục, 8 chục, 9 chục. Khi đếm đến 10 chục tức là 1 trăm, gạt 1 con tính ở hàng trăm trên bàn tính.
5. Gạt những con tính hàng trăm và đếm: 1 trăm, 2 trăm, 3 trăm, 4 trăm, 5 trăm, 6 trăm, 7 trăm, 8 trăm, 9 trăm. Khi đếm đến 10 trăm tức là 1 nghìn, gạt 1 con tính ở hàng nghìn trên bàn tính.
6. Gạt những con tính ở hàng nghìn và đếm: 1 nghìn, 2 nghìn, 3 nghìn, 4 nghìn, 5 nghìn, 6 nghìn, 7 nghìn, 8 nghìn, 9 nghìn.
7. Đếm từ một nghìn đến hai nghìn, mỗi lần thêm 100.
8. Đếm từ một nghìn đến tám nghìn, mỗi lần thêm 500.
9. Đếm từ một nghìn đến năm nghìn, mỗi lần thêm 200.
10. Đếm từ năm nghìn đến chín nghìn, mỗi lần thêm 200.
11. 1 nghìn 3 trăm 6 chục và 2 đơn vị hợp thành số nào? 4 nghìn 7 trăm và 5 đơn vị hợp thành số nào? 6 nghìn 9 chục và 1 đơn vị hợp thành số nào?

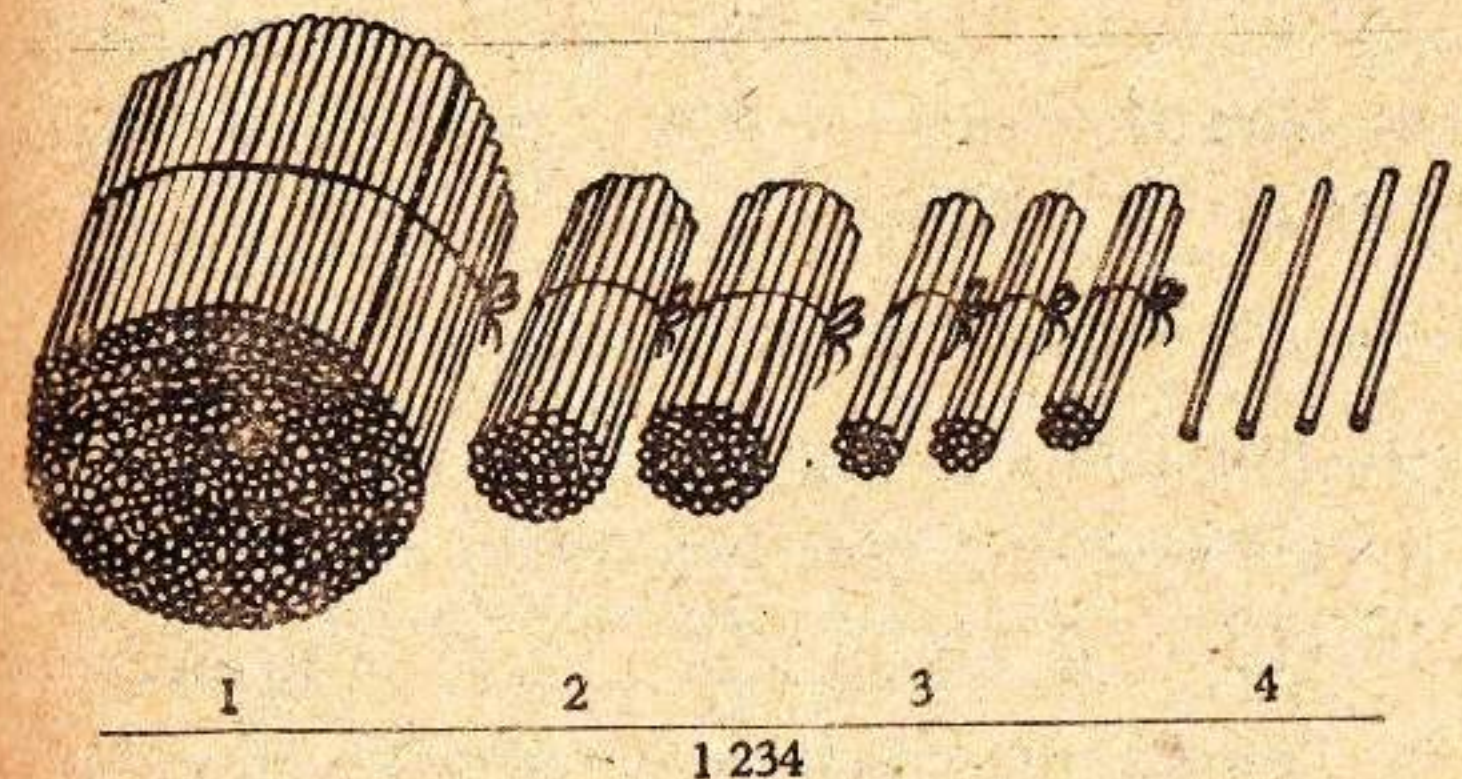
5 nghìn và 4 trăm hợp thành số nào? 7 nghìn và 8 chục hợp thành số nào? 2 nghìn và 9 đơn vị hợp thành số nào?

12.

NGHÌN	TRĂM	CHỤC	ĐƠN VỊ
3	4	5	6
6	2	0	5
5	0	4	8
8	0	0	4
5	0	3	0
7	2	0	0

Đọc những số viết trong bảng trên đây. Gạt những con tính để chỉ những số đó.

13. Có tất cả bao nhiêu que tính ở hình vẽ dưới này:



Đọc số viết ở trên.

14. Đọc các số sau này và gặt những con tính để chỉ những số ấy :

2 768 ; 4 231 ; 3 560 ; 6 400 ; 1 704 ; 6 085 ;
9 040 ; 7 010 ; 8 002 ; 5 003 ; 4 000 ; 7 000.

15. Gặt những con tính để chỉ những số sau này, rồi viết bằng chữ số : ba nghìn bốn trăm chín mươi một ; sáu nghìn năm trăm ; hai nghìn ba mươi tám ; năm nghìn một trăm linh sáu.

16. Viết các số sau này bằng chữ số :

a) Cách mạng tháng Tám thành công năm một nghìn chín trăm bốn mươi lăm.

b) Cuộc trường kỳ kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược thắng lợi năm một nghìn chín trăm năm mươi tư.

c) Mặt trận dân tộc giải phóng miền Nam Việt nam ra đời năm một nghìn chín trăm sáu mươi.

d) Nửa đầu tháng 10-1972, quân và dân Tây nguyên diệt và bắt 1 846 tên địch.

17. Đọc các số ở trong những câu sau :

a) Đường bộ từ Sài Gòn ra Hà Nội dài 1 747km.

b) Từ ngày 5-8-1964 đến 17-1-1973 đã có 4 181 máy bay giặc Mỹ bị bắn rớt trên miền Bắc.

c) Trong 6 tháng tiền công liên tục nổi dậy mạnh mẽ, chiến thắng oanh liệt (từ 30-3 đến 30-9-1972)

quân và dân miền Nam đã thu được và phá hủy 6 300 xe quân sự (hơn 2 000 xe tăng), 1 500 đại bác và súng cối, bắn rớt và phá hủy 2 050 máy bay.

18. Viết bằng chữ số các số sau này :

Ba nghìn chín trăm tám mươi bảy ; sáu nghìn tám trăm ; bốn nghìn hai mươi tư ; hai nghìn hai trăm ; bốn nghìn linh bốn ; sáu nghìn ba trăm linh năm ; bảy nghìn.



— Tính nhẩm :

Nhân một số có hai chữ số với một số có một chữ số và ngược lại

Thí dụ : 35×4 và 4×35 .

$$35 \times 4 = ? \quad 4 \times 35 = ?$$

$$\begin{array}{r} 30 \times 4 = 120 \\ 5 \times 4 = 20 \\ \hline 120 + 20 = 140 \end{array} \quad \begin{array}{r} 4 \times 3 \text{ chục} = 12 \text{ chục} = 120 \\ 4 \times 5 = 20 \\ \hline 120 + 20 = 140 \end{array}$$

Ta có thể thay đổi vị trí của số bị nhân và số nhân mà vẫn giữ nguyên kết quả của phép nhân.

Bài tập :

$$\begin{array}{llll} 12 \times 2 ; & 24 \times 3 ; & 30 \times 5 ; & 22 \times 8 ; \\ 15 \times 2 ; & 25 \times 4 ; & 34 \times 5 ; & 24 \times 7 ; \\ 15 \times 3 ; & 27 \times 4 ; & 12 \times 6 ; & 26 \times 7 ; \\ 3 \times 32 ; & 5 \times 16 ; & 8 \times 24 ; & \\ 4 \times 18 ; & 7 \times 21 ; & 6 \times 15. & \end{array}$$

ĐỀM, ĐỌC, VIẾT CÁC SỐ CÓ NĂM CHỮ SỐ

19. 9 đơn vị thêm 1 đơn vị thành bao nhiêu?
9 nghìn thêm 1 nghìn thành bao nhiêu?
20. a) Gạt những con tính ở hàng nghìn trên bàn tính, đếm từ một nghìn đến chín nghìn, mỗi lần thêm một nghìn.
b) Gạt những con tính ở hàng chục nghìn (hay hàng vạn) trên bàn tính, đếm từ một chục nghìn (hay một vạn) đến chín chục nghìn (hay chín vạn) mỗi lần thêm một chục nghìn (hay một vạn).
21. a) Đếm từ mười nghìn (hay một vạn) đến 30 nghìn (hay ba vạn), mỗi lần thêm 1 000.
b) Đếm từ ba mươi nghìn (hay ba vạn) đến chín mươi nghìn (hay chín vạn), mỗi lần thêm 5 000.
22. Đọc các số viết trong bảng dưới đây và gạt những con tính để chỉ những số ấy:

Chục nghìn (vạn)	Nghìn	Trăm	Chục	Đơn vị
3	5	4	8	2
7	6	0	2	4
5	3	0	0	8
1	0	0	0	0
8	0	5	0	6
3	8	0	7	0
4	0	0	0	5

23. Đọc những số sau này và gạt những con tính để chỉ những số ấy:

11 111; 34 268; 85 400; 90 803; 72 045; 46 020;
5 100; 50; 100; 72 003; 91 000; 8 025.

24. Đọc các số trong các câu sau này:

a) Qua hơn 5 tháng tiền công và nổi dậy (từ 4-1972 đến 9-1972) quân và dân miền trung Nam bộ đã diệt được 65 000 tên địch.

b) Trong đợt thi đua « chào mừng các anh hùng và dũng sĩ miền Nam ra thăm miền Bắc », tổ Một của nhà máy dệt « Móng tám tháng ba » của miền Bắc đã sản xuất vượt mức 10 733 mét vải.

c) Chỉ trong 180 ngày đêm chiến đấu kiên cường (từ 30-3-72 đến 30-9-72) quân và dân Trị — Thiên — Huế đã diệt và bắt 75 000 tên địch.

25. Gạt những con tính trên bàn tính để chỉ những số sau này và viết bằng chữ số: bốn mươi tám nghìn ba trăm tám mươi; bốn vạn tám nghìn ba trăm tám mươi; hai mươi nghìn sáu trăm ba mươi; hai vạn sáu trăm ba mươi; chín mươi ba nghìn hai trăm linh năm; ba mươi sáu nghìn năm mươi; sáu mươi nghìn linh tám; bảy mươi nghìn.

26. Viết bằng chữ số những số sau này: ba mươi năm nghìn bốn trăm mười sáu; tám mươi nghìn ba trăm chín mươi năm; năm mươi một nghìn một trăm bốn mươi; bảy mươi nghìn sáu trăm; hai mươi

tám nghìn ba mươi năm; chín mươi nghìn sáu mươi; bốn mươi nghìn linh năm; tám mươi nghìn.

27. Viết bằng chữ số những số ở trong các câu sau này:

— Trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước vĩ đại, quân và dân miền Nam ta đã bắn rớt và phá hủy ba mươi nghìn, chín trăm máy bay các loại. Phá hủy tám mươi nghìn, chín trăm bảy mươi xe quân sự, trong đó có ba mươi ba nghìn, một trăm bốn mươi chín xe tăng của giặc.



— *Tính nhẩm:*

$$28 \times 5 \quad 43 \times 4 \quad 6 \times 25 \quad 3 \times 56$$

ĐẾM, ĐỌC VÀ VIẾT CÁC SỐ CÓ SÁU CHỮ SỐ

28. Ta sẽ có bao nhiêu, nếu ta thêm một chục vào chín chục? Nếu ta thêm một chục nghìn vào chín chục nghìn?

29. a) Gạt những con tính ở hàng chục nghìn, đếm từ một chục nghìn đến chín chục nghìn, mỗi lần thêm một chục nghìn.

b) Gạt những con tính ở hàng trăm nghìn, đếm từ một trăm nghìn đến chín trăm nghìn, mỗi lần thêm một trăm nghìn.

30. a) Đếm từ một trăm nghìn đến hai trăm nghìn, mỗi lần thêm 10 000.

b) Đếm từ hai trăm nghìn đến chín trăm nghìn, mỗi lần thêm 50 000.

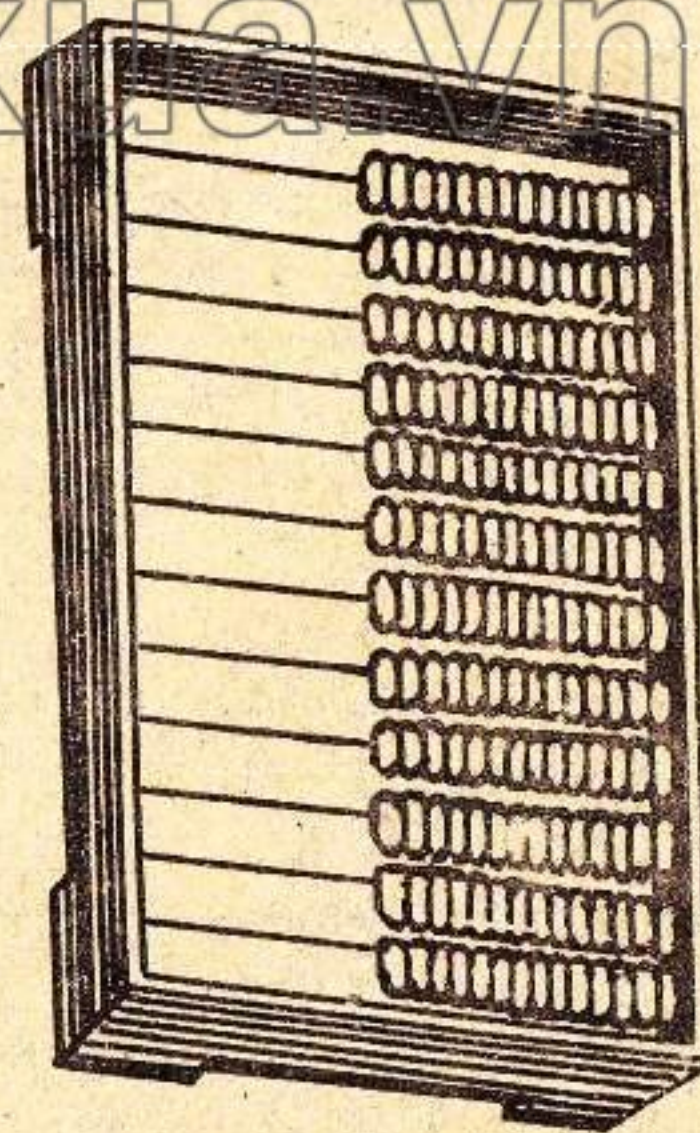
31. Đọc những số viết trong bảng dưới đây và gạt những con tính để chỉ những số ấy:

Trăm nghìn (chục vạn)	Chục nghìn (vạn)	Nghìn	Trăm	Chục	Đơn vị
3	2	5	1	4	0
2	6	1	8	0	0
4	0	5	3	2	0
6	3	0	0	5	0
8	0	0	0	0	0
2	0	0	4	5	0

32. Đọc những số sau này và gạt những con tính để chỉ những số ấy:

111 111; 186 436;
214 800; 530 705;
40 060; 600 480.

33. Gạt những con tính để chỉ những số sau này, rồi viết bằng chữ số: tám nghìn linh năm; bốn mươi bảy nghìn mười hai;



— Trăm triệu
— Chục triệu
— Triệu
— Chục vạn
— Vạn
— Nghìn
— Trăm
— Chục
— Đơn vị

Cái bàn tính

ba mươi tư vạn sáu nghìn hai trăm ba mươi ; bốn trăm nghìn năm trăm bốn mươi ; ba trăm nghìn linh năm ; bảy trăm nghìn.

34. Đọc các số có ở trong những câu sau này :

a) Trong 9 năm kháng chiến chồng thực dân Pháp quân và dân ta tiêu diệt được 466 172 tên địch, riêng trong chiến dịch Điện biên phủ ta tiêu diệt được 16 200 tên địch.

b) Tại thành phố Nữ-ước ở Mỹ trong ngày đầu của đợt đầu tranh đòi Ních-xơn chấm dứt chiến tranh xâm lược Việt nam (3-3-1971) đã có 181 000 người đi biểu tình, đã phân phát được 155 000 tờ truyền đơn.

35. Viết bằng chữ số các số sau này :

a) Trong 6 tháng (từ 30-3 đến 30-9-72) quân và dân miền Nam đã diệt ba mươi hai vạn năm nghìn tên địch.

b) Chỉ trong 4 tháng (4-72 đến 8-72) giặc Mỹ đã ném xuống Việt nam hơn sáu mươi ba vạn năm nghìn tấn bom.



— **Tính nhẩm :**

Nhân một số nguyên với 10, 100.

Thí dụ : a) $8 \times 10 = 10 \times 8 = ?$

Giải đáp : 1 chục $\times 8 = 8$ chục = 80.

b) $25 \times 10 = 10 \times 25 = ?$

Giải đáp : 1 chục $\times 25 = 25$ chục = 250.

c) $5 \times 100 = 100 \times 5 = ?$

Giải đáp : 1 trăm $\times 5 = 5$ trăm = 500.

— Muốn nhân một số với 10, ta chỉ việc thêm một chữ số 0 vào bên phải số đó.

— Muốn nhân một số với 100, ta chỉ việc thêm hai chữ số 0 vào bên phải số đó.

Bài tập :

$5 \times 10 ;$	$6 \times 10 ;$	$15 \times 10 ;$
$18 \times 10 ;$	$9 \times 10 ;$	$25 \times 10 ;$
$25 \times 10 ;$	$37 \times 10 ;$	$46 \times 10 ;$
$7 \times 100 ;$	$24 \times 100 ;$	$27 \times 100 ;$
$16 \times 100 ;$	$38 \times 100 ;$	$32 \times 100 ;$

HÀNG VÀ LỚP

36. Đọc các số sau này :

2 ;	200 ;	20 000 ;
0 ;	2 000 ;	200 000.

37. Viết bằng chữ số các số sau này : 6 đơn vị, 6 chục ; 6 trăm ; 6 nghìn ; 6 chục nghìn ; 6 trăm nghìn.

38. a) Trong một số kể từ bên phải sang bên trái, hàng đơn vị ở vị trí thứ mấy ? Hàng chục, hàng trăm ở vị trí thứ mấy ? Hàng nghìn, hàng chục nghìn (vạn), hàng trăm nghìn (chục vạn) ở vị trí thứ mấy ?

b) Trong một số kể từ bên phải sang bên trái, hàng thứ nhất là hàng gì? Hàng thứ hai, hàng thứ ba, hàng thứ tư, hàng thứ năm, hàng thứ sáu là hàng gì?

Trong một số, kể từ bên phải sang bên trái:

- hàng thứ nhất là hàng đơn vị;
- hàng thứ hai là hàng chục;
- hàng thứ ba là hàng trăm;
- hàng thứ tư là hàng nghìn;
- hàng thứ năm là hàng chục nghìn (vạn);
- hàng thứ sáu là hàng trăm nghìn (chục vạn).

39. a) Một số có một chữ số — chữ số đó là 4. Hỏi số đó là bao nhiêu?

b) Một số có hai chữ số, chữ số 4 ở hàng thứ hai, còn chữ số ở hàng đơn vị là 0, thì số đó là bao nhiêu?

40. Viết một số có ba chữ số trong đó chữ số 8 ở hàng thứ ba, còn các chữ số ở các hàng bên phải là chữ số 0. Đọc số đó.

41. Kê vào vở một bảng như ở bài số 31 rồi viết trong bảng đó những số sau này bằng chữ số: bảy nghìn tám mươi; mười lăm nghìn ba trăm; một trăm nghìn bốn trăm linh tám; năm trăm nghìn chín trăm linh sáu; ba trăm mười sáu nghìn linh bốn.

42. Viết bằng chữ số: một trăm chín mươi lăm nghìn bốn mươi tám. Chữ số nào ở hàng thứ sáu, thứ năm, thứ tư, thứ ba, thứ hai, thứ nhất? tên gọi mỗi hàng đó là gì?

43. Đọc các số viết trong bảng dưới đây:

LỚP NGHÌN			LỚP ĐƠN VỊ		
Trăm nghìn (chục vạn)	Chục nghìn (vạn)	Nghìn	Trăm	Chục	Đơn vị
3	4	5	2	7	4
1	8	0	4	2	5
7	0	0	0	0	0

Các hàng đơn vị, hàng chục, hàng trăm hợp thành một lớp gọi là lớp đơn vị.

Các hàng nghìn, chục nghìn (vạn), trăm nghìn (chục vạn) hợp thành lớp nghìn.

Vậy mỗi lớp có ba hàng. Khi viết một số có nhiều lớp, người ta thường viết lớp này tách với lớp kia.

Thí dụ: 345 276; 69 300; 1 340.

44. Kê vào vở một bảng có hàng và lớp. Nghĩ ra 5 số có nhiều chữ số, rồi viết vào bảng đó.

45. Các số sau này có mấy lớp: 156 840; 180 300; 92 050; 8 006; 356; 18?



LỚP TRIỆU

46. Ta sẽ có số nào nếu ta thêm 1 trăm vào 9 trăm? Nếu ta thêm 1 trăm nghìn vào 9 trăm nghìn?

47. Gạt các con tính để chỉ số 999 999. Thêm một đơn vị vào số đó ta sẽ có số nào?

10 trăm nghìn hay 1 000 nghìn gọi là 1 triệu.

Kể từ bên phải sang bên trái, hàng triệu ở vị trí thứ bảy (hay hàng thứ bảy là hàng triệu).

48. Gạt các con tính ở hàng triệu và đếm: 1 triệu, 2 triệu, 3 triệu, 4 triệu, 5 triệu, 6 triệu, 7 triệu, 8 triệu, 9 triệu.
49. Ta sẽ có số nào nếu ta thêm 1 đơn vị vào 9 đơn vị? Nếu ta thêm 1 triệu vào 9 triệu?
50. Gạt các con tính để chỉ số 9 999 999. Thêm 1 đơn vị vào số đó ta sẽ có số nào?
51. Gạt các con tính ở hàng chục triệu và đếm: mười triệu, hai mươi triệu, ba mươi triệu, bốn mươi triệu, năm mươi triệu, sáu mươi triệu, bảy mươi triệu, tám mươi triệu, chín mươi triệu.
52. Ta sẽ có số nào nếu ta thêm mười vào chín mươi? Nếu ta thêm mười triệu vào chín mươi triệu?
53. Gạt các con tính để chỉ số 99 999 999. Thêm một đơn vị vào số đó ta sẽ có số nào?
54. Gạt các con tính ở hàng trăm triệu và đếm: 1 trăm triệu, 2 trăm triệu, 3 trăm triệu, 4 trăm triệu, 5 trăm triệu, 6 trăm triệu, 7 trăm triệu, 8 trăm triệu, 9 trăm triệu.

— 10 triệu gọi là 1 chục triệu.

- Kể từ bên phải sang bên trái hàng chục triệu ở vị trí thứ tám, hay hàng thứ tám là hàng chục triệu.
- 10 chục triệu gọi là 1 trăm triệu. Kể từ bên phải sang bên trái hàng trăm triệu ở vị trí thứ chín (hay hàng thứ chín là hàng trăm triệu).
- Hàng triệu, hàng chục triệu, hàng trăm triệu hợp lại thành lớp triệu.

55. Đọc những số viết trong bảng dưới đây:

LỚP TRIỆU			LỚP NGHÌN			LỚP ĐƠN VỊ		
Trăm triệu	Chục triệu	Triệu	Trăm nghìn	Chục nghìn	Nghìn	Trăm	Chục	Đơn vị
2	4	8	2	4	8	2	4	8
6	0	0	5	6	7	1	7	5
2	0	3	0	0	0	0	0	0
0	7	0	0	5	0	4	0	6
0	0	6	0	3	0	1	2	5

56. Các số sau này có mấy lớp: 654 900 544; 540 003; 6 005 457; 40 004 030?
57. Đọc những số sau này rồi gạt các con tính để chỉ những số đó: 66 433 675; 240 798 999; 805 360 500; 800 060 350; 600 000 000.
58. Ké vào vở một bảng như ở bài số 55, rồi viết vào bảng những số sau này: năm trăm bốn mươi tư triệu ba trăm bốn mươi nghìn một trăm bốn mươi tư; ba trăm năm mươi ba triệu tám trăm bảy mươi lăm nghìn bốn trăm; hai mươi ba triệu; một triệu năm trăm.

59. Gạt các con tính để chỉ những số sau này rồi viết bằng chữ số : năm trăm sáu mươi bảy triệu tám trăm chín mươi một nghìn hai trăm ba mươi tư ; ba trăm hai mươi sáu triệu tám nghìn năm trăm ; sáu triệu hai trăm nghìn ; bốn mươi triệu.

60. Viết bằng chữ số những số sau này : bảy trăm bốn mươi triệu năm trăm hai mươi sáu nghìn ba trăm tám mươi tám ; bốn trăm linh sáu triệu bảy trăm ba mươi nghìn năm trăm ; hai trăm triệu hai trăm nghìn tám trăm tám mươi.

61. Viết bằng chữ số những số sau này :

a) Tính đến 1-1-1972, số dân toàn thế giới là ba nghìn năm trăm năm mươi hai triệu người.

b) Trong 6 tháng tiền công liên tục, chiến thắng oanh liệt, (từ 30-3-1972 đến 30-9-1972) quân và dân miền Nam diệt và bắt ba mươi hai vạn năm nghìn tên địch ; có thêm hai triệu bốn trăm tám mươi sáu nghìn đồng bào được giải phóng khỏi ách Mỹ và chư hầu.

62. Đọc những số sau này rồi gạt những con tính để chỉ những số đó : 456 400 789 ; 690 045 007 ; 70 450 000 ; 40 500 405 ; 10 000 794 ; 986 350 800 ; 7 000 000.

63. Đọc các số ở trong câu sau này :

Để làm các công trình thủy lợi nhỏ, trong 3 năm nhân dân các tỉnh đã đào đắp 337 000 000 mét khối đất.

64. a) Khi em viết số tám thì em phải viết mấy chữ số ?

b) Khi em viết số tuổi em thì em phải viết mấy chữ số ?

c) Bác Hồ sinh năm một nghìn tám trăm chín mươi. Muốn viết năm sinh của Bác thì cần phải viết mấy chữ số ?

5. a) Từ 5-8-1964 đến 1-10-1972 có ba nghìn chín trăm sáu mươi máy bay giặc Mỹ bị bắn rớt trên miền Bắc. Số này có mấy chữ số ?

b) Trong năm tháng chiến đấu, quân và dân tây Nam bộ tiêu diệt năm nghìn năm trăm súng các loại. Số này có mấy chữ số ?

66. Trong những số có 3 chữ số thì chữ số ở hàng nào thuộc hàng lớn nhất ? Chữ số ở hàng nào thuộc hàng nhỏ nhất ?

67. Trong những số có 5 chữ số thì chữ số ở hàng nào thuộc hàng lớn nhất ? Chữ số ở hàng nào thuộc hàng nhỏ nhất ?

68. Trong những số có 4 chữ số, thì số nào khi ta thêm một đơn vị vào ta sẽ được một số có 5 chữ số.



ÔN TẬP — ĐỌC, VIẾT SỐ CÓ NHIỀU CHỮ SỐ

69. Có bao nhiêu đơn vị trong một chục ? Có bao nhiêu chục trong một trăm ? Có bao nhiêu trăm trong

một nghìn? Có bao nhiêu nghìn trong một chục nghìn (vạn)? Có bao nhiêu chục nghìn (vạn) trong một trăm nghìn (chục vạn)? Có bao nhiêu trăm nghìn trong một triệu? Có bao nhiêu triệu trong một chục triệu? Có bao nhiêu chục triệu trong một trăm triệu?

70. 40 đơn vị = ...chục.
 78 đơn vị = ...chục...đơn vị.
 17 chục = ...trăm...chục.
 60 chục = ...trăm.
 20 nghìn = ...chục nghìn.
 34 nghìn = ...chục nghìn...nghìn.
 50 chục nghìn = ...trăm nghìn.
 53 triệu = ...chục triệu...triệu.

71. 10×8 ; 100×7 ; 1000×6 ;
 $(6\ 000 + 4\ 000) \times 8$; 10×12 ; 100×15 ;
 $1\ 000 \times 12$; $(50\ 000 - 20\ 000) \times 7$.

72. Đọc các số sau này và gọi tên các hàng, các lớp trong mỗi số ấy: 30 002; 100 100 100; 80 080 080; 6 804 300; 500 700.

73. a) Soạn một đề toán có 2 phép tính: một phép trừ và một phép cộng.

- b) Soạn một đề toán có 2 phép tính: một phép nhân và một phép chia.

74. $(932 - 256) : (68 : 17)$; $(414 - 135) : 3 \times 7$;
 $(830 - 345) : (75 : 15)$; $(906 - 258) : 6 \times 9$;
 $(864 - 288) : (84 : 14)$; $(368 + 496) : 4 : 3$.



2. CỘNG CÁC SỐ CÓ NHIỀU CHỮ SỐ

CỘNG HAI SỐ. GIỚI THIỆU TÊN CÁC SỐ TRONG PHÉP CỘNG

1. Thiều nhi nước Na-uy lao động lấy tiền giúp xây dựng bệnh viện cho thiếu nhi Việt nam. Đợt đầu được 3 020 cua ron (tiền Na-uy). Đợt sau được 2 860 cua ron. Hỏi cả hai đợt được bao nhiêu tiền ủng hộ Việt nam?

$$\begin{array}{r} 3\ 020 \text{ đồng cua ron} \quad \text{số hạng} \\ + \quad 2\ 860 \text{ đồng} \quad \text{số hạng} \\ \hline 5\ 880 \text{ đồng} \quad \text{tổng số.} \end{array}$$

Cộng nhiều số với nhau là tìm xem các số ấy gộp lại có bao nhiêu đơn vị.

Các số cộng với nhau gọi là các số hạng.

Số tìm được sau khi làm phép cộng gọi là tổng số.

Dấu chỉ phép cộng là dấu + (dấu cộng).

2. Số hạng thứ nhất là 57. Số hạng thứ hai là 49. Hỏi tổng số của hai số hạng đó là bao nhiêu? (tính nhẩm).

3. $\begin{array}{r} 2\ 543 \\ + \quad 3\ 154 \\ \hline \end{array}$ $\begin{array}{r} 52\ 443 \\ + \quad 43\ 252 \\ \hline \end{array}$ $\begin{array}{r} 673\ 532 \\ + \quad 313\ 243 \\ \hline \end{array}$ $\begin{array}{r} 2\ 426\ 125 \\ + \quad 1\ 413\ 712 \\ \hline \end{array}$

4. $426\ 128 + 156\ 229$; $398\ 965 + 170\ 628$;
 $276\ 364 + 58\ 247$; $726\ 045 + 198\ 276$;
 $456\ 772 + 390\ 654$; $378\ 924 + 154\ 389$.

5. Số hạng thứ nhất là 12 356, số hạng thứ hai là 9 756. Tổng số hai số hạng đó là bao nhiêu ?
6. Tìm tổng số của hai số này : 75 390 và 8 075.
7. $76\,428 + 295\,572$; $348\,638 + 552\,162$;
 $726\,145 + 274\,855$; $600\,428 + 299\,596$.



— *Tính nhẩm :*

Chia một số có ba chữ số cho một số có một chữ số.

1. Trường hợp phân chẵn chục của số bị chia chia hết cho số chia.

Thí dụ : $189 : 3 = ?$
 $180 : 3 = 60$
 $9 : 3 = 3$
 $60 + 3 = 63$

Bài tập :

$124 : 2$; $123 : 3$; $168 : 4$; $147 : 7$;
 $142 : 2$; $156 : 3$; $155 : 5$; $168 : 8$;
 $166 : 2$; $186 : 3$; $126 : 6$; $189 : 9$;
 $188 : 2$; $128 : 4$; $186 : 6$; $159 : 3$.

CỘNG NHIỀU SỐ HẠNG CÓ NHỎ

8. $168\,428 + 13\,428 + 986 + 59\,432$;
 $75\,728 + 600\,420 + 492 + 5\,998$;
 $432\,617 + 96\,300 + 4389 + 100\,374$.

9. Số hạng thứ nhất là 3 756. Số hạng thứ hai lớn hơn số hạng thứ nhất 845. Hỏi tổng số là bao nhiêu ?

10. a) Miền Bắc có 21 000 000 người. Miền Nam có 17 000 000 người. Hỏi dân số cả nước ta ?
 b) Báo chí Mỹ công khai thú nhận : Trong 4 năm (từ 1968 đến 1972) giặc Mỹ bị chết là 20 407 tên, bị thương nặng 53 375 tên. Hỏi số giặc Mỹ bị loại khỏi vòng chiến ?

11. $32\,987 + 87\,145 + 26\,092 + 92\,408$;
 $26\,400 + 22\,596 + 70\,678 + 9\,876$;
 $26\,420 + 75\,420 + 7\,436 + 6\,075$.



— *Tính nhẩm :*

$162 : 3$ $155 : 5$ $186 : 6$ $147 : 7$

LUYỆN TẬP CỘNG NHIỀU SỐ HẠNG

12. a)
$$\begin{array}{r} 22\,443 \\ + 34\,224 \\ \hline 32\,112 \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 432\,325 \\ + 142\,231 \\ \hline 214\,121 \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 4\,205 \\ + 3\,021 \\ \hline 2\,400 \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 3\,313\,504 \\ + 1\,241\,408 \\ \hline 325\,020 \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 364\,200\,900 \\ + 12\,400\,500 \\ \hline 3\,100\,050 \end{array}$$

- b) $436\,821 + 375\,425$; $368\,073 + 284\,387$;
 $654\,643 + 370\,865$; $504\,643 + 275\,807$;
 $456\,908 + 478\,624$; $607\,460 + 25\,779$.

13. a) Số hạng thứ nhất là 378 654. Số hạng thứ hai lớn hơn số hạng thứ nhất là 2 678. Hỏi tổng số là bao nhiêu ?

b) Thay các chữ trong các phép tính sau bằng những chữ số thích hợp :

$$\begin{array}{r} 580. \\ + 2569 \\ 3..7 \\ \hline ..910 \end{array} \quad \begin{array}{r} 7.65 \\ + 93.8 \\ 25. \\ \hline .2072 \end{array}$$



— Tính nhẩm:

Trường hợp phần chẵn chục của số bị chia không chia hết cho số chia.

Thí dụ : $132 : 4 = ?$
 $120 : 4 = 30$

$12 : 4 = 3$
 $30 + 3 = 33$

Bài tập :

$112 : 4$; $133 : 7$; $192 : 8$; $117 : 9$;
 $171 : 3$; $145 : 5$; $162 : 6$; $118 : 2$.

TÍNH CHẤT GIAO HOÁN VÀ TÍNH CHẤT KẾT HỢP CỦA PHÉP CỘNG

1. Thay đổi thứ tự các số hạng :

14. Làm phép cộng bên cạnh, cộng từ trên xuống rồi cộng từ dưới lên ; các kết quả tìm được so với nhau như thế nào ?

$$\begin{array}{r} 2\ 348 \\ + 3\ 752 \\ \hline 6\ 096 \\ + 5\ 390 \end{array}$$

Tổng số của nhiều số hạng sẽ không thay đổi, nếu ta thay đổi thứ tự của các số hạng.

15. a) Làm các phép cộng sau này bằng cách thay đổi thứ tự các số hạng :

$204\ 506 + 23\ 121 + 420\ 210$;
 $44\ 521 + 23\ 035 + 233$.

b) Cộng các số sau này theo thứ tự nào thì mau hơn :

$88 + 75 + 12$; $25 + 97 + 15 + 3$.

2. Thay hai hay nhiều số hạng bằng tổng số của chúng :

16. Các tổng sau này có bằng nhau không ?

$19 + 80 + 75 + 16$; $19 + (80 + 75) + 16$.

Trong một phép cộng có nhiều số hạng, ta có thể thay hai hay ba số hạng bằng tổng số của chúng, rồi cộng với những số hạng còn lại.

17. Cho các số sau này : $1\ 356$; $2\ 784$; 396 ; $1\ 897$; 965 ; $5\ 308$; 297 ; $5\ 620$. Tìm tổng số của chúng bằng những phương pháp khác nhau.

a) Cộng bốn số đầu trước, sau đó cộng bốn số sau rồi cộng hai tổng số với nhau.

b) Trước hết cộng tất cả các số có bốn chữ số, sau đó cộng tất cả các số có ba chữ số, rồi cộng hai tổng số với nhau.

c) Còn có phương pháp nào khác ?

18. Tìm tổng số của các số sau này bằng những phương pháp khác nhau :

$$1\ 202 + 2\ 436 + 1\ 572 + 8\ 564 + 5\ 128 + 1\ 349 + 6\ 498 + 4\ 651.$$

19. Giải các phép tính sau này bằng những phương pháp khác nhau :

a) $285 + 39\ 685 + 967\ 200 + 482 + 87\ 563.$

b) $287 + 5\ 680 + 15\ 490 + 85 + 29\ 080 + 756 + 2\ 396 + 780.$



— *Tính nhẩm :*

$132 : 4 ; \quad 145 : 5 ; \quad 192 : 6 ; \quad 184 : 8.$

20. Làm các phép cộng viết ở bên, sau đó thay đổi thứ tự các số hạng rồi cộng lại một lần nữa. So sánh hai tổng số vừa tìm được.

$$\begin{array}{r} 1\ 242 \\ + 5\ 064 \\ \hline \end{array} \quad \begin{array}{r} 72\ 402 \\ + 12\ 043 \\ \hline 4\ 221 \end{array}$$

Muốn thử lại một phép cộng, ta cộng các số hạng theo một thứ tự khác. Nếu phép tính làm đúng thì các kết quả tìm được như nhau.

21. A — Làm các phép cộng sau này rồi thử lại bằng phương pháp cộng :

a) $126\ 890 + 56\ 720 + 27\ 908.$

b) $318\ 760 + 49\ 085 + 27\ 360 + 654.$

B — Làm các phép tính sau này rồi thử lại :

a) $36\ 728 + 4\ 096 + 135\ 728 + 4\ 036\ 824.$

b) $596\ 004 + 3\ 247\ 090 + 37\ 680 + 24\ 035\ 056.$

c) Chỉ trong một ngày (31-10-72) có 50 000 nhân dân thủ đô Cu-ba, 10 000 nhân dân thủ đô Ý, 7 000 nhân dân thủ đô Nhật, 8 000 nhân dân thành phố Bôt-xơn Mỹ biểu tình lên án Mỹ xâm lược Việt nam. Em hãy tính trong ngày đó có bao nhiêu người ở 4 nước trên biểu tình ủng hộ nhân dân Việt nam, phản đối Mỹ xâm lược ?



3. TRỪ CÁC SỐ CÓ NHIỀU CHỮ SỐ

TRỪ KHÔNG NHỚ — GIỚI THIỆU TÊN CÁC SỐ TRONG PHÉP TRỪ

1. Tham gia bắt sâu để bảo vệ mùa màng, học sinh một trường đã bắt được 3 488 con sâu bấp trong hai buổi. Buổi đầu các em bắt được 2 176 con. Hỏi buổi sau, các em bắt được bao nhiêu con sâu ?

$$\begin{array}{r} 3\ 488 \text{ con sâu ... số bị trừ} \\ - 2\ 176 \text{ con sâu ... số trừ} \\ \hline 1\ 312 \text{ con sâu ... hiệu số} \end{array}$$

2. Trong 5 tháng quân và dân miền Nam đã thu và phá hủy 5860 xe quân sự. Trong đó có 2100 xe tăng, xe bọc thép. Hỏi loại xe quân sự khác bị thu và phá hủy là bao nhiêu? (Tính từ 30-3 đến 30-8-72).

Khi đã biết tổng số của hai số hạng và một trong hai số hạng đó, muốn tìm số hạng kia ta dùng một phép tính gọi là phép trừ.

Trong một phép trừ, số lớn gọi là số bị trừ, số nhỏ gọi là số trừ, kết quả tìm được gọi là hiệu số.

Dấu của phép trừ là — (dấu trừ).

3.
$$\begin{array}{r} 3\ 568 \\ - 2\ 430 \\ \hline \end{array} \quad \begin{array}{r} 278\ 699 \\ - 56\ 070 \\ \hline \end{array} \quad \begin{array}{r} 1\ 845\ 090 \\ - 532\ 020 \\ \hline \end{array} \quad \begin{array}{r} 583\ 479\ 500 \\ - 72\ 103\ 000 \\ \hline \end{array}$$

4. a) Số bị trừ là 968, số trừ là 235, tìm hiệu số của 2 số đó.

b) Số bị trừ là 1350, số trừ là 1140, tìm hiệu số của 2 số đó.

c) Tổng số của ba số là 1561. Số thứ nhất là 327, số thứ hai là 723. Hãy tính số thứ ba.

5. Tìm số hạng chưa biết (thay bằng chữ x) trong các phép tính sau này:

$$x + 200 = 400; \quad 270 + x = 480; \quad 40 + 80 + x = 150.$$



— *Tính nhẩm:*

LÀM TRÒN SỐ

Phép cộng: Trường hợp một trong hai số hạng nhỏ hơn số chẵn chục, chẵn trăm một vài đơn vị.

Thí dụ: $36 + 38$ hay $38 + 36$.
 $36 + 38 = 36 + 40 - 2 = 74$.

Bài tập:

$$\begin{array}{llll} 83 + 49; & 54 + 29; & 114 + 38; & 134 + 29; \\ 93 + 38; & 57 + 18; & 125 + 49; & 146 + 28; \\ 75 + 29; & 74 + 48; & 126 + 58; & 155 + 19; \\ 65 + 39; & 85 + 59; & 137 + 48; & 167 + 28. \end{array}$$

TRỪ CÓ NHỎ — TRƯỜNG HỢP CÓ SỐ 0 Ở SỐ BỊ TRỪ VÀ SỐ TRỪ

6.
$$\begin{array}{r} 6\ 550 \\ - 3\ 039 \\ \hline \end{array} \quad \begin{array}{r} 45\ 073 \\ - 25\ 500 \\ \hline \end{array} \quad \begin{array}{r} 28\ 540 \\ - 20\ 032 \\ \hline \end{array} \quad \begin{array}{r} 450\ 750 \\ - 160\ 036 \\ \hline \end{array} \quad \begin{array}{r} 653\ 075 \\ - 348\ 045 \\ \hline \end{array}$$

7.
$$\begin{array}{r} 689\ 869 \\ - 378\ 180 \\ \hline \end{array} \quad \begin{array}{r} 632\ 512 \\ - 418\ 418 \\ \hline \end{array} \quad \begin{array}{r} 672\ 014 \\ - 119\ 009 \\ \hline \end{array} \quad \begin{array}{r} 742\ 054 \\ - 629\ 037 \\ \hline \end{array} \quad \begin{array}{r} 920\ 547 \\ - 510\ 370 \\ \hline \end{array}$$

8. Số bị trừ là 35 680, số trừ là 19 785. Hỏi hiệu số hai số đó là bao nhiêu?

9. Số bị trừ là 20 300, số trừ là 7 980. Hỏi hiệu số hai số đó là bao nhiêu?

10. $40\ 321 - 27\ 123$; $60\ 434 - 12\ 728$;
 $9\ 000 - 2\ 853$; $724\ 350 - 52\ 257$;
 $240\ 356 - 23\ 414$; $70\ 800 - 6\ 891$.
11. $363\ 000 - 341\ 623$; $1\ 000\ 000 - 999\ 399$;
 $200\ 096 - 47\ 672$; $1\ 000\ 000 - 681$;
 $690\ 000 - 9\ 231$; $1\ 000\ 000 - 56$.



— *Tính nhẩm:*

Phép trừ: Trường hợp số trừ nhỏ hơn số cần chục, cần trăm một vài đơn vị.

Thí dụ: $43 - 19$.

$$43 - 19 = 43 - 20 + 1 = 24.$$

Bài tập:

$$\begin{array}{llll} 36 - 18 ; & 54 - 38 ; & 76 - 58 ; & 115 - 78 ; \\ 37 - 19 ; & 57 - 39 ; & 77 - 59 ; & 126 - 79 ; \\ 45 - 28 ; & 65 - 48 ; & 83 - 68 ; & 145 - 88 ; \\ 46 - 29 ; & 68 - 49 ; & 88 - 69 ; & 186 - 89 . \end{array}$$

SỰ PHỤ THUỘC GIỮA CÁC SỐ TRONG
PHÉP CỘNG, PHÉP TRỪ

12. Làm các phép cộng sau này và thử lại bằng phép trừ :

$$\begin{array}{ll} x + 3\ 680 = 4\ 500 ; & 305 + x + 45 = 520 . \\ 1\ 268 + 4\ 576 ; & 2\ 756 + 4\ 098 + 572 ; \\ 45\ 086 + 152\ 604 . & \end{array}$$

Một trong hai số hạng của một phép cộng bằng tổng số của chúng trừ đi số hạng kia.

Muốn thử một phép cộng có hai số hạng, ta lấy tổng số tìm được trừ đi một trong hai số hạng đó. Nếu phép tính giải đúng thì hiệu số tìm được phải bằng số hạng kia.

13. Giải các phép trừ sau này rồi thử lại bằng phương pháp cộng và phương pháp trừ :

$$\begin{array}{ll} 3\ 976 - 1\ 842 ; & 58\ 490 - 27\ 260 ; \\ 65\ 480 - 63\ 156 ; & 5\ 980 - 4\ 736 ; \\ 86\ 994 - 45\ 628 ; & 90\ 101 - 64\ 065 ; \end{array}$$

Số bị trừ bằng số trừ cộng với hiệu số.

Số trừ bằng số bị trừ trừ đi hiệu số.

Muốn thử một phép trừ, ta lấy số trừ cộng với hiệu số; nếu phép trừ làm đúng thì số tìm được phải bằng số bị trừ.

Phép trừ cũng có thể thử bằng phương pháp trừ: lấy số bị trừ trừ đi hiệu số; nếu phép tính làm đúng thì kết quả tìm được phải bằng số trừ.

14. Tìm số bị trừ thay thế bằng x trong các phép tính sau này :

$$\begin{array}{ll} x - 375 = 400 ; & x - 1\ 378 = 2\ 160 ; \\ x - 13\ 106 = 28\ 090 ; & x - 216 = 900 ; \\ x - 5\ 346 = 7\ 100 ; & x - 4\ 068 = 5\ 400 . \end{array}$$

15. Tìm số trừ (thay thế bằng chữ x) trong các phép tính sau này :

$$\begin{array}{rcl} 190 - x = 140; & 1\ 260 - x = 920; \\ 7\ 536 - x = 4\ 280; & 300 - x = 130; \\ 1\ 620 - x = 450; & 5\ 248 - x = 3\ 905; \end{array}$$



— *Tính nhẩm:*

$$34 - 19; \quad 63 - 29; \quad 42 - 30; \quad 70 - 41.$$

CÁCH THỬ PHÉP TRỪ

16. Giải các phép tính sau này rồi thử lại bằng phương pháp cộng :

$$\begin{array}{rcl} 2\ 638 - 1\ 579; & 75\ 318 - 9\ 306; \\ 156\ 886 - 38\ 024; & 4\ 690 - 1\ 378; \\ 48\ 070 - 5\ 064; & 369\ 840 - 258\ 572. \end{array}$$

17. Hãy thử lại xem các phép trừ này có đúng không :

$$\begin{array}{l} 44\ 521 - 23\ 035 = 21\ 486 \\ 43\ 216 - 28\ 024 = 15\ 192. \end{array}$$



— *Tính nhẩm:*

$$240 - 160; \quad 320 - 280; \quad 430 - 350.$$

LUYỆN TẬP VỀ TRỪ KẾT HỢP VỚI GIẢI TOÁN

18. Em hãy làm các phép trừ sau này rồi thử lại :

$$\begin{array}{rcl} 7\ 896 - 3\ 654; & 68\ 535 - 31\ 224; \\ 856\ 767 - 223\ 565; & 85\ 635 - 21\ 421; \\ 4\ 598 - 456; & 489\ 576 - 7\ 344. \end{array}$$

19. Lấy 150 trừ đi một số thì còn lại 120. Tìm số đó.

20. Trong một phép trừ, số trừ là 550, hiệu số là 280. Tìm số bị trừ.

Trong một phép trừ, số bị trừ là 720, hiệu số là 460. Tìm số trừ ?



— *Tính nhẩm:*

Áp dụng tính chất giao hoán và kết hợp của phép cộng.

Phép cộng : Thí dụ : $28 + 39 + 12$.

$$28 + 39 + 12 = 28 + 12 + 39 = 40 + 39 = 79.$$

Bài tập :

$$\begin{array}{ll} 13 + 42 + 7; & 12 + 24 + 18; \\ 15 + 37 + 5; & 16 + 14 + 35; \\ 17 + 24 + 3; & 17 + 13 + 42; \\ 22 + 35 + 8; & 19 + 43 + 11. \end{array}$$

ÔN TẬP VỀ CỘNG VÀ TRỪ CÁC SỐ CÓ NHIỀU CHỮ SỐ

21. $756\ 034 + 60\ 964 - 590\ 211$;
 $899\ 504 - 839\ 364 + 679\ 890 - 299\ 222$;
 $23\ 789\ 496 - 1\ 589\ 635 + 347\ 600 - 5\ 173\ 065$.

22. Tổng số của hai số 547 934, 38 564 lớn hơn hiệu số của hai số 456 286, 246 742 bao nhiêu ?



— **Tính nhẩm:**

$$\begin{aligned} 14 + 23 + 6 + 7; \\ 17 + 8 + 3 + 2; \\ 25 + 27 + 15 + 13; \\ 28 + 34 + 22 + 16. \end{aligned}$$

LUYỆN TẬP

23. $482\ 005 - (155\ 000 - 97\ 000)$;
 $(1\ 000\ 000 - 1) + (100\ 000 - 74\ 355)$;
 $(400\ 000 - 9) - (300\ 000 - 500)$;
 $(600\ 000 - 800) - (500\ 000 + 7\ 500)$.
24. Hai đội dân công có nhiệm vụ trồng 356 700 cây để gây rừng. Đội thứ nhất trồng được 187 426 cây. Đội thứ hai trồng được ít hơn đội thứ nhất 14 980 cây. Hỏi hai đội đã trồng vượt mức bao nhiêu cây?



ÔN CỘNG, TRỪ KẾT HỢP GIẢI TOÁN

25. $? + 3\ 750 = 5\ 000$; $4\ 705 + ? = 5\ 000$;
 $? - 1\ 500 = 2\ 400$; $2\ 260 - ? = 1\ 500$;
 $1\ 680 + ? = 2\ 040$; $? + 1\ 906 = 2\ 081$;
 $? + 8\ 750 = 9\ 001$; $3\ 705 - ? = 1\ 890$;
 $? + 3\ 286 = 6\ 100$; $3\ 085 + ? = 6\ 400$;
 $? - 4\ 780 = 7\ 025$; $6\ 200 - ? = 5\ 490$.
26. $654\ 837 + 85\ 768$; $324 + 523 + 109\ 768$;
 $896\ 542 + 7\ 956$; $384\ 672 + 160\ 379$;
 $401\ 520 + 295\ 092$; $542\ 943 + 490\ 098$.

27. $245\ 000 - 72\ 642$; $802\ 360 - 432\ 082$;
 $520\ 008 - 12\ 660$; $900\ 120 - 65\ 098$;
 $700\ 024 - 84\ 062$; $710\ 001 - 584\ 743$.

28. Một thư viện có 1600 quyển sách cho cấp Một, cấp Hai, cấp Ba. Trong đó có 328 quyển của cấp Một, 260 quyển của cấp Hai. Hỏi số sách của cấp Ba là bao nhiêu quyển?
29. Trong 6 tháng đầu năm 1971, quân và dân miền Nam Việt nam, Lào và Cam-pu-chia bắn rớt và phá hủy được 2290 máy bay giặc Mỹ. Trong đó có 1160 chiếc bị rớt ở miền Nam và 490 chiếc ở Cam-pu-chia. Hỏi số máy bay bị bắn rớt ở Lào?
30. Một nhà máy sản xuất gạch xây nhà. Tháng thứ nhất được 17 065 viên, tháng thứ hai trội hơn tháng thứ nhất 5 788 viên. Tháng thứ ba ít hơn tổng số của hai tháng trước là 12 984 viên. Hỏi số gạch nhà máy đã sản xuất trong tháng thứ ba?

31. Nghĩ một bài toán giải bằng những phép tính như sau:

a) $1\ 380 + 460 = 1\ 840$

b) $1\ 840 - 720 = 1\ 120$.

32. Thay các chấm ở các số trong những phép tính sau này bằng những chữ số cho thích hợp:

$\begin{array}{r} 36.0 \\ + 274.. \\ \hline 3...0 \\ ..143 \end{array}$	$\begin{array}{r} 56.7 \\ + 9341 \\ \hline .23 \\ 15581 \end{array}$	$\begin{array}{r} 51.8 \\ - 2.1. \\ \hline .083 \end{array}$	$\begin{array}{r} 4.23 \\ - 12.. \\ \hline .205 \end{array}$
---	--	--	--

33. Toán vui :

a) Thay mỗi chấm trong phép cộng sau này bằng một chữ số để cho tổng số bằng 1 000

$$\dots + \dots + \dots + \dots = 1\,000$$

b) Lấy một số gồm 4 chữ số liên tiếp. Đảo ngược các chữ số của số đó ta được một số mới. Lấy số mới trừ đi số cũ ta luôn luôn được hiệu số là 3 087. Thí dụ : 2 345 đảo ngược các chữ số thành 5 432; $5\,432 - 2\,345 = 3\,087$.

c) Cháu hỏi ông : « Ông ơi ! cây đa này đã sống được bao nhiêu năm rồi ? ». Ông nói : « Nếu cháu lấy số lớn nhất của các số có 1 chữ số cộng với số lớn nhất của các số có 2 chữ số, cộng với số lớn nhất của các số có 3 chữ số rồi trừ đi số nhỏ nhất của các số có 4 chữ số thì sẽ biết cây đa này đã sống được bao nhiêu năm ». Người cháu suy nghĩ chưa ra. Vậy nhờ các em tính giúp.



4. NHÂN CÁC SỐ CÓ NHIỀU CHỮ SỐ

A—NHÂN VỚI MỘT SỐ CÓ MỘT CHỮ SỐ

SỐ BỊ NHÂN CÓ 3, 4, 5 CHỮ SỐ. GỌI TÊN CÁC SỐ TRONG PHÉP NHÂN

1. Tính miệng : 8×6 ; 80×6 ; 800×6 ; $8\,000 \times 6$.
2. Một chiếc ô-tô vận tải đã chở 6 chuyến hàng, mỗi chuyến 3 132kg. Hỏi cả 6 chuyến xe đó đã chở được bao nhiêu ki-lô-gam hàng ?

Để giải bài toán này, ta phải cộng 6 lần số 3 132 kg :

$$3\,132\text{kg} + 3\,132\text{kg} + 3\,132\text{kg} + 3\,132\text{kg} + 3\,132\text{kg} + 3\,132\text{kg}$$

Đặt tính như vậy vừa khó vừa phải cộng nhiều số hạng giống nhau. Ta có thể thay phép cộng đó bằng phép nhân :

3 132kg	số bị nhân
× 6	số nhân
—	tích số
18 792kg	

Muốn tính nhanh tổng số của nhiều số hạng giống nhau, ta dùng một phép tính gọi là phép nhân.

Mỗi số hạng (giống nhau) là số bị nhân.

Số các số hạng là số nhân.

Số bị nhân và số nhân là những thừa số của phép nhân.

Kết quả của phép nhân gọi là tích số.

Dấu của phép nhân là $\times$ (nhân với).

3. a) Số bị nhân là 527, số nhân là 3. Tìm tích số.

b) 714×6 ; 619×5 ; 562×4 ; 974×2 ;
 816×3 ; 923×4 ; 683×3 ; 461×5 .

4. Mỗi mẫu đất trồng bông thu được 532 kg bông hạt. Hỏi 4 mẫu thu được bao nhiêu ki-lô-gam bông hạt ?

5. Tính miệng :

a) $6 \times 7 + 9$; 70×9 ; 600×4 ; 400×7 ;
 $9 \times 5 + 7$; 80×7 ; 300×5 ; 500×6 .

b) Số bị nhân là 50, số nhân là 8. Tìm tích số.

6. $4\,236 \times 2$; $3\,423 \times 6$; $3\,678 \times 8$;
 $2\,272 \times 3$; $4\,756 \times 3$; $9\,364 \times 9$;
 $1\,687 \times 4$; $7\,348 \times 5$; $9\,375 \times 7$.
7. Một máy xe chỉ mỗi giờ xe được 3 785m. Hỏi trong 5 giờ, máy đó xe được bao nhiêu mét chỉ?
8. Tìm tích số của 34 269 nhân với 3.
9. $51\,425 \times 4$; $31\,425 \times 7$; $127\,856 \times 6$; $118\,967 \times 8$;
 $24\,532 \times 6$; $52\,634 \times 8$; $139\,487 \times 5$; $116\,895 \times 7$.
10. Ở một vườn cà phê, năm thứ nhất trồng được 572 cây. Năm thứ hai trồng nhiều gấp 3 lần năm đầu. Năm thứ ba trồng nhiều gấp đôi so với năm thứ hai. Hỏi số cây cà phê trồng năm thứ ba?



Tính nhẩm:

Cộng các số chẵn trăm trong phạm vi 1 000:

$$400 + 300 = 700 \text{ (4 trăm + 3 trăm = 7 trăm)}$$

$200 + 100$;	$100 + 300$;	$500 + 200$;
$300 + 200$;	$200 + 200$;	$300 + 400$;
$400 + 100$;	$400 + 200$;	$500 + 300$.

SỐ BỊ NHÂN CÓ CHỮ SỐ 0 Ở GIỮA
HOẶC TẬN CÙNG BẰNG CHỮ SỐ 0

11. Một chiếc ghe bầu chở được 3 008kg gạo. Ba chiếc chở được mấy ki-lô-gam gạo?

$$3\,008\text{kg} \times 3 = ?$$

$$\begin{array}{r} 3\,008\text{kg} \\ \times 3 \\ \hline 9\,024\text{kg} \end{array}$$

12. Tính miệng:

$$\begin{array}{llll} 0 \times 6; & 0 \times 5 + 6; & 104 \times 6; & 208 \times 4; \\ 0 \times 9; & 0 \times 8 + 9; & 107 \times 9; & 305 \times 3. \end{array}$$

13. 307×5 ; 608×6 ; $4\,003 \times 5$; $8\,006 \times 5$;
 205×9 ; 507×8 ; $7\,004 \times 4$; $4\,007 \times 8$.

14. Một cửa hàng gạo mới nhận được 2 068kg gạo nếp và một số gạo tẻ nhiều gấp 5 lần gạo nếp. Ngoài ra còn nhận một số đậu xanh so với gạo nếp thì kém 1 340kg. Hỏi số gạo tẻ, số đậu xanh?

15. Mỗi chiếc xe bò chở được 1 500kg gạo. Hỏi 6 chiếc xe bò chở được mấy ki-lô-gam gạo?

$$1\,500\text{kg} \times 6 = ?$$

$$\begin{array}{r} 1\,500\text{kg} \\ \times 6 \\ \hline \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 1\,500\text{kg} \\ \times 6 \\ \hline \end{array}$$

Ta hãy tạm không để ý đến những chữ số 0 tận cùng. Khi nhân xong các chữ số kia, ta đếm xem có bao nhiêu chữ số 0 thì hạ xuống bên phải tích số mới tìm được bấy nhiêu chữ số 0.

Đáp số: Số gạo đã chở là 9 000kg.

16. $2\,960 \times 4$; $5\,620 \times 8$; $6\,300 \times 9$;
 $6\,370 \times 5$; $4\,800 \times 6$; $8\,200 \times 7$.

17. $(4\,756 \times 8) + (7\,006 \times 6)$;
 $(3\,064 \times 9) - (3\,805 \times 7)$;
 $(42\,536 \times 5) + (20\,805 \times 4)$;
 $(36\,893 \times 6) - (27\,356 \times 5)$.

18. Một đoàn xe lửa chở hàng hóa gồm có 9 toa lớn và 9 toa nhỏ. Mỗi toa lớn xếp 19 500kg hàng và mỗi toa nhỏ xếp 9 500kg. Hỏi cả đoàn xe đó đã chở được bao nhiêu ki-lô-gam hàng?

19. Các em tham gia phong trào «Diệt ruồi như diệt giặc Mỹ». Ngày thứ nhất diệt 10 660 con. Ngày thứ hai diệt gấp 4 lần ngày đầu. Ngày thứ ba diệt kém ngày thứ hai 4 560 con. Hỏi cả 3 ngày các em diệt được bao nhiêu con ruồi?

20. Làm lại xem những phép tính dưới đây có đúng không?

$$9\ 006 \times 4 \times 3 = 108\ 072;$$

$$8\ 009 \times 5 \times 7 = 280\ 315;$$

$$(3\ 758 + 38\ 249) \times 8 = 336\ 056;$$

$$(153\ 080 - 3\ 036) \times 6 = 900\ 264.$$

— Tính nhẩm:

Cộng số chẵn trăm với số chẵn chục:

$$200 + 70 = 270 \text{ (20 chục + 7 chục = 27 chục)}$$

$$100 + 80; \quad 400 + 20; \quad 700 + 80;$$

$$200 + 40; \quad 500 + 50; \quad 800 + 10;$$

$$200 + 70; \quad 300 + 90; \quad 900 + 90.$$

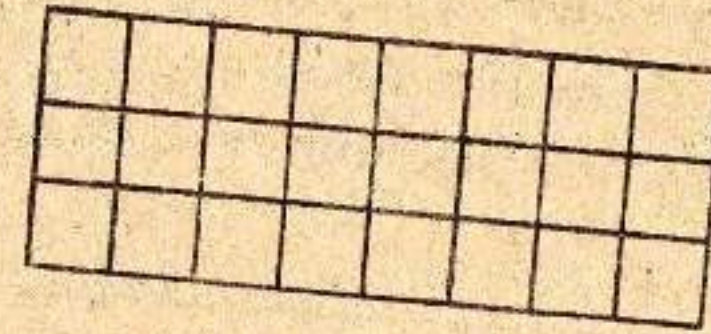
TÍNH CHẤT GIAO HOÁN VÀ KẾT HỢP CỦA PHÉP NHÂN

21. Làm lại xem tích số của 2 phép nhân dưới đây có như nhau không?

a) $6 \times 7 = 7 \times 6$

b) $2 \times 8 \times 5 = 8 \times 5 \times 2 = 5 \times 2 \times 8.$

22. Tính số ô vuông ở hình vẽ dưới đây bằng 2 cách:



$$8 \times 3 = 24$$

$$3 \times 8 = 24$$

Nếu ta thay đổi thứ tự của các thừa số, tích số vẫn không thay đổi.

23. Thay đổi thứ tự các thừa số trong những phép nhân dưới đây cho dễ làm:

$$2 \times 42; \quad 3 \times 346; \quad 4 \times 2\ 788; \quad 7 \times 48\ 206;$$

$$6 \times 517; \quad 8 \times 635; \quad 7 \times 3\ 562; \quad 9 \times 13\ 004.$$

24. Tính miệng:

a) $4 \times 25; \quad 6 \times 120; \quad 5 \times 25;$
 $3 \times 32; \quad 5 \times 220; \quad 2 \times 350;$
 $5 \times 120; \quad 7 \times 300; \quad 3 \times 215.$

b) Có 8 giờ làm việc trong một ngày. Hỏi có bao nhiêu giờ làm việc trong 25 ngày? trong 15 ngày?

Mỗi cánh cửa sổ có 8 miếng kính. Hỏi 24 cánh cửa có bao nhiêu miếng kính?

25. $25 \times 7 \times 4 = 25 \times 4 \times 7 = 100 \times 7 = 700$

$$20 \times 9 \times 5;$$

$$16 \times 4 \times 5 \times 3;$$

$$25 \times 13 \times 4;$$

$$15 \times 7 \times 4;$$

$$4 \times 18 \times 25 \times 5 \times 7;$$

$$12 \times 35 \times 2.$$

Trong một phép nhân có nhiều thừa số, ta có thể thay hai hay nhiều thừa số bằng tích số của chúng mà kết quả tìm được vẫn không thay đổi.

26. Mỗi viên gạch trung bình cân được 2kg. Người ta đã xếp 355 viên lên một chiếc xe bò. Hỏi xe đó chở được bao nhiêu ki-lô-gam?



Tính nhẩm:

Cộng các số chẵn chục có trăm, không nhớ:

$$240 + 350 = 240 + 300 + 50 = 590$$

$$\begin{array}{lll} 120 + 130 & 240 + 530 & 470 + 520 \\ 140 + 150 & 320 + 270 & 610 + 170 \\ 170 + 120 & 650 + 240 & 820 + 150 \end{array}$$

NHÂN VỚI SỐ CHẴN CHỤC, CHẴN TRĂM

27. a) Thêm một chữ số 0 vào bên phải số 625, ta được số nào?

- b) Số 6 250 lớn gấp mấy lần số 625?

Muốn nhân một số với 10, ta thêm một chữ số 0 vào bên phải số đó.

28. a) Thêm một chữ số 0 vào bên phải số 63, ta được số nào?

- b) Thêm hai chữ số 0 vào bên phải số 63, ta được số nào?

- c) Số 6 300 lớn gấp mấy lần số 63?

Muốn nhân một số với 100, ta thêm hai chữ số 0 vào bên phải số đó.

29. Một bao lúa nặng 73kg. Hỏi 6 bao nặng bao nhiêu? 60 bao nặng bao nhiêu?

$$\begin{array}{r} 73\text{kg} \\ \times 6 \\ \hline 438\text{kg} \end{array} \quad \begin{array}{r} 73\text{kg} \\ \times 60 \\ \hline 4\,380\text{kg} \end{array}$$

6 bao lúa nặng 438kg

60 bao lúa nặng 4 380kg.

30. Một thùng dầu hỏa có 18 lít. Hỏi 300 thùng có bao nhiêu lít?

Tính miệng:

$$18 \times 300 = 18 \times 3 \times 100 = 54 \times 100 = 5\,400$$

Tính viết:

$$\begin{array}{r} 18 \\ \times 300 \\ \hline 5\,400 \end{array}$$

31. 3×300 ; 5×700 ; 14×600 ; 236×40 ;
 6×300 ; 8×400 ; 43×800 ; 413×600 .

32. 124×20 ; 705×60 ; $1\,035 \times 80$;
 346×30 ; 839×50 ; $3\,908 \times 90$;
 514×40 ; 904×70 ; $4\,007 \times 60$.

33. Một dãy nhà ở có 40 cửa sổ. Mỗi cửa sổ có 16 miếng kính. Hỏi tất cả 40 cửa sổ có bao nhiêu miếng kính?
34. Có 30 thùng dầu dừa, mỗi thùng 22kg và 700kg dầu đậu phộng. Hỏi thứ dầu nào nhiều hơn? Nhiều hơn bao nhiêu?



— **Tính nhẩm:**

Cộng các số chẵn chục có trăm, có nhớ:

$$460 + 350 = 460 + 300 + 40 + 10 = 810.$$

$$140 + 160; \quad 240 + 370; \quad 470 + 270;$$

$$120 + 180; \quad 350 + 380; \quad 560 + 280;$$

$$150 + 160; \quad 320 + 490; \quad 780 + 190.$$

B — NHÂN VỚI MỘT SỐ CÓ HAI CHỮ SỐ

HAI THỪA SỐ ĐỀU DƯỚI 100

35. Một tấm vải có 32m. Hỏi 14 tấm có bao nhiêu mét?

$$\begin{array}{r} \times 32\text{m} \\ \times 14 \\ \hline 128 \\ + 320 \\ \hline 448\text{m} \end{array}$$

$$\begin{array}{r} \times 32\text{m} \\ \times 14 \\ \hline 128 \\ + 32... \text{ (chục)} \\ \hline 448\text{m} \end{array}$$

- 4 tấm vải có bao nhiêu mét?
- 10 tấm (hay 1 chục) vải có bao nhiêu mét?
- 14 tấm vải có bao nhiêu mét?

36. Số bị nhân là 47, số nhân là 23. Tìm tích số.

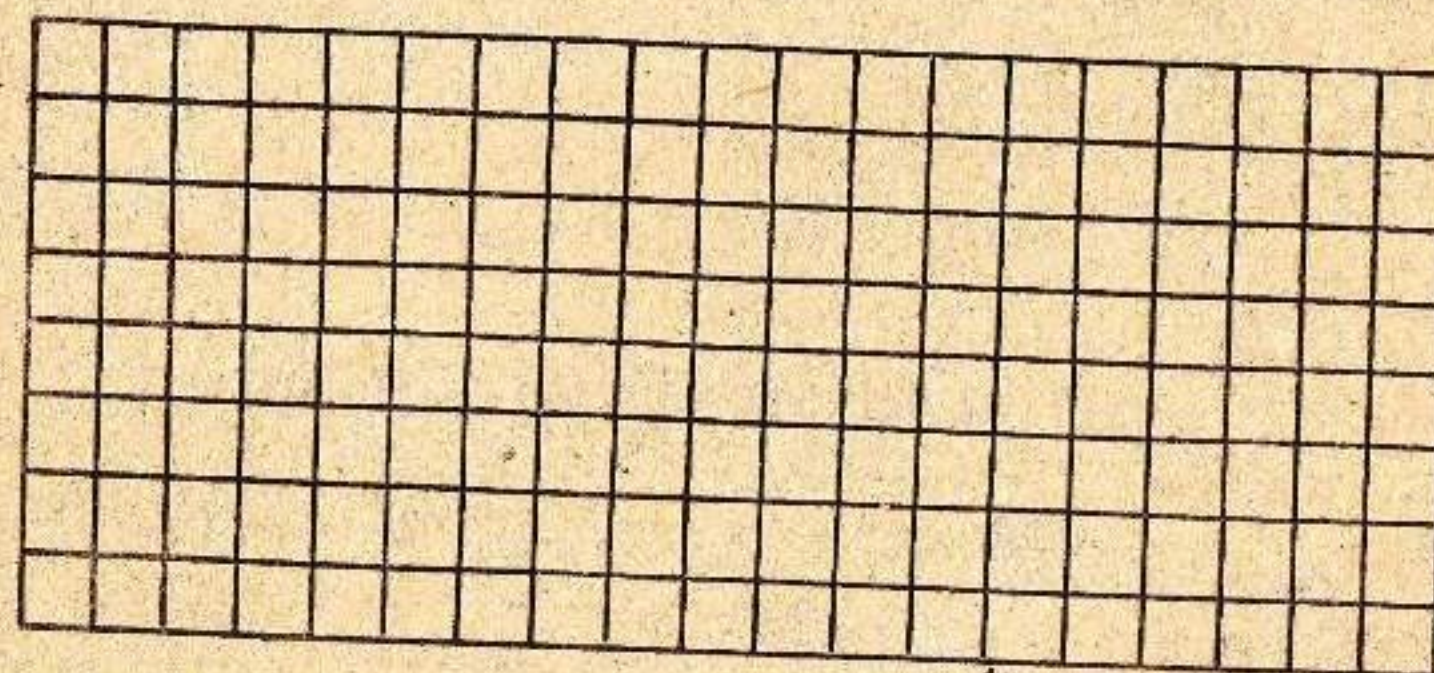
37. $42 \times 14; \quad 36 \times 23; \quad 52 \times 36; \quad 68 \times 24;$
 $54 \times 16; \quad 28 \times 34; \quad 43 \times 64; \quad 56 \times 32.$

38. Một tá bút chì có 12 cái. Hỏi 3 tá có bao nhiêu cái? 10 tá có bao nhiêu cái? 13 tá có bao nhiêu cái?
39. Mỗi quyển vở có 24 tờ giấy. Hỏi 6 quyển có bao nhiêu tờ? 20 quyển có bao nhiêu tờ? 26 quyển có bao nhiêu tờ?



CÁCH THỬ PHÉP NHÂN

40. Trong hình vẽ dưới đây có bao nhiêu ô vuông?
- a) Nếu em đếm theo hàng ngang thì có 8 hàng, mỗi hàng 19 ô vuông. Vậy tất cả có $19 \times 8 = 152$ ô.
- b) Nếu em đếm theo hàng dọc thì có 19 hàng, mỗi hàng 8 ô. Vậy tất cả có $8 \times 19 = 152$ ô.



Tích số của hai phép nhân trên đây như nhau. Muốn thử một phép nhân, ta thay đổi thứ tự của hai thừa số mà nhân lại. Nếu tích số mới tìm thấy đúng với tích số trước thì phép nhân đã làm đúng.

41. Thử lại xem những phép nhân dưới đây có đúng không :

- a) $85 \times 14 = 1\ 190$
 b) $54 \times 46 = 2\ 484$
 c) $65 \times 72 = 4\ 680$.

42. Làm những phép nhân dưới đây xem kết quả có như nhau không :

- a) $28 \times 72 = 72 \times 28$
 b) $45 \times 36 = 36 \times 45$
 c) $75 \times 24 = 24 \times 75$.

43. Mỗi sọt tôm khô cân nặng 32 kg. Hỏi có bao nhiêu ki-lô-gam tôm khô trong 26 sọt ?



— Tính nhẩm :

Trừ các số chẵn trăm :

$600 - 300 = 300$ (6 trăm — 3 trăm = 3 trăm).
 $200 - 100$ $500 - 300$ $800 - 700$
 $300 - 100$ $600 - 200$ $900 - 100$
 $300 - 200$ $600 - 400$ $700 - 300$

SỐ BỊ NHÂN CÓ BA CHỮ SỐ

44.

$428 \times 36 = ?$

$$\begin{array}{r} 428 \\ \times 36 \\ \hline 2568 \\ + 1284 \\ \hline 15408 \end{array}$$

$507 \times 24 = ?$

$$\begin{array}{r} 507 \\ \times 24 \\ \hline 2028 \\ + 1014 \\ \hline 12168 \end{array}$$

45.

124×11

356×14

635×18

472×26

526×43

413×37

46.

545×34

766×52

639×47

609×56

904×78

705×83

47. Một chiếc máy cừ mỗi phút kéo được 125m dây thép. Máy đó chạy 45 phút thì kéo được bao nhiêu mét dây thép ?

48. Anh tôi đi xe đạp trong 5 phút được 975m. Cứ đạp đều chân như vậy thì từ nhà ra thị xã phải đi mất 35 phút. Hỏi từ nhà ra thị xã đường xa bao nhiêu ?



— Tính nhẩm :

Trừ số chẵn trăm cho số chẵn chục :

$400 - 50 = 40$ chục — 5 chục = 35 chục = 350.
 $200 - 50$ $300 - 40$ $800 - 80$
 $200 - 70$ $400 - 60$ $900 - 10$
 $300 - 70$ $600 - 80$ $700 - 60$

SỐ BỊ NHÂN CÓ BỐN, NĂM CHỮ SỐ TRỞ LÊN

49. Số bị nhân là 4 325, số nhân là 26. Tìm tích số.

50. $1\ 245 \times 13$; $5\ 436 \times 44$; $4\ 027 \times 68$; $6\ 204 \times 58$;
 $3\ 648 \times 24$; $7\ 582 \times 56$; $6\ 007 \times 94$; $7\ 005 \times 76$.

51. $32\ 445 \times 15$; $15\ 028 \times 43$; $28\ 447 \times 78$;
 $18\ 027 \times 26$; $27\ 196 \times 57$; $36\ 324 \times 52$.

52.

$$43\,276 \times 17; \quad 16\,000 \times 58;$$

$$(72\,315 - 71\,721) : 9 \times 57;$$

$$27\,942 \times 26; \quad 40\,680 \times 19;$$

$$(104\,000 - 103\,073) : 3 \times 48.$$



— *Tính nhẩm :*

Trừ số chẵn chục có trăm cho số chẵn chục không nhớ :

$$270 - 50 = 200 + (70 - 50) = 220$$

$$\begin{array}{r} 160 - 40; \quad 280 - 60; \quad 780 - 70; \\ 180 - 50; \quad 360 - 50; \quad 850 - 40; \\ 220 - 10; \quad 480 - 40; \quad 990 - 80. \end{array}$$

HAI THỪA SỐ TẬN CÙNG BẰNG CHỮ SỐ 0

53. Một hộp bút chì có 120 cái. Hỏi 8 hộp có bao nhiêu cái ?

$$120 \text{ bút chì} \times 8 = ?$$

$$12 \text{ chục} \times 8 = ?$$

$$\begin{array}{r} 12 \text{ chục} \\ \times 8 \\ \hline 96 \text{ chục} = 960 \text{ cái} \end{array} \quad \text{hay} \quad \begin{array}{r} 120 \text{ cái} \\ \times 8 \\ \hline 960 \text{ cái} \end{array}$$

54. Trong 1 tuần, một máy dệt dệt được 1800m vải. Hỏi 20 máy dệt như thế, cùng thời gian đó, dệt được bao nhiêu mét vải ?

$$1\,800\text{m} \times 20 = ?$$

$$\begin{array}{r} 1\,800\text{m} \\ \times 20 \\ \hline 36\,000\text{m} \end{array} \quad \text{hay} \quad \begin{array}{r} 1\,800\text{m} \\ \times 20 \\ \hline 36\,000\text{m} \end{array}$$

Trong trường hợp số bị nhân hay số nhân, hoặc cả hai thừa số đều tận cùng bằng chữ số 0, ta không nhân những chữ số 0 đó. Nhân xong các chữ số khác, ta đếm xem ở hai thừa số có bao nhiêu chữ số 0 thì thêm bấy nhiêu chữ số 0 vào bên phải tích số.

55. $56 \times 3; \quad 32 \times 8; \quad 630 \times 12; \quad 2\,600 \times 14;$
 $560 \times 3; \quad 3\,200 \times 8; \quad 570 \times 24; \quad 1\,800 \times 15;$
 $560 \times 30; \quad 3\,200 \times 80; \quad 570 \times 240; \quad 1\,800 \times 1\,500.$

56. Một chiếc xe đạp mỗi phút đi được 180m. Hỏi trong 40 phút, 20 phút, 30 phút, xe đó đi được bao nhiêu mét ?

57. Một chiếc máy bay bay từ tỉnh A đến tỉnh B hết 3 giờ; cũng với tốc độ đó, nó bay từ tỉnh B đến tỉnh C hết 4 giờ. Từ A đến B xa 750km. Hỏi từ B đến C xa bao nhiêu ki-lô-mét ?

58. 3 chiếc xe bò đã chở được 960 viên gạch, sau lại có 16 xe nữa, sức chở trung bình cũng như các xe trước. Hỏi cả thảy bao nhiêu viên gạch được chở đi ?



— *Tính nhẩm :*

Trừ số chẵn chục có trăm cho số chẵn chục, có nhớ :

$$230 - 50 = 230 - 30 - 20 = 180$$

$$\begin{array}{r} 280 - 30; \quad 320 - 50; \quad 560 - 80; \\ 250 - 50; \quad 430 - 60; \quad 720 - 70; \\ 240 - 50; \quad 470 - 80; \quad 810 - 90. \end{array}$$

LUYỆN TẬP NHÂN VỚI SỐ CÓ MỘT
HAY HAI CHỮ SỐ

59. 470×6 ; 230×16 ; $680 : 4 \times 15$;
 $5\ 600 \times 8$; 540×38 ; $810 : 3 \times 58$;
 $43\ 700 \times 7$; 860×73 ; $950 : 5 \times 67$.
60. a) Số bị nhân là 12 436, số nhân là 14, tìm tích số.
 b) $18\ 376 \times 15$; $17\ 405 \times 57$; $30\ 790 \times 28$.
61. 1 lít dầu hỏa nặng 820g. Hỏi 18 lít nặng bao nhiêu?
62. Tám chiếc xe bò chở gạo. Một xe mỗi chuyến chở được 6 bao, mỗi bao cân được 102kg. Ngày thứ nhất chở được 8 chuyến, ngày thứ hai 12 chuyến. Hỏi cả hai ngày đoàn xe đó đã chở được bao nhiêu ki-lô-gam gạo?
63. Người ta đã cho xếp lên một chiếc ô-tô vận tải 18 bao đường, mỗi bao cân được 50kg và 12 bao đậu xanh mỗi bao cũng cân được 50kg. Hỏi xe đó chở bao nhiêu ki-lô-gam hàng?



— Tính nhẩm :

Trừ các số chẵn chục có trăm, không nhớ :

$$450 - 230 = 450 - 200 - 30 = 220$$

$140 - 120$	$280 - 150$	$560 - 240$
$250 - 130$	$460 - 120$	$780 - 570$
$270 - 150$	$460 - 320$	$880 - 510$

C — NHÂN VỚI MỘT SỐ CÓ BA CHỮ SỐ

64. Trong tuần vừa qua một xưởng làm khuy đã sản xuất được 125 ví khuy, mỗi ví có 144 cái. Hỏi số khuy đó là bao nhiêu?

— 5 ví khuy có bao nhiêu cái khuy ?	$\times \begin{array}{r} 144 \text{ khuy} \\ 125 \\ \hline \end{array}$
— 20 ví khuy có bao nhiêu cái khuy ?	$\begin{array}{r} 720 \\ + \end{array}$
— 100 ví khuy có bao nhiêu cái khuy ?	$\begin{array}{r} 288 \text{ ...chục} \\ 144 \text{ ...trăm} \\ \hline \end{array}$
— 125 ví khuy có bao nhiêu cái khuy ?	18000 khuy

65. Làm những phép nhân dưới đây bằng cách nào cho mau :

$162 \times 2\ 544$;	300×543 ;
$178 \times 88\ 546$;	$720 \times 8\ 546$.

66. 524×316 ; 425×343 ; 346×234 ; 628×352 ;
 463×241 ; 234×446 ; 453×362 ; 435×536 .

67. Tính xem tích số của những phép nhân dưới đây có bằng nhau không?

a) $742 \times 231 = 231 \times 742$
 b) $546 \times 32 = 32 \times 546$
 c) $158 \times 2\ 886 = 2\ 886 \times 158$

76. Người bán ngôi lợp nhà nói với người mua :
« Trong kho có 9 715 viên ngói thì 115 viên sứt
mẻ đã để riêng ở góc kia. Còn bao nhiêu ông cứ
xếp vô 6 xe mà chở ». Hỏi trung bình mỗi xe chở
được bao nhiêu viên ngói ?

77. $376 \times (632 : 4)$; $912 : 8 \times 788$; $785 : 5 \times 380$;
 $457 \times (531 : 3)$; $840 : 7 \times 809$; $672 : 4 \times 590$;
 $608 \times (785 : 5)$; $882 : 6 \times 958$; $856 : 8 \times 609$.

78. $(83\ 124 - 83\ 076) : 4 \times 356$; $816 : 2 : 4$;
 $(110\ 322 - 109\ 272) : 6 \times 708$; $855 : 3 : 5$;
 $(301\ 010 - 300\ 170) : 5 \times 497$; $972 : 4 : 3$.

79. Một mét vải giá 3đ. 225 mét vải giá bao nhiêu ?

5. PHÉP CHIA

A — CHIA CHO MỘT SỐ CÓ MỘT CHỮ SỐ

1. Một hiệu may đem 632m vải ra may quần áo.
Mỗi bộ trung bình hết 4m. Hỏi số vải đó may
được mấy bộ quần áo ?

(số bị chia)	632	4 (số chia)
	23	158 (số thương)
	32	
	0	

b) $360 : 3 = 120$
số bị chia số chia số thương

c) (số bị chia)	754	4 (số chia)
	35	188 (số thương)
	34	
	...2	

số dư(thừa)

2. $7\ 358 : 2$; $8\ 125 : 5$; $7\ 524 : 6$; $2\ 569 : 7$;
 $5\ 832 : 3$; $9\ 376 : 4$; $8\ 168 : 6$; $5\ 022 : 9$.

3. Trong 3 năm nông dân một tỉnh đã đào đắp được
12 762 461 mét khối đất để làm thủy lợi. Tính xem
trung bình mỗi năm họ đã làm được bao nhiêu
mét khối ?

4. Một xưởng dệt trong 1 tuần lễ đã sản xuất được
1 950 chiếc khăn mặt. Hỏi cứ 6 chiếc buộc thành
một buộc thì được bao nhiêu buộc khăn mặt ?

5. $13\ 452 : 4$; $40\ 356 : 6$; $45\ 768 : 8$; $60\ 774 : 7$;
 $17\ 364 : 3$; $29\ 834 : 7$; $30\ 519 : 9$; $49\ 565 : 5$.

6. Một nơi làm gạch đã lấy 3 lò được tất cả 97 356
viên gạch. Hỏi trung bình mỗi lò được bao nhiêu
viên gạch ?

7. $5\ 396 : 4$; $9\ 114 : 6$; $(43\ 785 - 38\ 598) : 3$;
 $7\ 152 : 3$; $8\ 862 : 7$; $(13\ 009 - 7\ 485) : 4$;
 $8\ 970 : 5$; $9\ 768 : 6$; $(20\ 200 - 12\ 874) : 6$.



— Tính nhẩm :

Chia số chẵn chục cho 10 :

$270 : 10 = 27$ (27 chục : 1 chục = 27)
 $40 : 10$; $120 : 10$; $560 : 10$;
 $80 : 10$; $260 : 10$; $780 : 10$;
 $90 : 10$; $480 : 10$; $920 : 10$.

**SỰ PHỤ THUỘC GIỮA CÁC SỐ TRONG
PHÉP NHÂN, CÁCH THỬ PHÉP NHÂN**

8. Tích số của hai số là 56. Một trong hai số đó là 8.
Hãy tìm số kia?

$$8 \times ? = 56$$

$$56 : 8 = 7$$

Thử lại... $8 \times 7 = 56$

Thừa số thứ hai là 7.

**Một trong hai thừa số của phép nhân
bằng tích số của chúng chia cho thừa số kia.**

9. Tìm thừa số (thay bằng các chữ x) trong các phép
tính sau này:

$$\begin{array}{l} x \times 8 = 72; \quad x \times 7 = 105; \quad 9 \times x = 36; \\ x \times 9 = 108; \quad x \times 8 = 336; \quad 9 \times x = 81. \end{array}$$

10. Cách thử phép nhân (bằng phép chia).

a) (thừa số thứ 1) 125
(thừa số thứ 2) $\times 6$
(tích số) 750

b) $750 : 6 = 125$ (thừa số thứ 1) hoặc:
 $750 : 125 = 6$ (thừa số thứ 2)

- c) Kết luận: phép nhân làm đúng.

**Muốn thử phép nhân, ta lấy tích số chia
cho một trong hai thừa số. Nếu phép tính
nhân làm đúng thì số thương tìm được
bằng thừa số kia.**

11. Làm các phép tính sau này rồi thử lại bằng cách
nhân (tính chất giao hoán) và bằng cách chia (sự
phụ thuộc giữa các số trong phép nhân):

$$\begin{array}{lll} 642 \times 3; & 1\,050 \times 5; & 3\,140 \times 8; \\ 314 \times 4; & 746 \times 7; & 2\,782 \times 9. \end{array}$$

12. a) Tích số của hai số là 2 736. Số nhân là 8.
Tìm số bị nhân.

- b) Tích số của hai số bằng 34 664. Số nhân là 7.
Tìm số bị nhân.

- c) Một trong hai thừa số bằng 9. Tích số của chúng
bằng 108 045. Hãy tìm thừa số kia?

★
— **Tính nhẩm:**

Chia số chẵn trăm cho 100:

$$\begin{array}{lll} 300 : 100 = 3 & (3 \text{ trăm} : 1 \text{ trăm}) = 3 \\ 200 : 100; & 500 : 100; & 800 : 100; \\ 300 : 100; & 400 : 100; & 700 : 100; \\ 100 : 100; & 600 : 100; & 900 : 100. \end{array}$$

**SỰ PHỤ THUỘC GIỮA CÁC SỐ TRONG
PHÉP CHIA — CÁCH THỬ PHÉP CHIA**

13. a) $7 \times 4 = 28$
b) $28 : 4 = ?$
c) $28 : 7 = ?$

Em hãy làm hai phép tính b và c, rồi so sánh với phép tính a thầy thầy nào? (nhắc lại sự phụ thuộc giữa các số trong phép nhân).

Tìm số bị chia:

14. a) Số nào khi chia hết cho 5 thì được 8?

b) $? : 4 = 9$ $? : 5 = 18$ $? : 2 = 18$ $? : 5 = 284$
 $? : 3 = 15$ $? : 6 = 20$ $? : 7 = 30$ $? : 8 = 137$
 $? : 3 = 48$ $? : 4 = 50$ $? : 9 = 90$ $? : 7 = 256$.

15. a) Số chia là 6, số thương là 15, tìm số bị chia.

b) Số chia là 8, số thương là 136, tìm số bị chia.

16. $56 : 7$ $84 : 7$ $60 : 12$ $72 : 18$ $91 : 13$
 7×8 7×12 12×5 18×4 13×7

17. $? : 6 = 352$ $? : 9 = 574$ $? : 8 = 675$
 $? : 3 = 495$ $? : 7 = 1001$ $? : 5 = 1005$

Tìm số chia:

18. a) Số 32 chia cho số nào thì được 8?

b) $27 : ? = 9$ $50 : ? = 2$ $68 : ? = 4$
 $91 : ? = 7$ $42 : ? = 7$ $72 : ? = 3$
 $75 : ? = 5$ $87 : ? = 3$ $81 : ? = 9$

c) $\frac{35}{x} = 5$ $\frac{80}{x} = 16$ $\frac{240}{x} = 8$ ⁽¹⁾

d) Trong một phép chia, số chia là 15, số thương là 4, số dư là 4. Tìm số bị chia. Nếu số bị chia là 64, số thương là 4, số dư là 4 thì số chia là bao nhiêu?

(1) $\frac{35}{x}$ có nghĩa là $35 : x$.

Muốn thử một phép chia, ta nhân số thương với số chia. Nếu phép chia đã làm đúng thì tích số đó phải bằng số bị chia. Trường hợp phép chia có dư, ta làm như trên rồi cộng với số dư. Nếu phép tính làm đúng thì kết quả tìm được phải bằng số bị chia.

Ta cũng có thể thử một phép chia có dư bằng cách lấy số bị chia trừ đi số dư rồi chia cho số thương. Phép tính làm đúng thì kết quả tìm được phải bằng số chia.

19. Muốn trang bị cho một trường học có 580 học sinh thì cần bao nhiêu bộ bàn ghế? Biết rằng mỗi bộ bàn ghế ngồi được 4 học sinh.



SỐ THƯƠNG TẬN CÙNG BẰNG CHỮ SỐ 0

20. Để lắp những hồ bom do giặc Mỹ ném xuống đê, một tiểu đội gồm 8 người đã gánh trong một tuần (6 ngày) được 1440 gánh đất. Hỏi mỗi người đã gánh mấy gánh trong một tuần, trong một ngày?

$$\begin{array}{r|l} 1440 \text{ gánh} & 8 \\ 64 \downarrow & 180 \text{ gánh} \\ \hline 00 & \end{array} \quad \begin{array}{r|l} 180 \text{ gánh} & 6 \\ 00 \downarrow & 30 \text{ gánh} \\ \hline & \end{array}$$

tức là: $144 \text{ chục} : 8 = 18 \text{ chục} = 180$
 và $18 \text{ chục} : 6 = 3 \text{ chục} = 30$

21. Nếu mỗi bộ quần áo may hết 5m thì 1 252m vải may được mấy bộ quần áo ?

$$\begin{array}{r} 1252 \quad | \quad 5 \\ 25 \downarrow \quad | \quad 250 \\ 02 \end{array}$$

125 chục m : 5 m = 25 chục bộ quần áo,
2 m : 5 (2 không chia hết được cho 5 ;
2 m không đủ may một bộ).

Đáp số: 1 252 m vải may được 250 bộ quần áo còn thừa 2m.

22. $6120 : 6 = ?$

$$\begin{array}{r} 6'1'2'0' \quad | \quad 6 \\ 012 \downarrow \quad | \quad 1020 \\ 00 \end{array}$$

Chú ý: Mỗi khi hạ một chữ số ở số bị chia xuống mà không chia được lần nào thì phải viết số 0 vào số thương.

23. $1123 : 4$ $2163 : 6$ $4120 : 4$
 $1602 : 5$ $3435 : 7$ $7140 : 7$

24. Ở một vùng đồng bằng, giặc Mỹ vô cùng dã man đã rải 3 240 tạ chất độc hóa học. Tính trung bình mỗi héc-ta bị 3 tạ chất độc. Hỏi số ruộng đất bị hủy hoại vì chất độc hóa học của giặc Mỹ ?

25. Liên tiếp trong 4 ngày, giặc Mỹ đã rải chất độc hóa học làm chết 17 000 cây ăn trái. Trung bình mỗi ngày giặc Mỹ làm chết bao nhiêu cây ăn trái của vùng đó ?



CHIA CHO 10, CHO 100

— Chia cho 10 :

26. Có 820 que tính đem bó thành từng chục, hỏi được bao nhiêu bó ?

820 hay 82 chục

- a) Tính miệng : 82 chục : 1 chục = 82 (82 bó).

b) Tính viết :

$$\begin{array}{r} 820 \quad | \quad 10 \\ 20 \quad | \quad 82 \\ 0 \end{array}$$

- c) Em hãy nhận xét xem số bị chia (820) và số thương (82) khác nhau ở điểm nào ?

27. a) Một lò chén lấy ra được 2 500 cái chén. Người ta buộc những chén đó thành từng chõng 10 cái một. Hỏi được bao nhiêu chõng chén ?
 $2500 = 250$ chục (tức là được 250 chõng chén).

- b) Em hãy nhận xét xem số bị chia (2 500) và số thương (250) khác nhau ở điểm nào ?

Muốn chia một số tận cùng bằng chữ số 0 cho 10, ta chỉ việc bỏ bớt một chữ số 0 cuối cùng ở số bị chia.

28. (Tính miệng).

$$\begin{array}{llll} 35 \times 10 ; & 27 \times 10 ; & 175 \times 10 ; & 350 \times 10 ; \\ 350 : 10 ; & 270 : 10 ; & 1750 : 10 ; & 3500 : 10. \end{array}$$

29. $84300 : 10 : 10 ;$ $600000 : 10 : 10 ;$
 $100000 : 10 : 10 ;$ $852000 : 10 : 10.$

30. $70 : 10$; $400 : 10$; $1\ 340 : 10$;
 $740 : 10$; $450 : 10$; $13\ 470 : 10$.
31. $250 : 10 + 75$; $520 : 10 \times 10$; $46\ 570 : 10 - 2\ 908$;
 $640 : 10 - 46$; $6\ 400 : 10 : 4$; $50\ 030 : 10 + 4\ 907$.

— Chia cho 100 :

32. a) Cần bao nhiêu hộp để bỏ 25 500 ngòi bút, nếu mỗi hộp có 100 ngòi bút?
 $25\ 500 = 255$ trăm; mỗi hộp là một trăm thì 255 trăm là 255 hộp.
- b) Em hãy nhận xét xem số bị chia (25 500) và số thương (255) khác nhau ở điểm nào?

Muốn chia một số tận cùng bằng nhiều chữ số 0 cho 100, ta chỉ việc bỏ bớt hai chữ số 0 cuối cùng ở số bị chia.

33. 45×100 ; 72×100 ; 135×100 ; 648×100 .
 $4\ 500 : 100$; $7\ 200 : 100$; $13\ 500 : 100$; $64\ 800 : 100$.
34. $1\ 000 : 100$; $10\ 000 : 100$; $100\ 000 : 100$;
 $1\ 800 : 100$; $15\ 600 : 100$; $132\ 400 : 100$;
 $800\ 300 : 100$; $693\ 500 : 100$.
35. $128\ 090 : 10$; $72\ 480 : 10$; $(128\ 300 + 90\ 000) : 100$;
 $401\ 000 : 10$; $530\ 620 : 10$; $(468\ 270 + 12\ 130) : 100$.



— Tính nhẩm:

Nhân với 11

— Nhân một số có một chữ số với 11.

Thí dụ: $8 \times 11 = ?$
 $8 \times 10 = 80$
 $8 \times 1 = 8$
 $80 + 8 = 88$

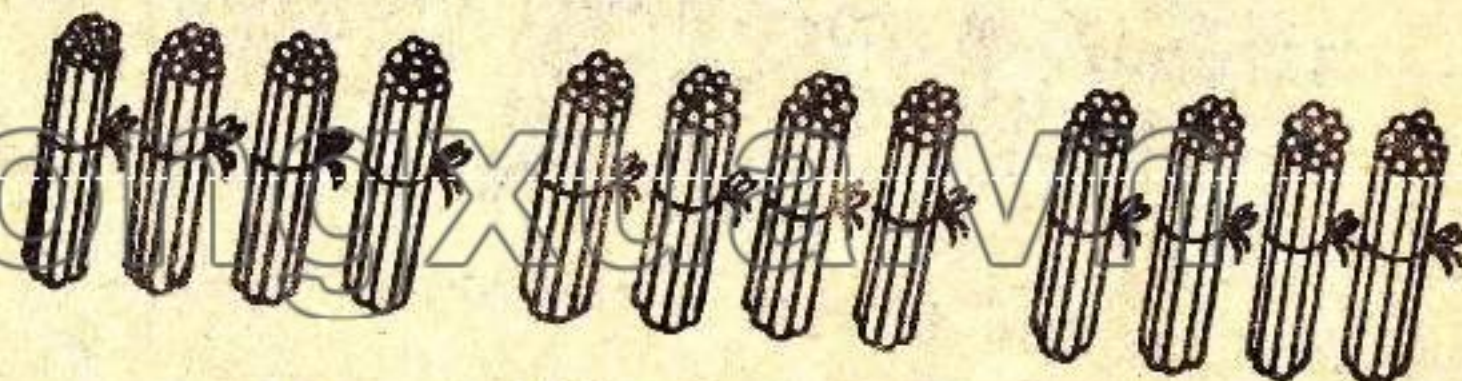
Muốn nhân một số có một chữ số với 11, ta lập đáp số gồm hai chữ số như số đã cho.

Bài tập:

3×11 ;	1×11 ;	7×11 ;
2×11 ;	4×11 ;	8×11 ;
5×11 ;	6×11 ;	9×11 .

CHIA CHO MỘT SỐ CHẴN CHỤC

36. Có mấy lần 40 trong 120?



$$\begin{array}{r} 120 : 40 = ? \\ 12 \text{ chục} : 4 \text{ chục} = ? \end{array}$$

CHIA CÓ DƯ

37. Có 250 tờ giấy đóng thành vở, mỗi quyển đóng hết 20 tờ thì được mấy quyển?

$$\begin{array}{r} 250 \\ 50 \overline{) 250} \\ 10 \end{array}$$

Đáp số: 250 tờ giấy đóng được 12 quyển vở, dư 10 tờ.

38. Mỗi túi bột mỳ có 20 kg. Hỏi 935 kg thì đóng được mấy túi?

39. $240 : 30$; $480 : 20$; $840 : 70$;
 $350 : 50$; $880 : 40$; $700 : 50$;
 $200 : 40$; $720 : 60$; $960 : 80$;
 40. $180 : 40$; $148 : 20$; $746 : 80$;
 $260 : 30$; $285 : 40$; $403 : 60$;
 $380 : 50$; $364 : 60$; $528 : 90$.

41. Số bị chia là 170, số chia 30. Tìm số thương và số dư.

42. Tìm số thương và số dư của những phép chia dưới đây:

$378 : 50$; $308 : 40$; $654 : 70$; $675 : 80$; $612 : 90$;
 $292 : 30$; $504 : 60$; $583 : 90$; $592 : 60$; $609 : 70$.

43. 3 600 giây là mấy phút? 7 200 phút là mấy giờ?

44. Làm lại xem những số thương ghi dưới đây có đúng không:

$2\ 520 : 40 = 63$; $29\ 340 : 60 = 489$.

45. Không cần làm tính viết, em hãy tìm những số thương của các phép tính sau đây:

$1\ 840 : 40$; $1\ 440 : 40$; $1\ 950 : 50$.



— **Tính nhẩm:**

Nhân một số có hai chữ số với 11

Cách làm thứ nhất:

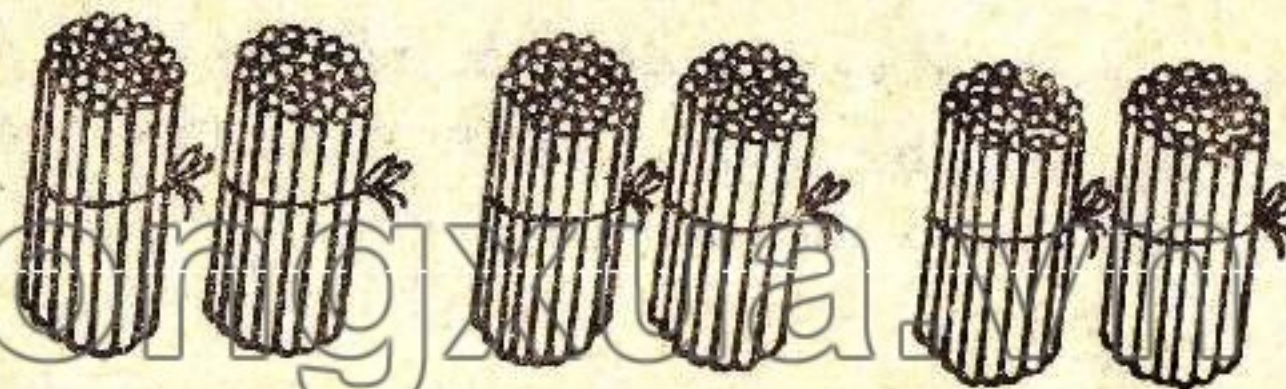
$12 \times 11 = 12 \times 10 + 12 = 132$

Muốn nhân một số có hai chữ số với 11, ta nhân với 10, được bao nhiêu cộng với chính số đó.

11×11 ; 24×11 ; 47×11 ;
 12×11 ; 36×11 ; 52×11 ;
 13×11 ; 45×11 ; 65×11 .

CHIA CHO MỘT SỐ CHẴN TRĂM

46. Có mấy lần 200 trong 600?



$600 : 200 = ?$

6 trăm : 2 trăm = ?

Trong trường hợp số bị chia và số chia đều tận cùng bằng một, hai hay nhiều chữ số 0, ta có thể bỏ ở mỗi bên một, hai hay nhiều chữ số 0 đó rồi hãy chia.

47. Chia 1 700 cho 200

$$\begin{array}{r} 1\ 700 \\ 200 \overline{) 1\ 700} \\ \underline{1\ 600} \\ 100 \end{array}$$

 (dư một trăm)

48. $1\ 500 : 500 ;$ $1\ 800 : 600 ;$ $6\ 300 : 700 ;$
 $2\ 400 : 400 ;$ $4\ 500 : 500 ;$ $1\ 800 : 300 ;$
 $3\ 600 : 900 ;$ $4\ 000 : 800 ;$ $4\ 800 : 600 ;$
 $2\ 100 : 300 ;$ $4\ 900 : 700 ;$ $4\ 800 : 800 .$

49. Tìm số thương và số dư của các phép chia dưới đây :

$1\ 700 : 200 ;$ $2\ 600 : 300 ;$ $39\ 400 : 700 ;$
 $3\ 700 : 400 ;$ $3\ 900 : 600 ;$ $58\ 100 : 800 ;$
 $2\ 800 : 600 ;$ $5\ 800 : 700 ;$ $48\ 900 : 900 .$

LUYỆN TẬP CHIA CHO SỐ CÓ 1 CHỮ SỐ

50. Người ta dùng xe lửa để chở một số hàng. Nếu dùng loại toa chở được 40 kiện hàng một toa thì phải mất 15 toa mới chở hết. Hỏi nếu dùng loại toa chở được 20 kiện hàng thì phải mất mấy toa ?

51. Một xưởng xà phòng dùng một xe ô-tô và một xe bò chở được 3 960kg nguyên liệu. Xe ô-tô chở được 72 hòm, xe bò chở được 18 hòm. Hỏi mỗi hòm đựng được bao nhiêu ki-lô-gam nguyên liệu ? (các hòm đều nặng như nhau).

52. Có 7 chiếc xe ô-tô chở 24 150kg hàng. Hỏi trung bình mỗi xe chở được bao nhiêu ki-lô-gam hàng ?



— **Tính nhẩm:**

Nhân một số có hai chữ số với 11 (tiếp theo)
 Cách làm thứ hai:

a) Trường hợp 1: Tổng số hai chữ số của số bị nhân không quá 9.

$$25 \times 11 = ? \quad 2 + 5 = 7 \rightarrow 275$$

$$25 \times 11 = 275$$

Muốn nhân một số có hai chữ số (tổng số không quá 9) với 11, ta cộng hai chữ số của số đó với nhau, được bao nhiêu viết xen vào giữa hai chữ số của số đó.

$15 \times 11 ;$ $25 \times 11 ;$ $52 \times 11 ;$
 $14 \times 11 ;$ $35 \times 11 ;$ $72 \times 11 ;$
 $12 \times 11 ;$ $45 \times 11 ;$ $81 \times 11 .$

B — CHIA CHO MỘT SỐ CÓ HAI CHỮ SỐ

SỐ BỊ CHIA CÓ BA CHỮ SỐ — CHIA KHÔNG DƯ

— *Lấy hai số đầu để chia.*

53. Tính miệng:

$48 : 12 ;$ $75 : 25 ;$ $90 : 15 ;$
 $56 : 14 ;$ $86 : 43 ;$ $78 : 26 ;$
 $72 : 18 ;$ $68 : 34 ;$ $94 : 47 .$

54. Trong 70 có mấy lần 10 ? — Có mấy lần 11 ?
 — Có mấy lần 13 ?

55. Trong 80 có mấy lần 20 ? — Có mấy lần 19 ?
 — Có mấy lần 18 ?

56. Trên sân vận động có 375 anh thanh niên đứng thành 15 hàng để biểu diễn thể dục. Hỏi mỗi hàng có mấy người?

$$375 \text{ người} : 15 = ? \text{ người}$$

$$\begin{array}{r} 375 \\ 15 \overline{) 375} \\ \underline{75} \\ 00 \end{array}$$

Đáp số: mỗi hàng có 25 người.

57. Trong một cuộc mít tinh kỷ niệm ngày Quốc khánh, một đoàn thể có 775 người đứng thành những hàng ngang, mỗi hàng 25 người. Hỏi có mấy hàng?

58. $144 : 12$; $608 : 19$; $625 : 25$;
 $169 : 13$; $585 : 13$; $864 : 36$;
 $256 : 10$; $795 : 15$; $966 : 46$.

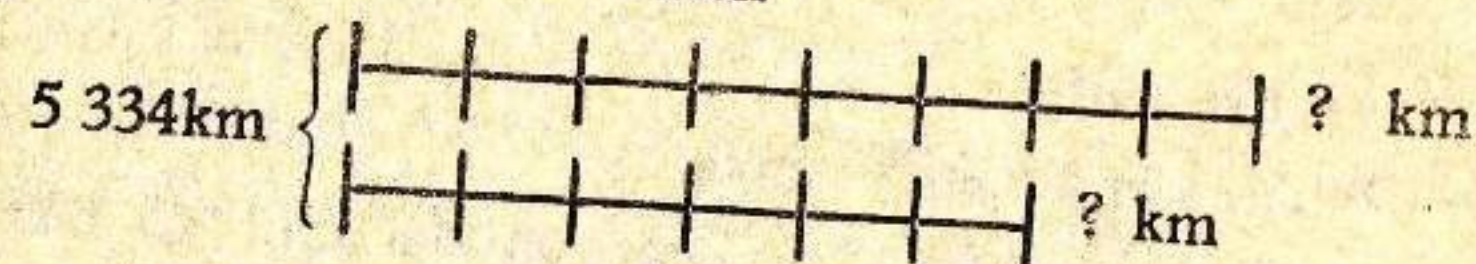
59. Em xét xem 96 gấp mấy lần 24? 24 là một phần mấy của 96? 100 gấp mấy lần 25? 25 là một phần mấy của 100?

60. Một đoàn học sinh có 96 em đi thăm Điện ngọc (nơi chỉ có 7 dũng sĩ đã đánh tan hai tiểu đoàn Mỹ — chư hầu). Các em lập thành từng tổ, mỗi tổ 12 em. Hỏi có mấy tổ?

61. Số bị chia là 7772, số chia là 58. Tìm số thương.

62. Một chiếc máy bay ngày thứ nhất bay 8 giờ, ngày thứ hai bay 6 giờ, được tất cả 5334 km. Hỏi mỗi ngày nó bay được bao nhiêu ki-lô-mét, biết rằng tốc độ trong hai ngày đều nhau.

GIẢI



- a) Trong 2 ngày chiếc máy bay đã bay trong mấy giờ?

$$8 \text{ giờ} + 6 \text{ giờ} = 14 \text{ giờ}$$

- b) Mỗi giờ nó bay được bao nhiêu ki-lô-mét?

$$5334 \text{ km} : 14 = 381 \text{ km}$$

- c) Ngày thứ nhất nó bay được bao nhiêu ki-lô-mét?

$$381 \text{ km} \times 8 = 3048 \text{ km}$$

- d) Ngày thứ hai nó bay được bao nhiêu ki-lô-mét?

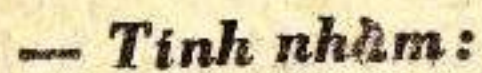
$$381 \text{ km} \times 6 = 2286 \text{ km}$$

Đáp số: Ngày thứ nhất nó bay được 3048km
 Ngày thứ hai nó bay được 2286km
 Thử lại... 5334km

63. Tìm số thương của những phép chia dưới đây:

$$\begin{array}{lll} 896 : 14; & 6851 : 31; & 4686 : 22; \\ 5502 : 42; & 6552 : 52; & 8775 : 75; \\ 6748 : 28; & 38900 : 25; & 9844 : 46. \end{array}$$

64. Một trại nuôi gà trong 18 ngày thu được 4860 quả trứng. Hỏi mỗi ngày thu được mấy quả trứng?



Nhân với 11 (tiếp theo)

b) Trường hợp 2: Tổng số hai chữ số của số bị nhân quá 9.

$$76 \times 11 = ?$$
$$7 + 6 = 13 \rightarrow 736 \xrightarrow{(+1)} 836$$
$$76 \times 11 = 836$$

Nếu tổng số của hai chữ số lớn hơn 9, ta viết chữ số hàng đơn vị của tổng số xen vào giữa hai chữ số của số đó và thêm 1 vào chữ số bên trái.

29×11	57×11	78×11
38×11	59×11	86×11
48×11	67×11	88×11

SỐ BỊ CHIA CÓ BỐN, NĂM CHỮ SỐ, CHIA CÓ
DU — PHẢI LẤY BA CHỮ SỐ MỚI ĐỦ CHIA

65. Trong ngày 1-5, 130 000 nhân dân thủ đô đã họp mít tinh và tuần hành. Nếu đồng bào xếp thành hàng 24 người thì có bao nhiêu hàng người ?
66. Trong 480 có mấy lần 60 ?
Trong 488 có mấy lần 61 ?
67. Trong 210 có mấy lần 30 ?
Trong 203 có mấy lần 29 ?
68. Tìm số thương và số dư ở các phép tính dưới đây :

$$\begin{array}{lll} 343 : 45 ; & 324 : 33 ; & 602 : 67 ; \\ 470 : 58 ; & 450 : 76 ; & 1\,596 : 84. \end{array}$$

69. $24\ 568 : 37$; $35\ 742 : 42$; $37\ 245 : 65$;
 $28\ 385 : 35$; $53\ 824 : 64$; $54\ 578 : 58$.

70. Mỗi chiếc ...

70. Mỗi chiếc xe ô-tô buýt có 45 chỗ ngồi. Hỏi cần có bao nhiêu xe, để chở hết 135 em đi cắm trại ?
— Tính nhẩm

— *Tính nhâm:*

$$48 \times 11 \quad 57 \times 11 \quad 39 \times 11 \quad 65 \times 11$$

LUYỆN TẬP VỀ CHIA CÓ DƯ

Phải lấy 3 chữ số mới đủ chia.

71. Cả trường em có 192 học sinh. Lớp em có 48 học sinh. Hỏi :

a) Sô học sinh lớp em bằng một phần mấy sô học sinh cả trường?

b) Sồ học sinh cả trường đông gấp mấy lần sồ học sinh ở lớp em ?

72. a) Một đoàn học sinh gồm 240 em, trong dịp hè đã được đi thăm phong cảnh vịnh Hạ long. Mỗi toa xe lửa ngồi được 48 em. Hỏi các em ngồi đầy mấy toa ?

b) Các em học sinh nói trên đã lập những tổ 15 người một, để đi thăm hang Đầu gỗ. Hỏi có mấy tổ ?

73. $1\,428 : 42$; $1\,485 : 33$; $3\,420 : 76$; $5\,544 : 84$;
 $1\,584 : 22$; $4\,482 : 54$; $2\,924 : 68$; $6\,080 : 95$;
 74. $1\,155 : 21$; $2\,275 : 35$;

74. $1\,155 : 21$; $2\,074 : 34$; $3\,905 : 55$;
 $(70\,010 - 66\,542) : 68$; $1\,344 : 42$; $4\,316 : 52$.
 $5\,978 : 61$; $(30\,104 - 27\,332) : 33$.

75. $11\ 280 : 18$; $28\ 080 : 29$; $17\ 320 : 36$;
 $54\ 487 : 45$; $36\ 245 : 51$; $53\ 824 : 62$.

76. Em tính nhanh:

a) 48 chia 5, chia 6, chia 7, chia 8, chia 9.

b) 52 chia 6, chia 7, chia 8, chia 9.

77. Hai toa xe lửa chở cá khô. Một toa có 6 190kg, một toa có 6 560kg. Nếu sò cá xếp vào sọt, mỗi sọt 34kg thì được bao nhiêu sọt cá? (Giải bằng 2 cách).

78. $10\ 360 : 28$; $17\ 640 : 49$; $28\ 080 : 36$;
 $11\ 250 : 45$; $17\ 550 : 65$; $19\ 980 : 27$.



— *Tính nhẩm:*

25×11 ; 81×11 ; 34×11 ; 45×11 .

SỐ THƯỜNG CÓ CHỮ SỐ 0 Ở GIỮA

79. $7\ 380 : 36 = ?$

$$\begin{array}{r} 7\ 380 \\ 0\ 180 \\ \hline 00 \end{array} \quad \begin{array}{r} 36 \\ 205 \\ \hline \end{array}$$

80. Gia đình bác Tư Hiệp đã bện được 2 600m thừng. Cứ 25m cân được 1kg. Hỏi sò thừng đó cân được mấy ki-lô-gam?

81. Làm các phép tính sau đây:

$11\ 628 : 38$; $28\ 341 : 47$; $19\ 152 : 38$;
 $21\ 978 : 54$; $28\ 392 : 56$; $34\ 510 : 85$;
 $10\ 944 : 36$; $32\ 338 : 46$; $26\ 048 : 64$.

82. $448 \times 370 : 28$; $315 \times 975 : 45$;
 $630 \times 122 : 14$; $906 \times 504 : 27$;
 $603 \times 828 : 18$; $416 \times 808 : 32$;
 $678 \times 876 : 36$; $648 \times 576 : 24$.

83. Cần có mấy bao để đựng 9 135 kg xi măng? Biết rằng mỗi bao xi măng đựng được 15kg.

— *Tính nhẩm:*

Nhân với 9:

$$46 \times 9 = 46 \times 10 - 46 = 414$$

Muốn nhân một số với 9, ta nhân số đó với 10 được bao nhiêu trừ đi chính số đó.

15×9 36×9 51×9
 21×9 42×9 66×9
 25×9 45×9 75×9

LUYỆN TẬP CHIA CHO MỘT SỐ CÓ HAI CHỮ SỐ

84. $2\ 578 : 36$ $4\ 356 : 45$ $3\ 876 : 42$ $5\ 648 : 63$
 $32\ 656 : 35$ $29\ 475 : 38$ $42\ 608 : 54$ $54\ 786 : 72$

85. $6\ 658 : 95$; $22\ 585 : 48$; $29\ 932 : 65$
 $17\ 155 : 49$; $17\ 935 : 64$; $24\ 462 : 47$

86. Có 128m vải đem may được 32 bộ áo quần. Hỏi trung bình mỗi bộ áo quần may hết bao nhiêu mét vải?



— **Tính nhẩm:**

$$25 \times 9 \quad 48 \times 9 \quad 37 \times 9$$

87. Mỗi người gánh được 45kg lúa. Tính xem 9 người gánh được mấy ki-lô-gam lúa?

C — CHIA CHO MỘT SỐ CÓ BA CHỮ SỐ

88. Có 2 500 tờ giấy muồn làm thành những súc giấy 500 tờ. Hỏi được mấy súc?

$$2\,500 \text{ tờ} = 25 \text{ trăm tờ}$$

$$25 \text{ trăm} : 5 \text{ trăm} = 5$$

89. (Tính miệng).

$$800 : 400 ; 840 : 210 ; 1\,200 : 200 ; 1\,800 : 300 ;$$

$$600 : 200 ; 720 : 360 ; 1\,500 : 300 ; 1\,600 : 400.$$

90. $651 : 217 ; 3\,565 : 115 ; 68\,670 : 315 ;$
 $876 : 219 ; 4\,050 : 162 ; 73\,432 : 274 ;$
 $784 : 112 ; 8\,544 : 712 ; 105\,042 : 427.$



— **Tính nhẩm:**

Một xưởng làm vọt bóng bàn. Mỗi ngày làm được 85 cái vọt. Hỏi trong 9 ngày sản xuất được mấy cái vọt? Cũng hỏi như vậy trong 11 ngày?

LUYỆN TẬP CHIA CHO BA CHỮ SỐ

91. Làm các phép tính dưới đây rồi thử lại bằng phép nhân:

$$7\,200 : 45 ; 11\,560 : 85 ; 36\,432 : 138 ;$$

$$5\,760 : 32 ; 24\,276 : 68 ; 25\,935 : 105.$$

92. Một số đem chia cho 15 được 16. Số đó là bao nhiêu?

93. Tìm những số bị chia ở các phép tính dưới đây:

$$? : 14 = 6 ;$$

$$? : 36 = 52 ;$$

$$? : 105 = 160 ;$$

$$? : 20 = 9 ;$$

$$? : 72 = 238 ;$$

$$? : 380 = 204.$$



ÔN TẬP CHIA CÁC SỐ CÓ NHIỀU CHỮ SỐ

94. Làm các phép chia dưới đây rồi thử lại:

$$7\,020 : 36 ; 17\,228 : 73 ; 27\,948 : 204.$$

95. Các em học sinh trường phổ thông cấp Hai đi xe gạch về xây trường. Hỏi nếu mỗi xe chở được 232 viên gạch thì mấy chuyến chở hết số gạch 1 392 viên, biết rằng mỗi chuyến các em đi 3 xe (giải bằng hai cách).

96. Tìm số chia ở các phép tính sau đây:

$$2\,232 : ? = 9 ; 2\,184 : ? = 39 ; 37\,376 : ? = 256 ;$$

$$2\,128 : ? = 16 ; 19\,096 : ? = 77 ; 18\,216 : ? = 132.$$

97. Số chia là 65; số thương là 124. Tìm số bị chia.



ÔN TẬP NHÂN CHIA KẾT HỢP VỚI GIẢI TOÁN

98. Ở một trại chăn nuôi có 1 850 con vừa ngỗng, vừa ngan, vừa vịt, trong đó một phần năm là ngỗng, số ngan gấp đôi số ngỗng, còn bao nhiêu là vịt. Hỏi có bao nhiêu con mỗi loại?

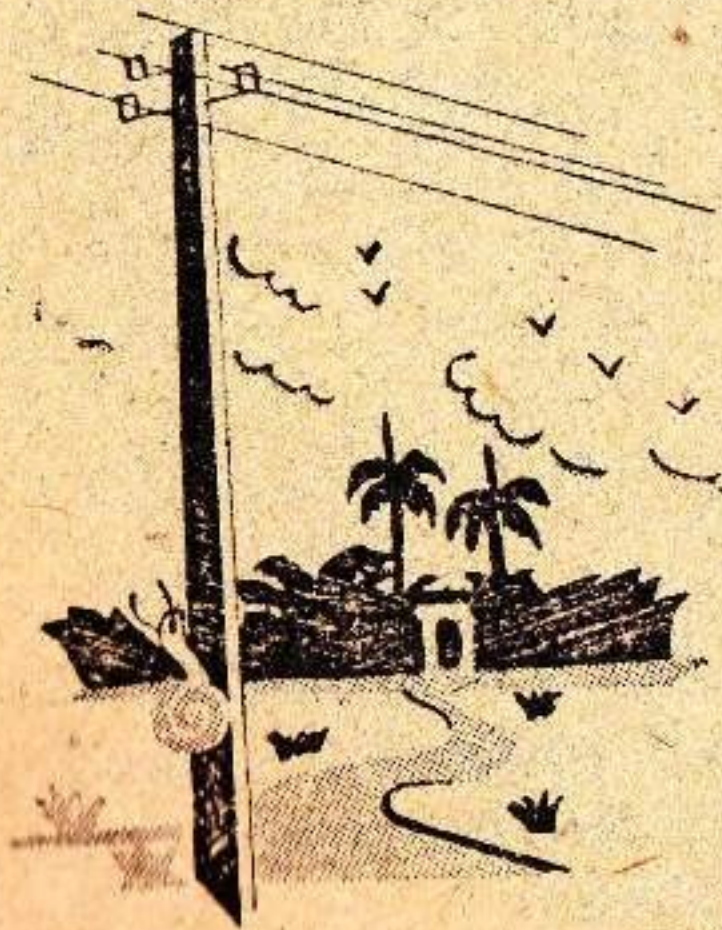
99. Trong một xưởng dệt, tháng trước trung bình mỗi ngày dệt được 132 m. Tháng này trung bình mỗi ngày dệt được 156 m. Hỏi xưởng sẽ dệt được số vải ngang với số vải dệt tháng trước trong mấy ngày? (mỗi tháng làm việc 26 ngày).

100. Một chiếc ô-tô vận tải có thể chở được 4 800 kg hàng hóa. Một chiếc xe bò chỉ chở được 600 kg. Hỏi sức chuyên chở của xe ô-tô gấp mấy lần xe bò? — sức chở của xe bò bằng một phần mấy của xe ô-tô?

101.

$$\begin{aligned} 309 \times 567 &: 9 \\ 520 \times 609 &: 87 \\ 420 \times 240 &: 168 \\ 59\,334 &: 93 \times 108 \\ 229\,620 &: 43 \times 540 \\ 164\,226 &: 542 \times 303 \end{aligned}$$

102.



$$\begin{aligned} 1\,692 : 423 &; 4\,256 : 532 ; \\ 1\,725 : 345 &; 5\,724 : 638 ; \\ 4\,308 : 718 &; 4\,730 : 496 ; \\ 6\,258 : 894 &; 4\,512 : 752. \end{aligned}$$

103. Toán vui: Một con sên leo thẳng từ chân lên ngọn cột dây thép cao 5 m. Ban đêm sên bò lên 3 m nhưng ban ngày lại tụt xuống 2 m. Hỏi trong bao nhiêu lâu con sên đó bò tới ngọn cột dây thép?

104. Làm lại các phép tính dưới đây xem có đúng không :

$$\begin{aligned} 8\,456 : 14 \times 305 &= 184\,220 ; \\ 36\,144 : 72 \times 488 &= 244\,976 ; \\ 17\,875 : 13 : 11 \times 602 &= 75\,250 ; \\ 182\,400 : 24 : 25 \times 506 &= 153\,824. \end{aligned}$$

105. 65 tấn cói giá 71760 đồng. Hỏi 1 tấn cói giá bao nhiêu tiền?

106. Một xưởng nấu kẹo trong tháng dùng hết 62 bì đường, mỗi bì đựng được 50 kg. Số đường đó trị giá 6200 đồng. Hỏi 1 kg đường giá bao nhiêu tiền? (giải bằng 2 cách)

CHƯƠNG BỐN

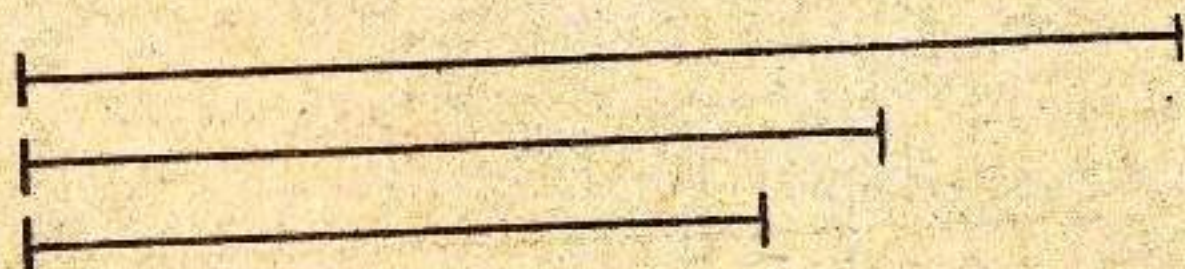
ĐO LƯỜNG

1. SỐ ĐO CHIỀU DÀI

ĐƠN VỊ ĐO CHIỀU DÀI

ĐƠN VỊ ĐO CHIỀU DÀI DANH SỐ ĐƠN
DANH SỐ PHỨC HỢP

1. Đo rồi viết số đo những đoạn thẳng sau này :



8cm, 6cm, 5cm là những danh số.

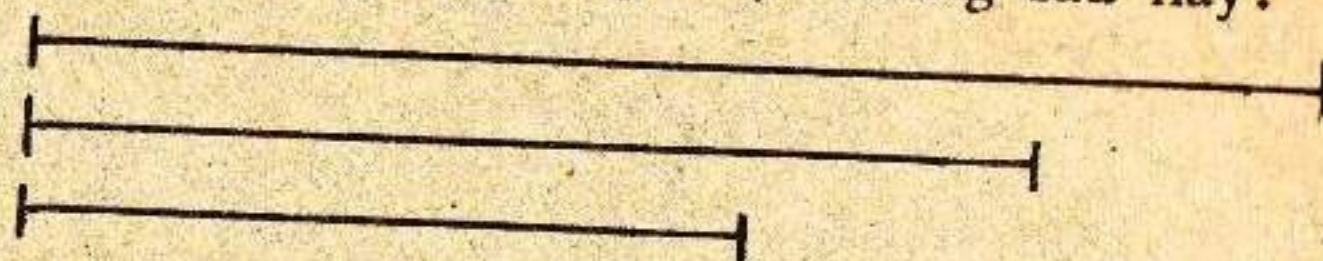
Danh số là số kèm theo tên đơn vị

8cm, 6cm, 5cm là những danh số đơn.

Danh số đơn là số kèm theo tên một đơn vị

2. Tìm 5 danh số đơn về chiều dài.

3. Đo rồi viết số đo những đoạn thẳng sau này:



8km 500m ; 6m 25cm là những danh số phức hợp.

Danh số phức hợp là số kèm theo tên nhiều đơn vị.

4. Tìm 5 danh số phức hợp về đo chiều dài.

5. Đo chiều dài, chiều rộng cuốn sách học tính, tấm bảng đen. Viết những số đo đó vào vở.

6. Trong những số sau này, những số nào là danh số đơn, những số nào là danh số phức hợp : 15km ; 15km 200m ; 7m 40cm ; 6dm 2cm ; 7m 3cm ; 745m ; 1km 328m ; 65cm ; 1m 25cm.

7. Kể các đơn vị đo chiều dài bắt đầu từ đơn vị chính là mét — tên mỗi đơn vị viết tắt như thế nào ?

BẢNG ĐƠN VỊ ĐO CHIỀU DÀI

1 mét	(viết tắt m) = 10	đề-xi-mét.
1 đề-xi-mét	(— dm) = 10	cen-ti-mét
1 cen-ti-mét	(— cm) = 10	mi-li-mét.
1 mi-li-mét	(— mm).	

1 m = 100cm hoặc 1 000mm.

10 mét = 1 đề-ca-mét viết tắt là dam.

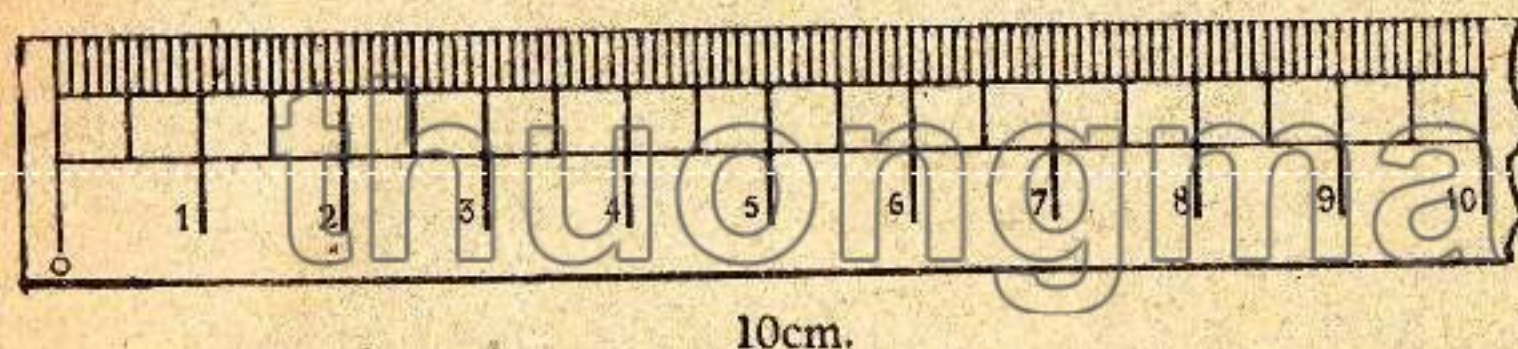
100 mét = 1 héc-tô-mét „ hm.

1 000 mét = 1 ki-lô-mét „ km.

Qua thứ tự các đơn vị từ lớn đến nhỏ và ngược lại, ta thấy hai đơn vị liền nhau hơn kém nhau 10 lần.

	BỘI SỐ			Đơn vị chính m	ƯỚC SỐ		
	km	hm	dam		dm	cm	mm
1 242m	1	2	4	2			
2 565mm				2	5	6	5
25dm				2	5		
47m			4	7			
230m		2	3	0			

8. a) 1m dài gấp mấy lần 1dm? (căn cứ vào bảng đơn vị đo chiều dài, xong lại đổi chiều ngay với thước mét và dm).



10cm.

- 1dm dài gấp mấy lần 1cm? (làm như trên).
 1cm dài gấp mấy lần 1mm? -nt-
 b) 1m dài gấp mấy lần 1cm? -nt-
 1dm dài gấp mấy lần 1mm? -nt-
 1m dài gấp mấy lần 1mm? -nt-
 9. 1dam dài gấp mấy lần 1m?
 1hm dài gấp mấy lần 1dam?
 1km dài gấp mấy lần 1hm?
 1km dài gấp mấy lần 1m?

★
 ĐỔI ĐƠN VỊ LỚN RA ĐƠN VỊ NHỎ
 (DANH SỐ ĐƠN).

10. Một bàn học dài 2m rộng 4dm. Hỏi chiều dài chiều rộng bàn đó đo được bao nhiêu cen-ti-mét?
 11. Đổi các số sau này ra mét: 3km; 25km; 60km.
 Đổi các số sau này ra cen-ti-mét: 7m; 15m; 40m.
 12. 8km = 8 000m; 20km = ?; 5m = 50dm = 500cm;
 5km = ?; 200km = ?; 7m = ?
 15km = ?; 850km = ?; 15m = ?
 13. 7m = 700cm; 8cm = 80mm; 3dm = 30cm = 300mm.
 6m = ?; 6cm = ?; 6dm = ?
 60m = ?; 13cm = ?; 5dm = ?

★
 ĐỔI ĐƠN VỊ LỚN RA ĐƠN VỊ NHỎ
 (DANH SỐ PHỨC HỢP)

14. Một viên gạch dài 2dm 2cm, rộng 1dm 2cm, dày 6cm 2mm. Hỏi chiều dài, chiều rộng, bề dày đo được mấy mi-li-mét?
 15. Đổi 5m 4dm ra đề-xi-mét.
 Đổi 3dm 7cm ra cen-ti-mét
 Đổi 4cm 8mm ra mi-li-mét.
 16. Đổi các số sau này ra cen-ti-mét
 4m 7cm; 5m 20cm; 2m 4cm; 5m 4dm; 2m 4dm.
 17. 4m 3dm = 43dm; 15m 6dm = ?;
 2dm 5cm = 25cm; 8m 3dm = ?;
 24m 3dm = ?; 7dm 4cm = ?;
 6m 2dm = ?; 10m 7dm = ?;
 8dm 6cm = ?;

18. $5\text{cm}8\text{mm} = 58\text{mm}$; $4\text{m}25\text{cm} = 425\text{cm}$;
 $4\text{m}5\text{cm} = ?$; $5\text{m}72\text{cm} = ?$;
 $3\text{cm}6\text{mm} = ?$; $1\text{m}2\text{cm} = ?$;
 $6\text{cm}4\text{mm} = ?$; $4\text{m}50\text{cm} = ?$;
 $2\text{m}4\text{cm} = ?$.

19. Đổi các số sau này ra cen-ti-mét
 4m ; 2dm ; $4\text{m}2\text{dm}$.

20. $6\text{m}3\text{dm} = 630\text{cm}$; $7\text{km}800\text{m} = 7800\text{m}$;
 $1\text{km}486 = ?$;
 $5\text{m}7\text{dm} = ?$; $2\text{km}725 = ?$;
 $1\text{km}86\text{m} = ?$;
 $2\text{m}6\text{dm} = ?$; $15\text{km}586\text{m} = ?$;
 $1\text{km}6\text{m} = ?$.

★
 ĐỔI TỪ ĐƠN VỊ NHỎ RA ĐƠN VỊ LỚN
 (DANH SỐ ĐƠN)

21. Máy bay phản lực dân dụng bay cao tới $10\,000\text{m}$.
 Hỏi máy bay đó bay cao mấy ki-lô-mét ?

22. Đổi các số sau này ra ki-lô-mét :

$3\,000\text{m}$; $5\,000\text{m}$

• Đổi các số sau này ra mét : 400cm ; $1\,200\text{cm}$;
 $5\,000\text{mm}$.

23. $4\,000\text{m} = 4\text{km}$; $12\,000\text{m} = ?$;
 $300\text{cm} = 30\text{dm} = 3\text{m}$; $5\,000\text{cm} = ?$;
 $7\,000\text{m} = ?$; $25\,000\text{m} = ?$; $800\text{cm} = ?$;
 $70\,000\text{cm} = ?$;
 $2\,000\text{m} = ?$; $380\,000\text{m} = ?$; $200\text{cm} = ?$;
 $90\,000\text{cm} = ?$.

24. Đổi các số sau này ra cen-ti-mét : 1km ; 1hm .

25. $500\text{cm} = 5\text{m}$; $3\,000\text{cm} = ?$; $50\text{mm} = 5\text{cm}$;
 $200\text{mm} = ?$.



ĐƠN VỊ NHỎ ĐỔI RA ĐƠN VỊ LỚN
 (DANH SỐ PHỨC HỢP)

26. a) Nhà em Ba cách xa trường $1\,500\text{m}$. Hỏi nhà em Ba cách trường mấy ki-lô-mét? và mấy mét?
 $1\,500\text{m} = 1\text{km}500\text{m}$.

b) Đổi $3\,600\text{m}$ ra danh số phức hợp :
 $3\,600\text{m} = 3\text{km}600\text{m}$

Thường thường khi đổi một số đo
 chiều dài từ đơn vị nhỏ ra đơn vị lớn, ta sẽ
 có một danh số phức hợp.

27. Đổi những số sau này ra danh số phức hợp:
 45dm ; 34cm ; 132dm ; 108mm ; $1\,342\text{m}$.

— Đổi đơn vị lớn ra đơn vị nhỏ (danh số phức hợp).

28. $56\text{dm} = 5\text{m}6\text{dm}$; $165\text{dm} = ?$; $35\text{cm} = ?$

$42\text{dm} = ?$; $328\text{dm} = ?$; $3\text{dm}5\text{cm} = ?$;
 $27\text{dm} = ?$; $707\text{dm} = ?$; $52\text{cm} = ?$;
 $76\text{cm} = ?$.

29. $42\text{mm} = 4\text{cm}2\text{mm}$; $235\text{cm} = 2\text{m}35\text{cm}$;
 $204\text{cm} = 2\text{m}4\text{cm}$;
 $54\text{mm} = ?$; $424\text{cm} = ?$; $108\text{cm} = ?$;
 $81\text{mm} = ?$; $236\text{cm} = ?$; $205\text{cm} = ?$.

30. $4\ 156\text{m} = 4\text{km}156\text{m}$; $1\ 058\text{m} = 1\text{km}58\text{m}$;
 $1\ 005\text{m} = 1\text{km}5\text{m}$;
 $7\ 384\text{m} = ?$; $12\ 080\text{m} = ?$; $2\ 008\text{m} = ?$
 $13\ 700\text{m} = ?$; $13\ 089\text{m} = ?$; $1\ 007\text{m} = ?$

ÔN TẬP ĐỔI ĐƠN VỊ ĐO CHIỀU DÀI

31. a) Đỉnh Phăng-xi-păng cao nhất Việt nam. đo được $3\ 143\text{m}$. Đổi số đó ra danh số phức hợp.
 b) Đỉnh núi Chô-mô-lung-ma ở Trung quốc, cao nhất thế giới, đo được $8\ 882\text{m}$. Đổi số đó ra danh số phức hợp.
32. 1km dài gấp mấy lần 1m ?
 1m dài gấp mấy lần 1dm ?
 1m dài gấp mấy lần 1cm ?
 1cm dài gấp mấy lần 1mm ?
33. 1m dài gấp mấy lần 1cm ?
 1dm dài gấp mấy lần 1mm ?
 1m dài gấp mấy lần 1mm ?
34. 1km dài gấp mấy lần 1dm ?
 1km dài gấp mấy lần 1cm ?
35. Đo chiều dài, chiều rộng sân trường, rồi viết số đo ấy vào vở.



2. SỐ ĐO KHỐI LƯỢNG ĐƠN VỊ ĐO KHỐI LƯỢNG

1. Hai viên thuốc át-pi-rin (thuốc cảm) nặng 1g .
 Hỏi 20 viên thuốc đó nặng bao nhiêu gam?

2. Một lít dầu hỏa nặng 800g . Một lít nước nặng hơn lít dầu hỏa 200g . Hỏi khối lượng một lít nước là bao nhiêu gam?

3. Tìm 5 danh số đơn về đơn vị khối lượng.

4. Một người gánh hai thùng nước. Mỗi thùng nặng 18kg . Hỏi người đó gánh bao nhiêu ki-lô-gam nước?

5. a) Mỗi bao xi-măng nặng 50kg . Hỏi 2 bao xi-măng nặng bao nhiêu ki-lô-gam?

- b) Mỗi thùng thóc nặng 10kg . Hỏi 10 thùng thóc nặng bao nhiêu ki-lô-gam?

100kg gọi là 1 tạ.

Tạ là một đơn vị đo khối lượng.

6. Một bao gạo nặng 100kg hay là một tạ. Hỏi 10 bao gạo nặng bao nhiêu ki-lô-gam?

Hai bao xi-măng nặng 1 tạ. Hỏi 20 bao xi-măng nặng bao nhiêu tạ?

10 tạ gọi là 1 tấn.

Tấn là một đơn vị đo khối lượng.

7. Kể tên và viết tắt các đơn vị đo khối lượng bắt đầu từ ki-lô-gam là đơn vị chính (thông dụng nhất trong đời sống hàng ngày).

- 1 ki-lô-gam (viết tắt kg) = 10 héc-tô-gam (lạng).
 1 héc-tô-gam (lạng) (viết tắt hg) = 10 đề-ca-gam.
 1 đề-ca-gam (viết tắt dag) = 10 gam.
 1 ki-lô-gam bằng 10hg hoặc 1 000 gam (g).
 10 ki-lô-gam viết tắt 10kg.
 100 ki-lô-gam viết tắt 100kg = 1 tạ.
 1 000 ki-lô-gam viết tắt 1 000kg = 1 tấn.
 1 tạ bằng 100kg.
 1 tấn bằng 10 tạ hay 1 000kg.

Qua thứ tự các đơn vị khối lượng từ lớn đến nhỏ và ngược lại, ta thấy hai đơn vị kế tiếp hơn kém nhau 10 lần.

8. Một tấn nặng gấp mấy lần một tạ?

Một tấn có mấy tạ?

Một tấn có mấy ki-lô-gam?

Một tạ có mấy ki-lô-gam?

Một ki-lô-gam nặng gấp mấy lần 1hg?

Một ki-lô-gam có mấy héc-tô-gam? tức mấy lạng?

Một héc-tô-gam nặng gấp mấy lần 1dag?

Một héc-tô-gam có mấy đề-ca-gam?

Một đề-ca-gam nặng gấp mấy lần 1g?

Một đề-ca-gam có mấy gam?

1kg có mấy hg? có bao nhiêu gam?

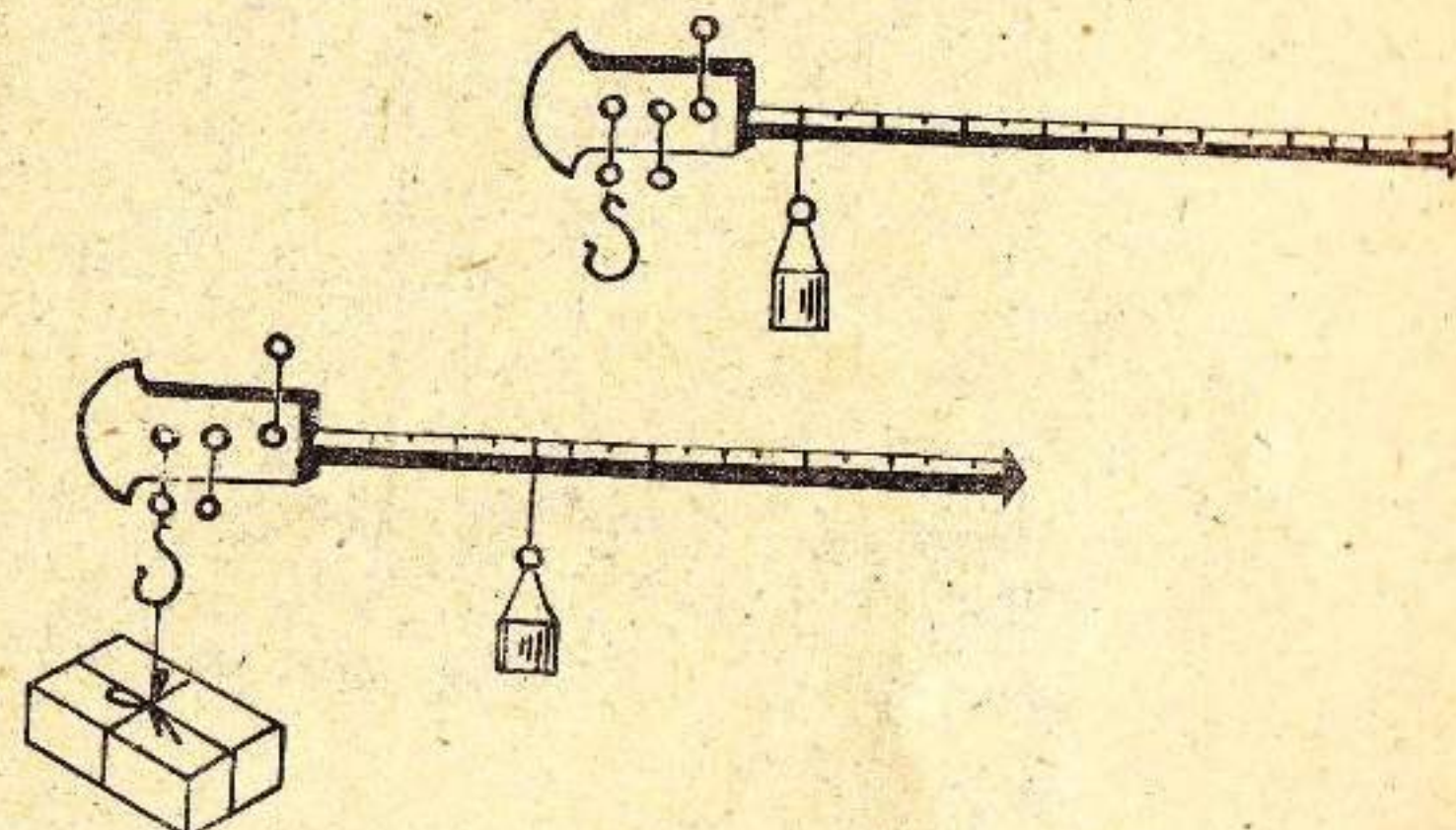
1hg có mấy gam?

9. Trong các số sau đây những số nào là danh số đơn, những số nào là danh số phức hợp:

15 tấn; 15 tấn 7 tạ; 9 tạ; 1 tạ 5kg; 250kg; 1kg 5hg; 6hg; 5g.

10. GIỚI THIỆU MỘT SỐ CÂN THƯỜNG DÙNG

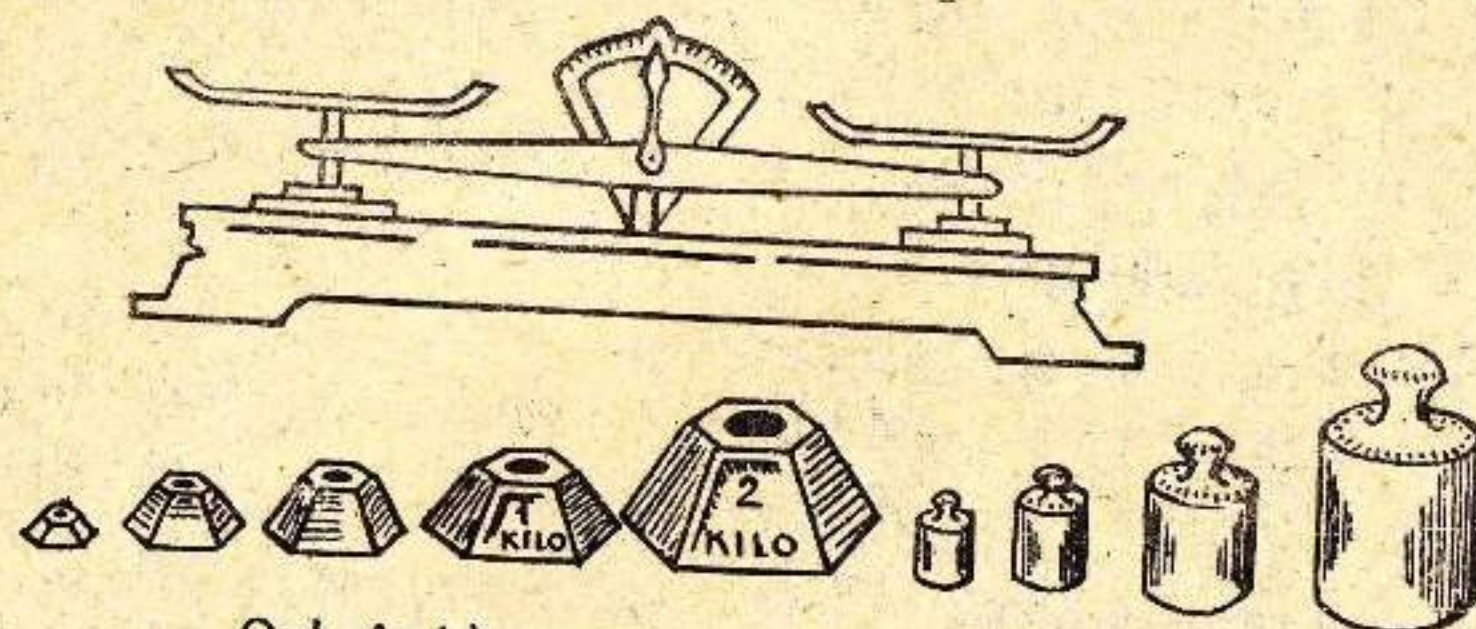
Cân đòn:



Thực hành:

Gói những gói lúa hay cát khô thành 5kg, 3kg, 1kg, 5hg, 1hg, cho các em tập cân và so sánh (thí dụ 2 gói 5hg thành 1kg, v.v...).

11. Cân đĩa:

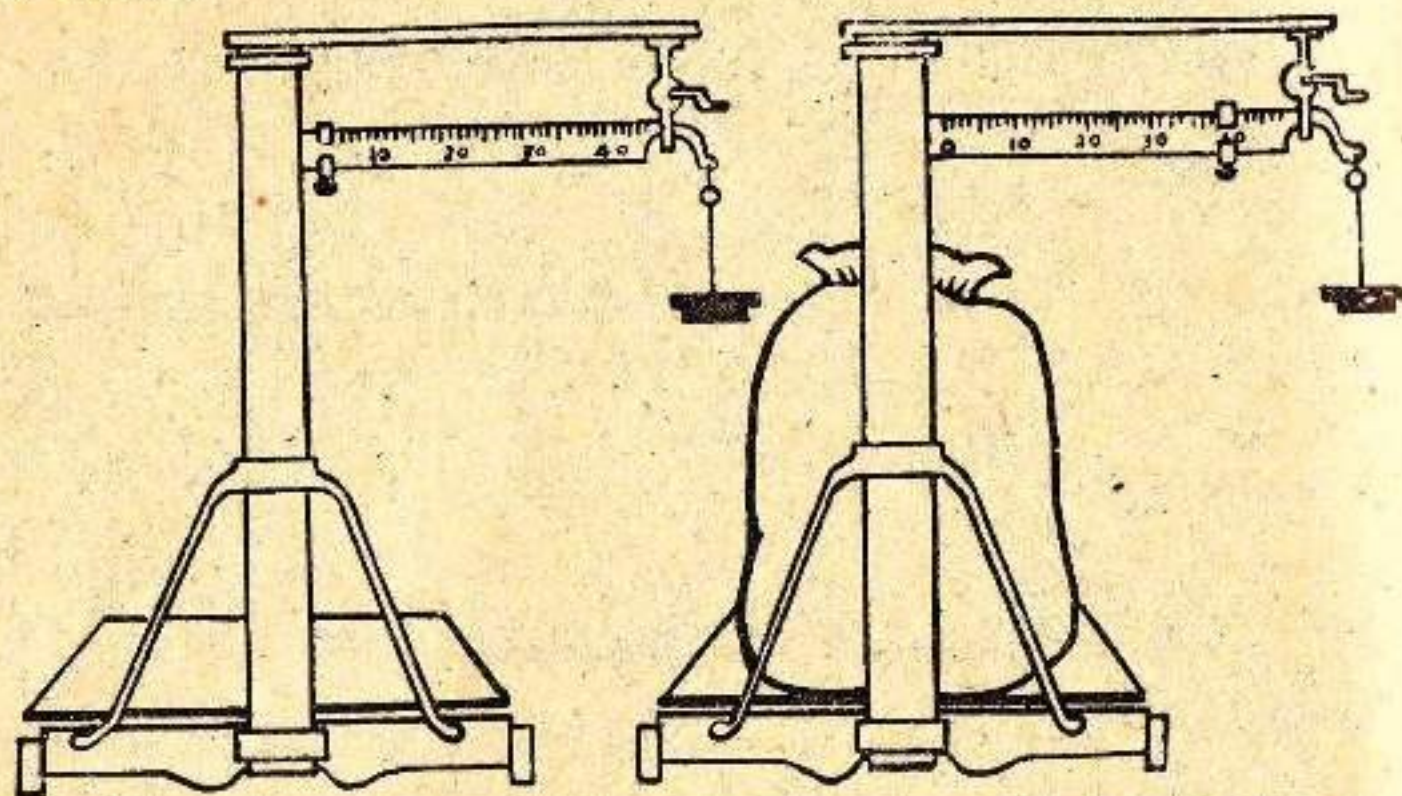


Quả cân bằng gang

Quả cân bằng đồng

Dùng những gói lúa hay cát như bài trước cho các em tập cân và so sánh (càng hiểu sâu bài này, khi học đổi đơn vị các em càng hiểu nhanh).

12. Cân bàn :



Cho các em cân một bao gạo 10kg, một bao 50kg, một bao 100kg và so sánh.



ĐỔI CÁC SỐ ĐO KHỐI LƯỢNG. ĐỔI TỪ ĐƠN VỊ LỚN RA ĐƠN VỊ NHỎ (DANH SỐ ĐƠN)

13. Một xe ô-tô chở được 4 tấn gạo. Hỏi xe đó chở được mấy tạ gạo ?

14. a) Đổi các số sau này ra ki-lô-gam: 5 tạ; 8 tạ; 8 tấn; 4 tấn; 10 tấn; 250 tấn.

b) Đổi các số sau này ra gam: 4kg; 5kg; 20kg; 15kg; 200kg.

15. 3 tấn = 30 tạ; 15 tấn = ?; 5 tấn = ?; 70 tấn = ?;
6 tấn = ?; 24 tấn = ?; 30 tấn = ?; 505 tấn = ?;
9 tấn = ?; 52 tấn = ?; 10 tấn = ?; 430 tấn = ?.

16. 4 tạ = 400kg; 18 tạ = ?; 7 tạ = ?; 30 tạ = ?;
9 tạ = ?; 57 tạ = ?; 50 tạ = ?; 600 tạ = ?;
3 tạ = ?; 96 tạ = ?; 80 tạ = ?; 720 tạ = ?.

17. Một chiếc xà-lan chở được 1 000 tấn hàng. Hỏi chiếc xà-lan đó chở được mấy tạ hàng?

18. 8 tấn = 8 000kg; 12 tấn = ?; 6 tấn = ?;
20 tấn = ?; 3 tấn = ?; 34 tấn = ?;
10 tấn = ?; 860 tấn = ?; 2 tấn = ?;
62 tấn = ?; 90 tấn = ?; 240 tấn = ?.

19. 4kg = 4 000g; 13kg = ?; 8kg = 80hg;
60kg = ?; 9kg = ?; 6kg = ?;
879kg = ?; 930kg = ?; 5kg = ?;
75kg = ?; 42kg = ?; 307kg = ?.



ĐỔI TỪ ĐƠN VỊ LỚN RA ĐƠN VỊ NHỎ
DANH SỐ PHỨC HỢP RA DANH SỐ ĐƠN

20. Một xe bò chở 9 tạ 50kg bắp. Hỏi xe ấy chở được bao nhiêu ki-lô-gam bắp ?

21. 1) Đổi các số sau này ra tạ: 3 tấn 7 tạ; 20 tấn 8 tạ; 400 tấn 6 tạ.

2) Đổi các số sau này ra ki-lô-gam :

a) 2 tạ 25kg; 3 tạ 4kg; 6 tạ 2kg.

b) 1 tấn 500kg; 2 tấn 75kg; 1 tấn 5kg.

c) 1 tấn 5 tạ; 1 tấn 8 tạ; 2 tấn 3 tạ.

22. 5 tấn 6 tạ = 56 tạ; 30 tấn 9 tạ = ?;
17 tấn 3 tạ = ?; 7 tấn 3 tạ = ?;
20 tấn 6 tạ = ?; 23 tấn 7 tạ = ?;
3 tấn 5 tạ = ?; 50 tấn 8 tạ = ?;
73 tấn 4 tạ = ?.

23. 3 tạ 70kg = 370kg, 6 tạ 40kg =kg,
2 tạ 40kg = ?; 47 tạ 9kg =kg.

24. $2\text{kg}5\text{hg} = 25\text{hg}$; $2\text{kg}500\text{g} = 2\,500\text{g}$; $5\text{kg}\,5\text{g} = 5005\text{g}$;
 $3\text{kg}4\text{hg} = ?$; $1\text{kg}587\text{g} = ?$; $3\text{kg}5\text{hg} = ?$;
 $6\text{kg}8\text{hg} = ?$; $1\text{kg}\,40\text{g} = ?$; $4\text{kg}5\text{hg} = ?$.



ĐỔI ĐƠN VỊ NHỎ RA ĐƠN VỊ LỚN
(DANH SỐ ĐƠN)

25. Một xe ô-tô chở 60 bao gạo. Mỗi bao nặng 50kg.
Hỏi xe đó chở được mấy tấn gạo?

26. $200\text{kg} = 2\text{ tạ}$; $300\text{kg} = 3\text{ tạ}$; $900\text{kg} = ?$;
 $500\text{kg} = ?$; $4\,000\text{kg} = ?$; $4\,300\text{kg} = ?$;
 $800\text{kg} = ?$; $7\,000\text{kg} = ?$; $2\,600\text{kg} = ?$.

27. $13\,000\text{ g} = 13\text{kg}$; $207\,000\text{g} = 207\text{kg}$;
 $53\,000\text{ g} = ?$; $520\,000\text{g} = ?$;
 $22\,000\text{ g} = ?$; $600\,000\text{g} = ?$.

28. Đổi các số sau này ra đơn vị lớn hơn:
20 tạ; 150 tạ; 300 tạ; 200kg; 500kg; 7\,000kg;
30\,000kg.

29. $40\text{ tạ} = 4\text{ tấn}$; $200\text{ tạ} = ?$; $1\,500\text{ tạ} = ?$;
 $60\text{ tạ} = ?$; $300\text{ tạ} = ?$; $2\,400\text{ tạ} = ?$;
 $70\text{ tạ} = ?$; $400\text{ tạ} = ?$; $7\,300\text{ tạ} = ?$.



ĐỔI ĐƠN VỊ NHỎ RA ĐƠN VỊ LỚN
(DANH SỐ PHỨC HỢP)

30. 103kg là mấy tạ và mấy ki-lô-gam?
 $103\text{kg} = 1\text{ tạ } 3\text{kg}$.

31. $35\text{ tạ} = 3\text{ tấn } 5\text{ tạ}$; $355\text{ tạ} = ?$; $4\,036\text{ tạ} = ?$;
 $47\text{ tạ} = ?$; $305\text{ tạ} = ?$; $7\,204\text{ tạ} = ?$;
 $42\text{ tạ} = ?$; $408\text{ tạ} = ?$; $2\,030\text{ tạ} = ?$.

32. $866\text{kg} = 8\text{ tạ } 66\text{kg}$; $302\text{kg} = ?$; $240\text{kg} = ?$;
 $720\text{kg} = ?$; $607\text{kg} = ?$; $408\text{kg} = ?$;
 $440\text{kg} = ?$; $430\text{kg} = ?$; $739\text{kg} = ?$.

33. $5\,625\text{kg} = 5\text{ tấn } 625\text{kg}$; $1\,500\text{g} = 1\text{kg } 5\text{hg}$;
 $7\,368\text{kg} = 7\text{ tấn } 368\text{kg}$ hay $73\text{ tạ } 68\text{kg}$.
 $3\,420\text{kg} = ?$; $3\,068\text{kg} = ?$; $2\,800\text{g} = ?$;
 $1\,352\text{kg} = ?$; $2\,008\text{kg} = ?$; $1\,050\text{g} = ?$;
 $1\,450\text{g} = ?$;
 $2\,009\text{g} = ?$.



ÔN TẬP ĐO LƯỜNG: CHIỀU DÀI VÀ
KHỐI LƯỢNG

34. a) Sông Cửu long dài 4\,500km, sông Hồng dài
1\,200km. Đổi các số đó ra mét.

b) Đường bộ từ Sài gòn đến Hà nội dài 1\,747\,000m.
Đổi số đó ra ki-lô-mét.

c) Bờ biển nước ta dài 3\,000km. Đổi số đó thành
mét, đề-ca-mét.

35. Một cô giao liên đi xe đạp trung bình mỗi giờ đi
được 14km và đi mau hơn một cô giao liên khác
đi bộ 9\,500m. Em hãy tính trung bình mỗi giờ
cô giao liên đi bộ đi được mấy ki-lô-mét.

36. Mỗi bước của em đo được 35cm. Mỗi bước của cha em đo được 46cm. Nếu cha em và em cùng bắt đầu đi từ một nơi và bước đều chân 150 bước thì cha em cách xa em mấy mét?
37. Một lớp gồm 45 em chuyển đất đắp nền lớp học. 25 em khỏe, chuyển được mỗi em 32kg. Tổng số đất đã đắp được là 1320 kg. Tính xem mỗi em còn lại đã chuyển được bao nhiêu ki-lô-gam đất?
38. Người ta có 9 600 viên ngói chở trên 6 cái xe. Nếu cứ 4 viên ngói cân nặng 6kg thì trung bình mỗi xe chở được bao nhiêu tấn?
39. Một xưởng nàu xà phòng đã sản xuất được 4 500 bánh xà phòng, mỗi bánh cân nặng 255g. Sau một tháng xà phòng se bớt nước đi, mỗi bánh chỉ còn 210g. Hỏi tất cả xà phòng đã hao đi bao nhiêu ki-lô-gam?



3. SỐ ĐO THỜI GIAN

NĂM, THÁNG, NGÀY

Tháng giêng có 31 ngày	Tháng bảy có 31 ngày
Tháng hai có 28 hay 29 ngày	Tháng tám có 31 ngày
Tháng ba có 31 ngày	Tháng chín có 30 ngày
Tháng tư có 30 ngày	Tháng mười có 31 ngày
Tháng năm có 31 ngày	Tháng mười một có 30 ngày
Tháng sáu có 30 ngày	Tháng mười hai (chạp) có 31 ngày

1. Một năm có mấy tháng? Em lần lượt kể tên những tháng đó?
2. Trong một năm có mấy tháng 30 ngày? Mấy tháng 31 ngày? Tháng nào có 28 hay 29 ngày?

Tháng tư, tháng sáu, tháng chín, tháng mười một có 30 ngày.

Tháng hai có 28 hay 29 ngày. Còn 7 tháng khác đều có 31 ngày.

Năm nào mà tháng hai có 28 ngày là năm thường.

Năm nào mà tháng hai có 29 ngày là năm nhuận.

Cứ sau 3 năm thường thì đến một năm nhuận.

Vài thí dụ: năm 1948, 1952, 1956 là những năm nhuận.

3. Kể 5 năm nhuận bắt đầu từ năm 1952 trở đi.
4. Kể 5 năm nhuận bắt đầu từ năm 1952 trở về trước.
5. Một năm nhuận có bao nhiêu ngày?
Một năm thường có bao nhiêu ngày?
6. Sau đây là một mẫu lịch (có ghi tháng giêng, tháng hai và tháng ba năm 1973) em hãy làm một cái lịch giống như thế có ghi đủ các tháng trong năm 1973.

Ngày trong tuần	Tháng 1	Tháng 2	Tháng 3
Thứ hai	1 8 15 22 29	5 12 19 26	5 12 19 26
Thứ ba	2 9 16 23 30	6 13 20 27	6 13 20 27
Thứ tư	3 10 17 24 31	7 14 21 28	7 14 21 28
Thứ năm	4 11 18 25	1 8 15 22	1 8 15 22 29
Thứ sáu	5 12 19 26	2 9 16 23	2 9 16 23 30
Thứ bảy	6 13 20 27	3 10 17 24	3 10 17 24 31
Chủ nhật	7 14 21 28	4 11 18 25	4 11 18 25

7. Ngày 20-7-1954 ký hiệp định đình chiến ở Đông dương. Ngày 10-10 năm ấy quân ta về giải phóng thủ đô. Hỏi 2 ngày lịch sử đó cách nhau bao lâu?
8. Ngày 1-1-1972 là ngày thứ bảy. Ngày 8-3 năm đó là ngày thứ mấy?
9. Ngày kỷ niệm sinh nhật Bác Hồ, 19 tháng 5 năm 1972 là ngày thứ sáu. Hỏi ngày Thiệu nhi quốc tế, 1 tháng 6 năm 1972 là ngày thứ mấy?
10. Ngày kỷ niệm Cách mạng tháng Tám, 19-8-1972 là ngày thứ bảy. Hỏi còn mấy ngày nữa thì đến ngày Quốc khánh Việt nam? Ngày ấy là ngày thứ mấy?



NGÀY, GIỜ, PHÚT, GIÂY

11. Một ngày (cả ngày cả đêm) chia làm 24 giờ.
Một giờ chia làm 60 phút.
Một phút chia làm 60 giây.
12. Dùng mặt đồng hồ giả để tập xem giờ.
13. 1 phút và 30 giây bằng mấy giây?

14. 3 phút và 45 giây bằng mấy giây?
15. 5 phút và 15 giây bằng mấy giây?
16. 5 giờ và 45 phút bằng mấy phút?
17. 4 giờ và 15 phút bằng mấy phút?
18. 5 giờ và 30 phút bằng mấy phút?
19. Trong ngày Đại hội thể dục thể thao, một vận động viên chạy 500m hết 1 phút 26 giây. Tính xem anh ấy đã chạy hết mấy giây?
20. Giờ làm việc trong một ngày của một cơ quan thường như sau :
buổi sáng: từ 7 giờ 30 phút đến 12 giờ
buổi chiều: từ 12 giờ 30 phút đến 16 giờ
Hỏi cơ quan làm việc mấy giờ trong một ngày?
(giải bằng cách đếm trên đôt ngón tay).

BẢNG ĐƠN VỊ ĐO THỜI GIAN

- Một thế kỷ bằng 100 năm.
- Một năm có 12 tháng.
- Một năm thường có 365 ngày, một năm nhuận có 366 ngày.
- Một tháng có 30 ngày hay 31 ngày (tháng hai có 28 hay 29 ngày).
- Một ngày có 24 giờ.
- Một giờ có 60 phút.
- Một phút có 60 giây.

21. Hàng ngày lớp em vào học lúc... giờ. Em học trong... giờ. Hỏi em nghỉ học lúc mấy giờ? Em hãy đặt những số thay vào những chỗ trống rồi giải bài toán.

22. 1 thế kỷ có bao nhiêu năm?
2 thế kỷ có bao nhiêu năm?
3 thế kỷ có bao nhiêu năm?
19 thế kỷ có bao nhiêu năm?
20 thế kỷ có bao nhiêu năm?

23. Năm nay là năm thứ mấy?

Năm 1 đến năm 100 ở vào thế kỷ thứ nhất.

Năm 101 đến năm 200 ở vào thế kỷ thứ hai.

Năm 201 đến năm 300 ở vào thế kỷ thứ ba.

Năm 1901 đến năm 2000 ở vào thế kỷ thứ hai mươi.



24. Hiện nay chúng ta sống ở thế kỷ thứ mấy?

25. Bác Hồ sinh năm 1890 ở huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An. Hỏi Bác sinh vào thế kỷ thứ mấy?

26. Bà Triệu lãnh đạo nhân dân khởi nghĩa đánh tan quân xâm lược năm 248. Hỏi Bà Triệu khởi nghĩa vào thế kỷ thứ mấy?

27. Anh hùng dân tộc Trần Hưng Đạo lãnh đạo quân ta chiến thắng quân xâm lược nhà Nguyên trên sông Bạch Đằng năm 1228. Hỏi trận Bạch Đằng xảy ra vào thế kỷ nào?



ÔN TẬP VỀ SỐ ĐO THỜI GIAN

28. Ngày kỷ niệm Quốc khánh 2 tháng 9 năm 1972 là ngày thứ bảy. Hỏi ngày kỷ niệm thành lập Mặt trận dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam 20-12 năm đó là ngày thứ mấy?

29. Một người đi xe đạp định đi trong 2 giờ đến một nơi cách nhà 30km. Nhưng đi được 1 giờ thì xe đạp bị hỏng, người đó chữa trong 15 phút không được đành dắt xe đi bộ. Hỏi người đó đi bộ trong mấy giờ mới đến nơi? (đi bộ mỗi giờ được 5km). Người đó bắt đầu đi từ nhà lúc 5 giờ sáng. Hỏi đến mấy giờ tới nơi?

CHƯƠNG NĂM

HÌNH HỌC

1. ĐO ĐOẠN THẲNG — CẮM TIÊU



ĐƯỜNG THẲNG — ĐOẠN THẲNG ĐO ĐOẠN THẲNG

1. Ôn lớp Ba: a) Em có một sợi chỉ mảnh còn ngoằn ngoèo. Em làm thế nào để sợi chỉ đó thành một đường thẳng?
b) Người thợ mộc đã dùng cái nẩy mực như thế nào để vẽ được một đường thẳng trên tấm gỗ?
2. a) Đoạn thẳng là gì?
b) Em hãy vẽ một đoạn thẳng vào vở rồi đo đoạn thẳng đó?
c) Em hãy vẽ những đoạn thẳng dài 5cm; 7cm; 5mm; 4cm; 8mm.

Muốn đo những đoạn thẳng khá lớn người ta thường dùng những thước dài 1 mét và có chia đến **cen-ti-mét** như thước gỗ, thước gấp, thước vải v.v...

3. Em hãy đo chiều dài, chiều rộng cái bảng, cái bàn học.



CẮM TIÊU NHỮNG ĐOẠN THẲNG Ở TRÊN MẶT ĐẤT. CÁCH ĐO NHỮNG ĐOẠN THẲNG ĐÓ

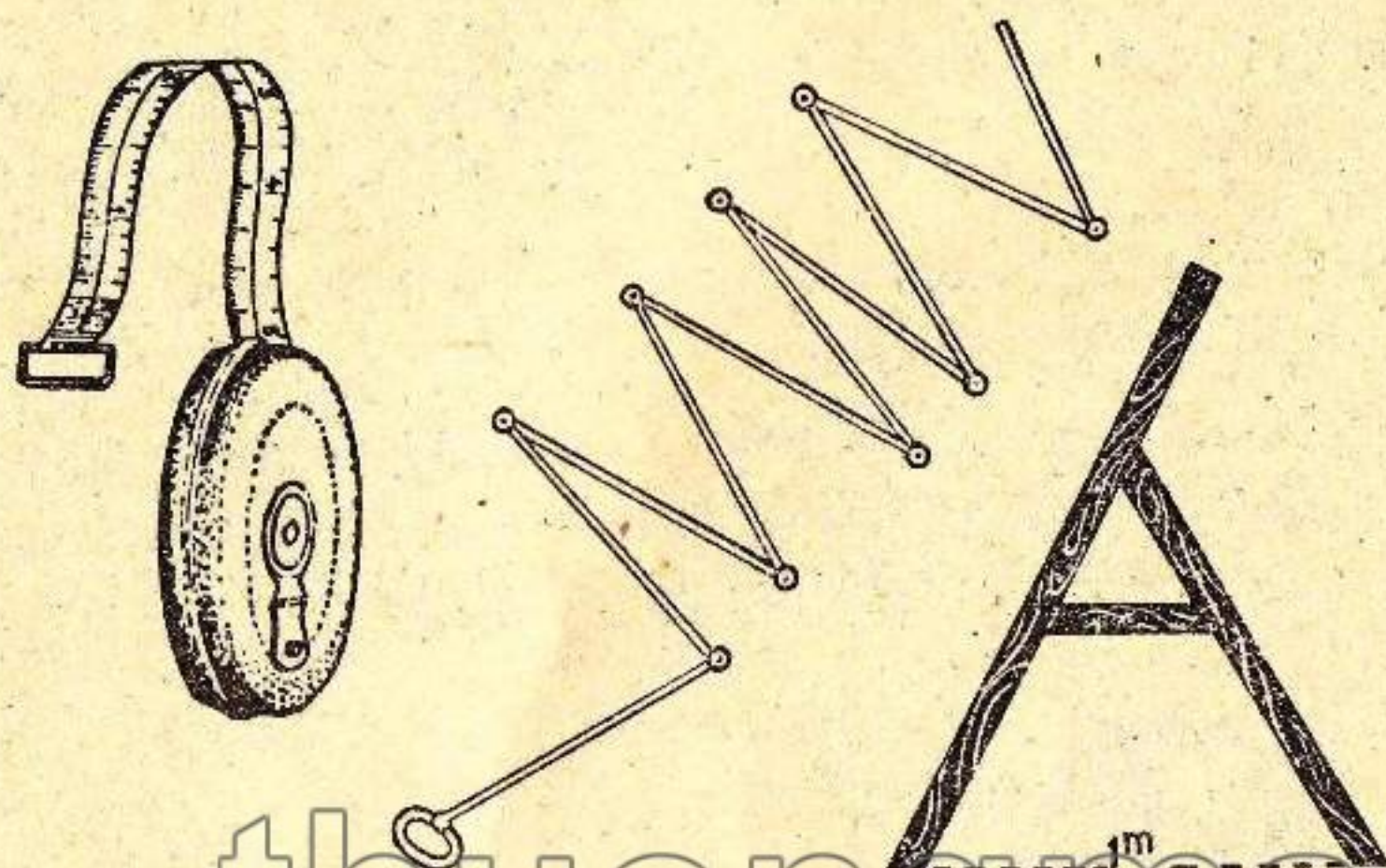
4. Muốn vẽ và đo những đoạn thẳng ở trên mặt đất thì người ta cắm tiêu.

Muốn cắm tiêu những đoạn thẳng ở trên mặt đất người ta dùng những cái cọc cao hơn người một ít để dễ ngắm, gọi là những cái tiêu.



Muốn cắm tiêu một đoạn thẳng ở trên mặt đất, ta cắm hai cái tiêu ở hai đầu đoạn thẳng rồi cắm cái tiêu thứ ba sao cho khi ngắm thì thấy hai cái tiêu trước che khuất cái thứ ba.

Muốn đo những đoạn thẳng đã cắm tiêu, người ta dùng thước xích, thước cuộn thường thường dài 20m hay cái thước « A ».



5. a) Em hãy làm một thước dây dài 10m có những nút cách nhau 1m.



- b) Vẽ những đoạn thẳng dài 10m, 20m, 30m, 40m, 50m.
6. Một em học sinh lớp Ba đo chiều dài sân trường em bằng cái thước dây của em. Đo xong em đếm được 4 lần 10m và lẻ 7m. Hỏi chiều dài sân ấy đo được bao nhiêu mét?
7. Em dùng thước dây của em đã làm để đo chiều dài, chiều rộng lớp học, sân trường, vườn rau.



ƯỚC LƯỢNG BẰNG MẮT

8. a) Vẽ vào vở những đoạn thẳng dài 1cm, 5cm, 10cm, 15cm.
b) Ước lượng bằng mắt chiều rộng, chiều dài quyển vở, quyển sách, cái cặp sách. Đo lại rồi tính xem đã ước lượng sai mất bao nhiêu centi-mét?
9. a) Em vẽ những đoạn thẳng ở trên bảng dài 1dm, 5dm, 1m.
b) Ước lượng bằng mắt chiều dài, chiều rộng cái bảng, cái cửa, chiều cao cái ghế, cái bàn, cái cột v.v... Đo lại rồi tính xem đã ước lượng sai mất bao nhiêu?
10. a) Em cắm một cái cọc. Em đứng cách xa cọc ấy 10m. Em hãy ngắm khoảng cách đó.
b) Em ước lượng bằng mắt những khoảng cách trong phạm vi 10m như chiều dài, chiều rộng lớp học, chiều dài, chiều rộng cái sân, mảnh vườn nhỏ v.v... rồi thử lại bằng cách đo. Tính xem em đã ước lượng sai mất bao nhiêu?
11. a) Em cắm một cái cọc, em lần lượt đứng cách xa cọc ấy 20m, 30m, 40m, 50m. Em hãy ngắm những khoảng cách đó.
b) Ước lượng bằng mắt những khoảng cách trong phạm vi 20m, 30m, 40m, 50m, rồi thử lại bằng cách đo. Tính xem đã ước lượng sai mất bao nhiêu?



ĐO NHỮNG KHOẢNG CÁCH BẰNG BƯỚC

12. Không phải lúc nào chúng ta cũng có sẵn ngay thước để đo những khoảng cách ; lại có những khoảng cách lớn quá, chúng ta khó mà ước lượng bằng mắt cho thật gần đúng được. Vì thế chúng ta cần học cách đo bằng bước.



13. a) Cắm hai cái cọc cách xa nhau 10m ở trên mặt đất bằng phẳng.
b) Em đi đều bước từ cọc này đến cọc kia. Em đếm xem được bao nhiêu bước. Em tính xem mỗi bước dài bao nhiêu ? Ghi số ấy vào vở.
14. Em Lan đi từ nhà đến trường, em đếm được 360 bước. Hỏi nhà em cách xa trường bao nhiêu, biết rằng em đi 10m mất 20 bước.
15. Đo bằng bước chiều dài, chiều rộng sân trường, vườn rau, lớp học v.v... rồi tính sang mét.



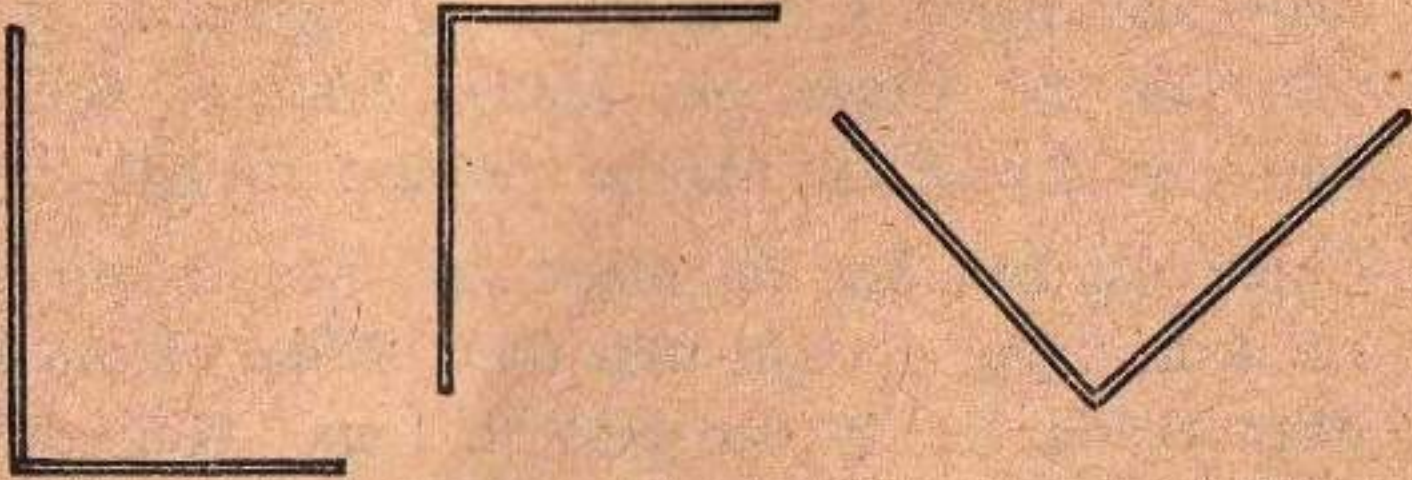
THU NHỎ MỘT ĐOẠN THẲNG TRÊN THỰC TẾ ĐỂ VẼ TRÊN GIẤY

16. Chiều ngang nơi rộng nhất của nước ta từ đông Móng cái đến biên giới Việt—Lào dài 616km. Đường từ Hữu nghị quan đến mũi Cà Mau dài hàng mấy nghìn ki-lô-mét, ta vẫn có thể vẽ được trên bản đồ. Muốn ghi những khoảng cách dài như vậy, ta phải thu nhỏ lại cho hợp với khổ giấy.
17. Chiều dài bàn học đo được 2m, nếu ta qui ước cứ đoạn thẳng dài 1m trên thực tế thì vẽ thu nhỏ đoạn thẳng 1m ấy vào giấy là 1cm. Như thế ta phải vẽ vào giấy chiều dài cái bàn là 2cm.
18. Nếu ta qui ước cứ đoạn thẳng dài 2m trên thực tế thì vẽ thu nhỏ đoạn thẳng 2m ấy vào giấy là 1cm. Như thế ta phải vẽ vào giấy chiều dài cái bàn là 1cm.
19. Một cái mặt bàn dài 14dm, rộng 7dm. Hãy vẽ cái mặt bàn ấy vào giấy với qui ước là cứ 7dm trên thực tế thì vẽ thu nhỏ vào giấy là 1cm.
20. Một sân chơi hình chữ nhật có chiều dài 28m, chiều rộng 24m. Hãy vẽ trên giấy sân chơi ấy với qui ước là cứ 4m trên thực tế thì vẽ thu nhỏ vào giấy là 1cm.
21. Con đường từ nhà đến trường dài 200m. Nếu qui ước cứ 25m trên thực tế thì vẽ thu nhỏ vào giấy là 1cm. Như thế hình vẽ con đường ấy trên giấy dài bao nhiêu mét ?

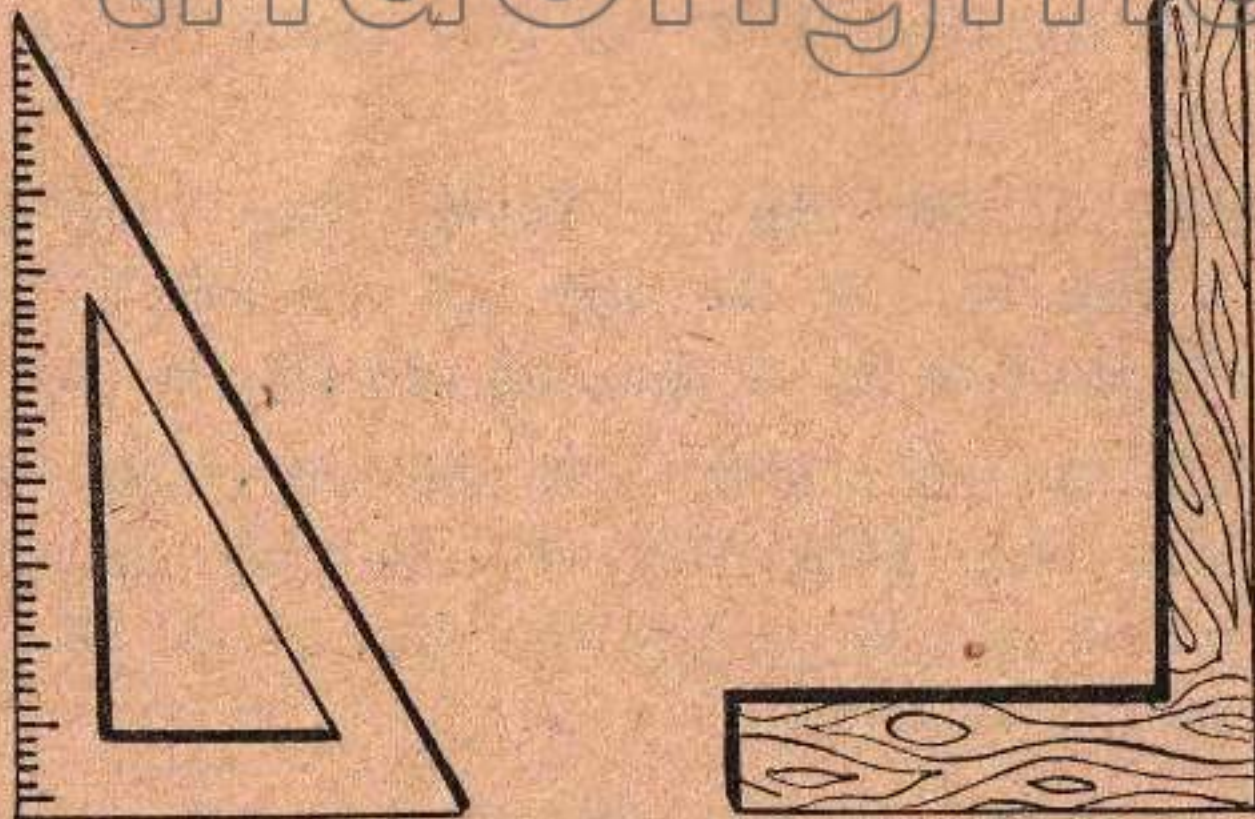
22. Chiều dài và chiều rộng một miếng đất vẽ trên giấy đo được 9cm và 8cm với qui ước cứ 2m trên mặt đất thì vẽ thu nhỏ vào giấy là 1cm. Tính chiều dài, chiều rộng thực của miếng đất đó.



2. GÓC

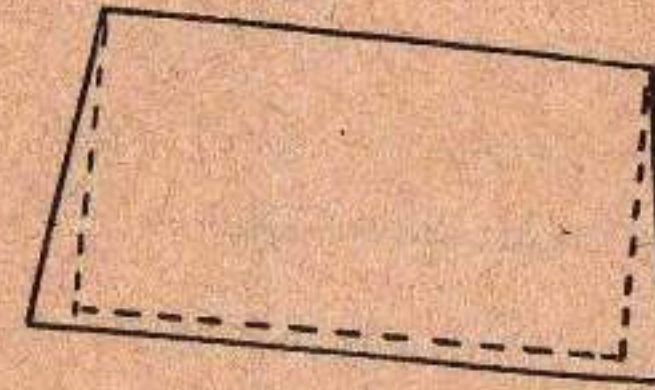


1. Chỉ những góc vuông trên những vật có ở xung quanh em.



Muốn vẽ một góc vuông hay muốn thử xem một góc có đúng là góc vuông hay không thì người ta dùng cái ê-ke.

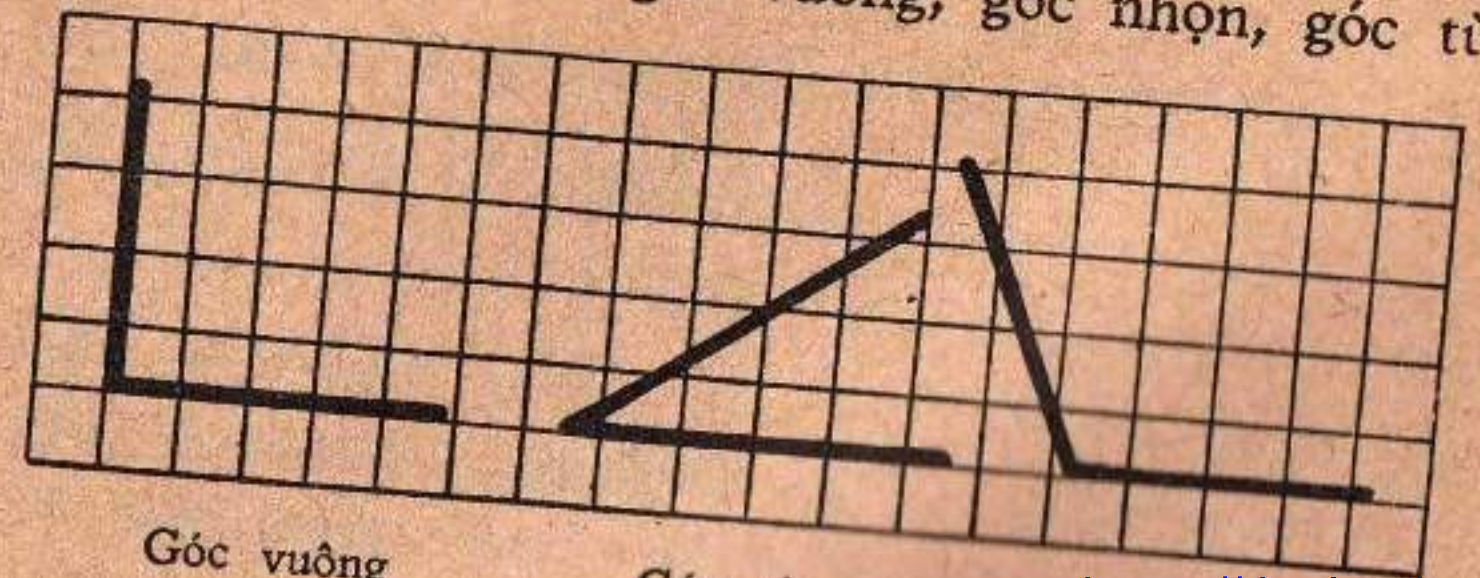
2. Người thợ mộc, người thợ nề dùng ê-ke để làm gì?
3. a) Em hãy làm một cái ê-ke bằng cách gấp tờ giấy theo như hình vẽ sau.
b) Em hãy dùng ê-ke để thử xem góc bàn, góc quyển sách có vuông không?



4. Em hãy dùng ê-ke để vẽ vào vở những góc vuông như những hình vẽ sau:



5. Em hãy vẽ vào vở: góc vuông, góc nhọn, góc tù.

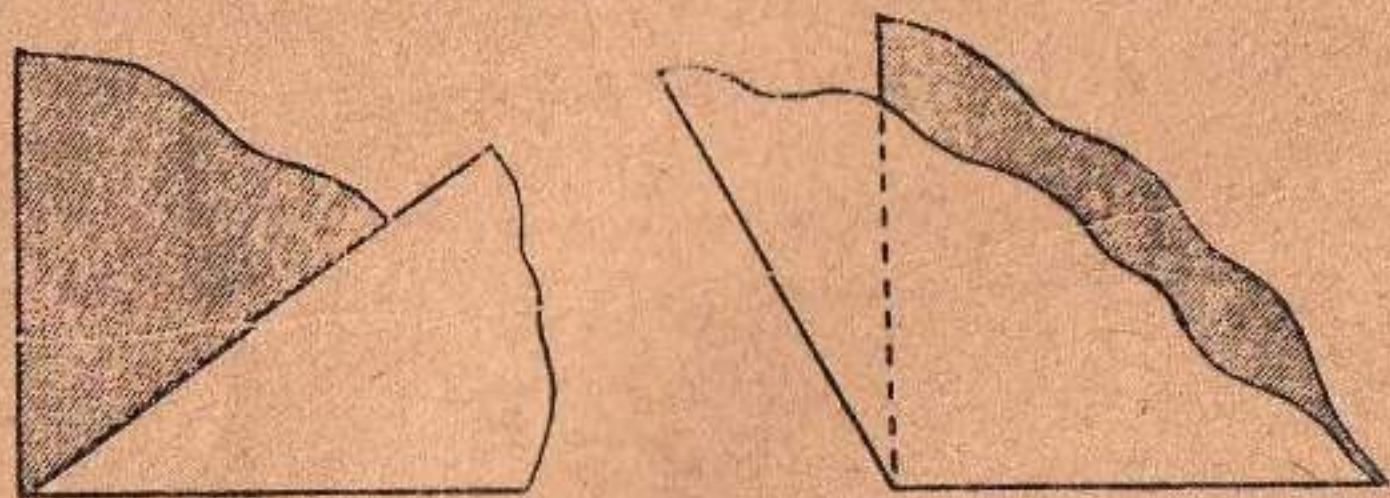


Góc vuông

Góc nhọn

Góc tù

6. Em hãy vẽ 1 góc vuông, 1 góc nhọn, 1 góc tù vào vở. Vẽ vào một tờ giấy màu 3 góc ấy, xong lấy kéo cắt theo nét vẽ và dán vào vở.



a) So sánh góc vuông với góc nhọn, xem góc nào nhỏ hơn?

b) So sánh góc vuông với góc tù xem góc nào to hơn.

Góc nhọn là góc nhỏ hơn góc vuông.

Góc tù là góc lớn hơn góc vuông.

3. HÌNH CHỮ NHẬT — HÌNH VUÔNG



GIỚI THIỆU HÌNH CHỮ NHẬT VÀ CÁCH VẪ



1. a) Hình chữ nhật có mấy cạnh?

b) Đo mỗi cạnh của hình chữ nhật (hình vẽ bên) xem được mấy cen-ti-mét?

c) Có phải bốn cạnh dài bằng nhau cả không? Em hãy chỉ trên hình vẽ xem cạnh nào bằng cạnh nào?

2. Hình chữ nhật có mấy góc? Những góc của hình chữ nhật là góc gì?

Hình chữ nhật có hai cạnh dài bằng nhau, hai cạnh ngắn bằng nhau và bốn góc vuông.

Cạnh dài của hình chữ nhật gọi là chiều dài. Cạnh ngắn của hình chữ nhật gọi là chiều rộng.

Hình chữ nhật có hai chiều dài bằng nhau, hai chiều rộng bằng nhau và bốn góc vuông.

3. Chỉ những hình chữ nhật trên những vật ở xung quanh em.

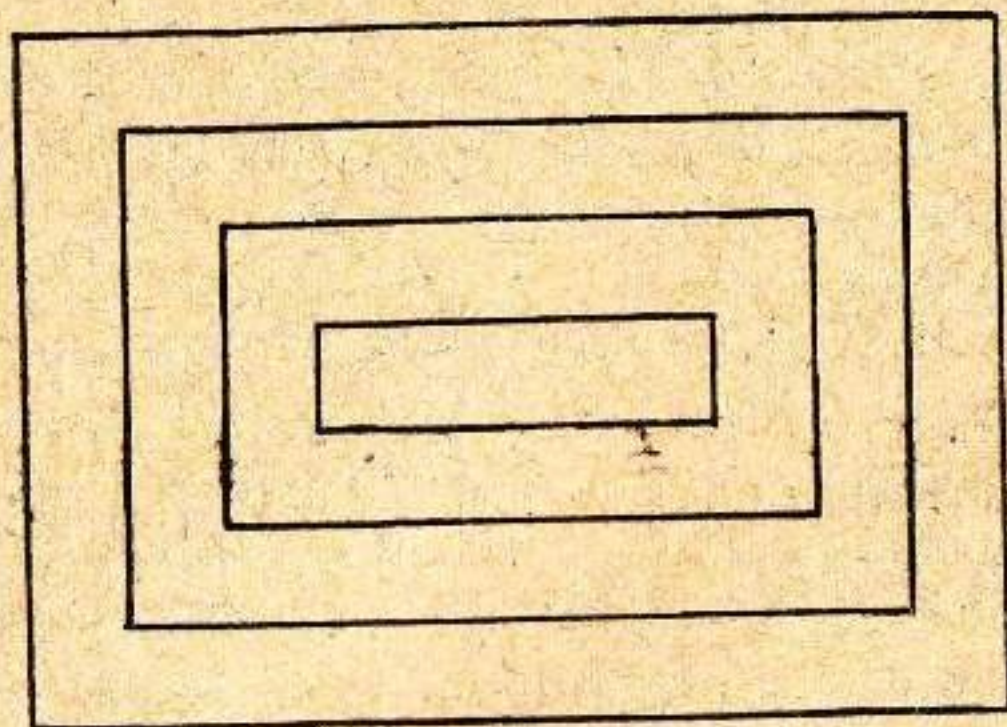
4. Vẽ trên bảng (hay trên mặt đất) một hình chữ nhật có chiều dài bằng 40 cm, chiều rộng bằng 30cm.

5. Vẽ vào vở bằng thước và ê-ke một hình chữ nhật có chiều dài bằng 7cm, chiều rộng bằng 5cm.

6. Vẽ vào vở một hình chữ nhật có chiều dài bằng 5cm, có chiều rộng bằng 3cm.

7. a) Vẽ vào vở một hình gồm 4 hình chữ nhật giống như hình vẽ (trang sau).

b) Theo kích thước hình vừa vẽ, dùng bìa hoặc giấy màu khác nhau cắt thành những hình chữ nhật và dán chồng lên nhau cho giống hình mới vẽ. Dán hình đó vào vở.



CHU VI HÌNH CHỮ NHẬT

8. Một hình chữ nhật có chiều dài bằng 9cm, chiều rộng bằng 4cm.
- Hỏi chiều dài và chiều rộng cộng được là bao nhiêu cen-ti-mét?
 - Hỏi chu vi của hình chữ nhật (tức là số đo của hai chiều dài và hai chiều rộng) được bao nhiêu cen-ti-mét?

Muốn tìm chu vi hình chữ nhật ta có hai cách:

1. Ta cộng số đo của hai chiều dài và hai chiều rộng với nhau. Thí dụ:

$$9\text{cm} + 4\text{cm} + 9\text{cm} + 4\text{cm} = 26\text{cm}.$$

2. Ta cộng chiều dài với chiều rộng (nửa chu vi) rồi nhân với 2. Thí dụ:

$$(9\text{cm} + 4\text{cm}) \times 2 = 26\text{cm}.$$

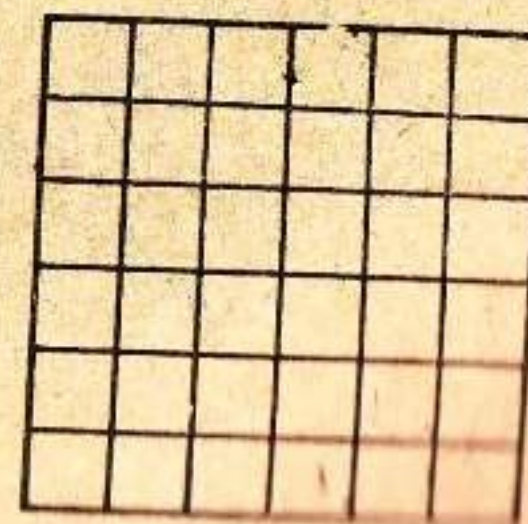
9. — Đo rồi tính chu vi của quyển sách, cái bảng.
— Tính chu vi của hình chữ nhật có:
- Chiều dài là 6cm, chiều rộng là 4cm.
 - Chiều dài là 6cm 5mm, chiều rộng là 4cm 7mm.
 - Chiều dài là 18m, chiều rộng là 14m.
 - Chiều dài là 26m 5dm, chiều rộng là 19m 6dm.

10. Nửa chu vi một hình chữ nhật đo được 12cm. Chiều dài đo được 7cm. Hỏi chiều rộng là bao nhiêu? Vẽ hình đó.
11. Nửa chu vi một sân trường hình chữ nhật đo được 100m 5dm. Chiều dài hơn chiều rộng 17m 5dm. Hỏi mỗi chiều đo được bao nhiêu?
12. Chu vi quyển sách Toán của em là 6dm 4cm. Chiều rộng kém chiều dài 6cm. Hỏi mỗi chiều của quyển sách đo được bao nhiêu?



HÌNH VUÔNG, GIỚI THIỆU HÌNH VUÔNG VÀ CÁCH VẪ

13. a) Hình vuông có mấy cạnh?
b) Đo mỗi cạnh của hình vuông (hình vẽ bên) xem dài mấy cen-ti-mét?
c) So sánh các cạnh ấy với nhau, các em thấy thế nào?



14. Hình vuông có mấy góc ? Những góc của hình vuông là góc gì ?

Hình vuông có bốn cạnh bằng nhau và bốn góc vuông.

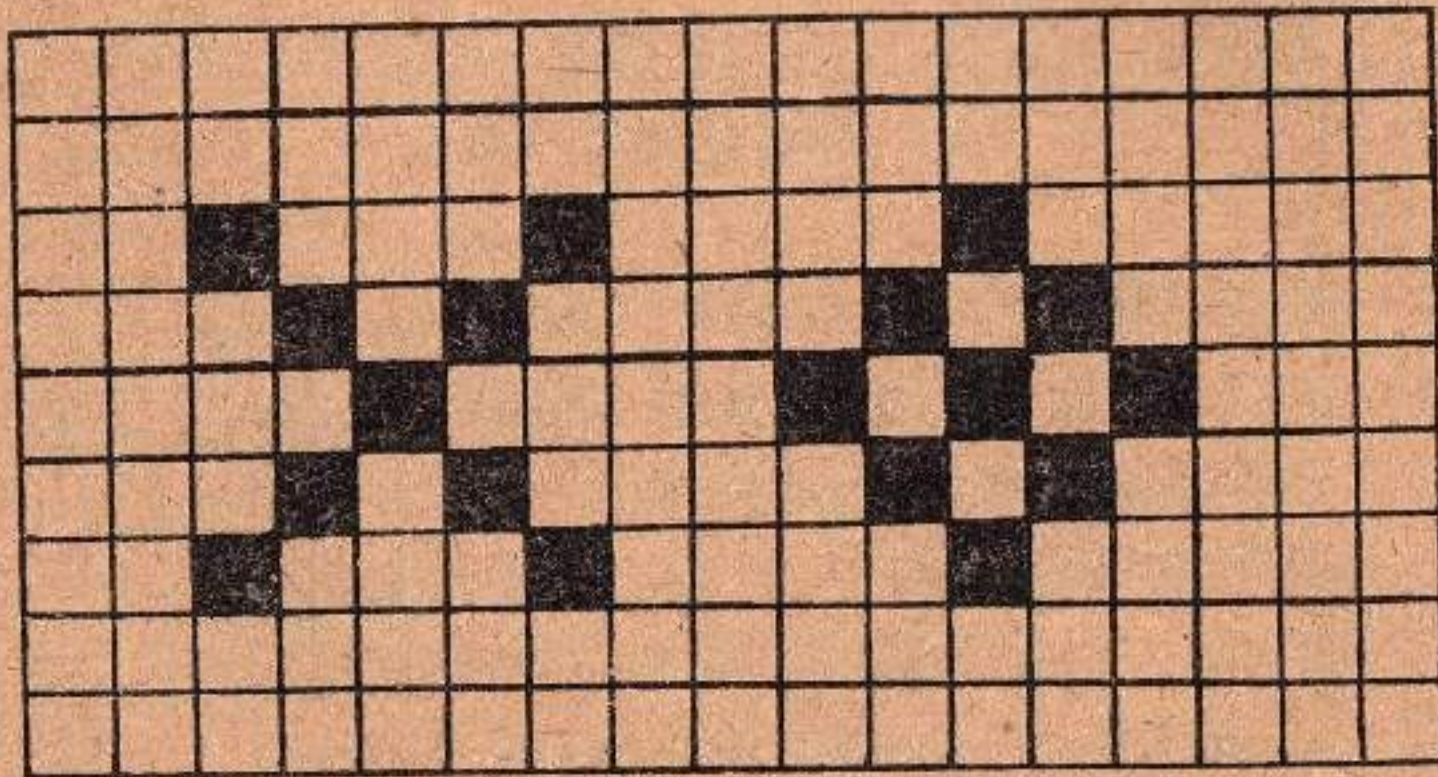
15. Chỉ những hình vuông trên những vật ở xung quanh em.

16. Vẽ trên bảng (hay trên mặt đất) một hình vuông có cạnh dài 40 cm.

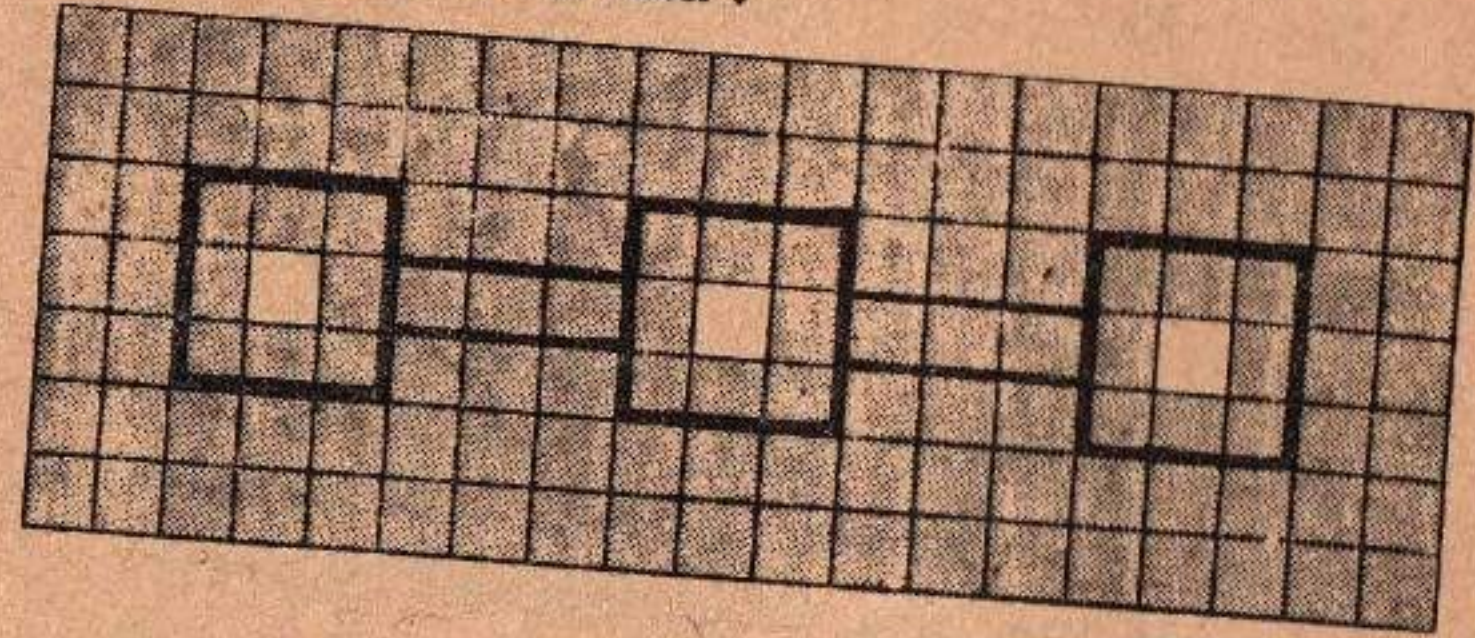
17. Vẽ vào vở một hình vuông có cạnh dài 7 cm:

18. a) Vẽ vào vở một hình gồm nhiều hình vuông theo mẫu ở dưới.

b) Dùng giấy màu cắt thành những hình vuông (theo kích thước của mỗi ô vuông trong hình vẽ) và dán lên các ô vuông có kẻ sọc trong hình vẽ.



19. Vẽ vào vở một hình gồm nhiều hình vuông và hình chữ nhật theo mẫu sau :



CHU VI HÌNH VUÔNG

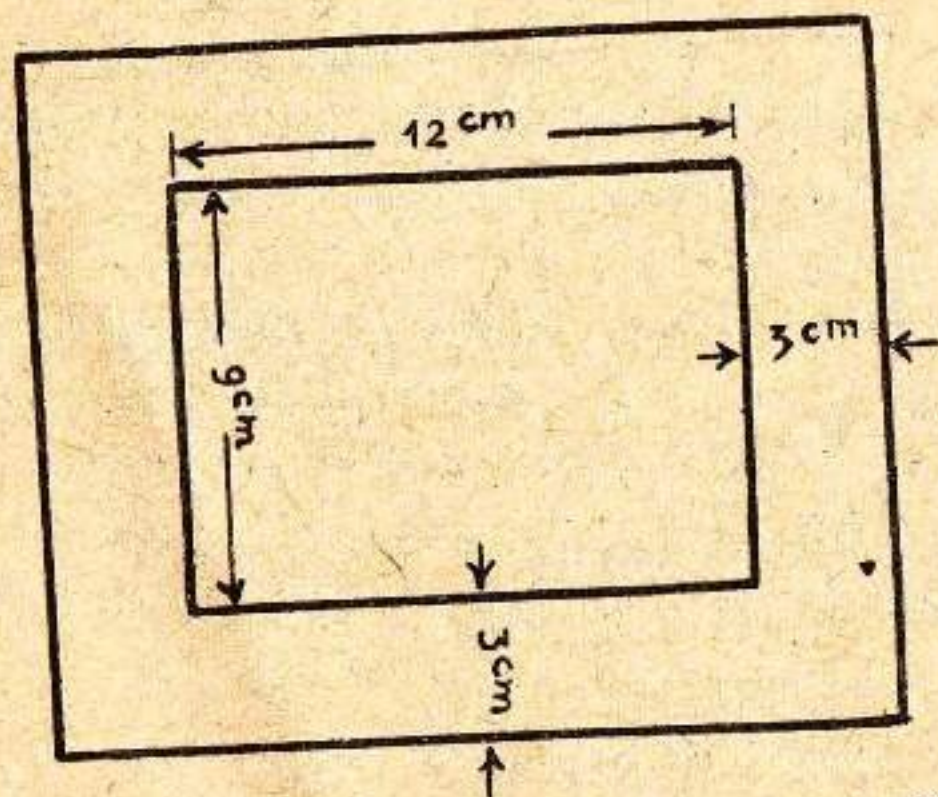
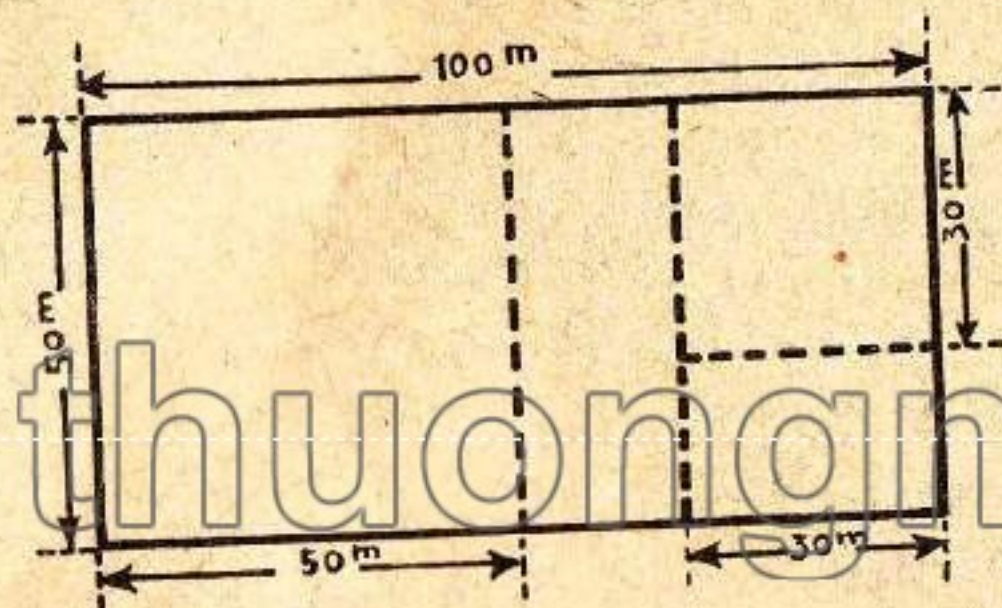
20. Vẽ một hình vuông có cạnh dài 5cm. Tính xem chu vi (số đo của bốn cạnh) của hình đó dài mấy cen-ti-mét

Muốn tìm chu vi hình vuông ta lấy số đo của mỗi cạnh nhân với 4.

21. Tính chu vi của các hình vuông có cạnh dài : 4cm ; 2cm ; 5cm ; 3mm ; 27 m ; 7 dm.
22. Chu vi một hình vuông là 16cm 8mm. Hỏi mỗi cạnh dài bao nhiêu ? Vẽ hình vuông đó.
23. Chu vi hình vuông là 12cm. Hỏi mỗi cạnh của nó dài mấy cen-ti-mét
24. Đo chiều dài và chiều rộng sân trường, lớp học. Tính chu vi các hình đó.

25. Chiều rộng một thửa vườn hình chữ nhật đo được 26m. Chiều dài hơn chiều rộng 8m. Người ta muốn đóng cọc để rào giậu ở xung quanh. Cọc nọ cách cọc kia 2m. Hỏi người ấy phải dùng bao nhiêu cọc?

26. Có một khu đất hình chữ nhật dài 100m, rộng 50m. Người ta định chia khu đất ấy thành 4 mảnh vườn (xem hình vẽ). Căn cứ vào hình vẽ, em hãy tính chu vi của mỗi thửa vườn ấy.



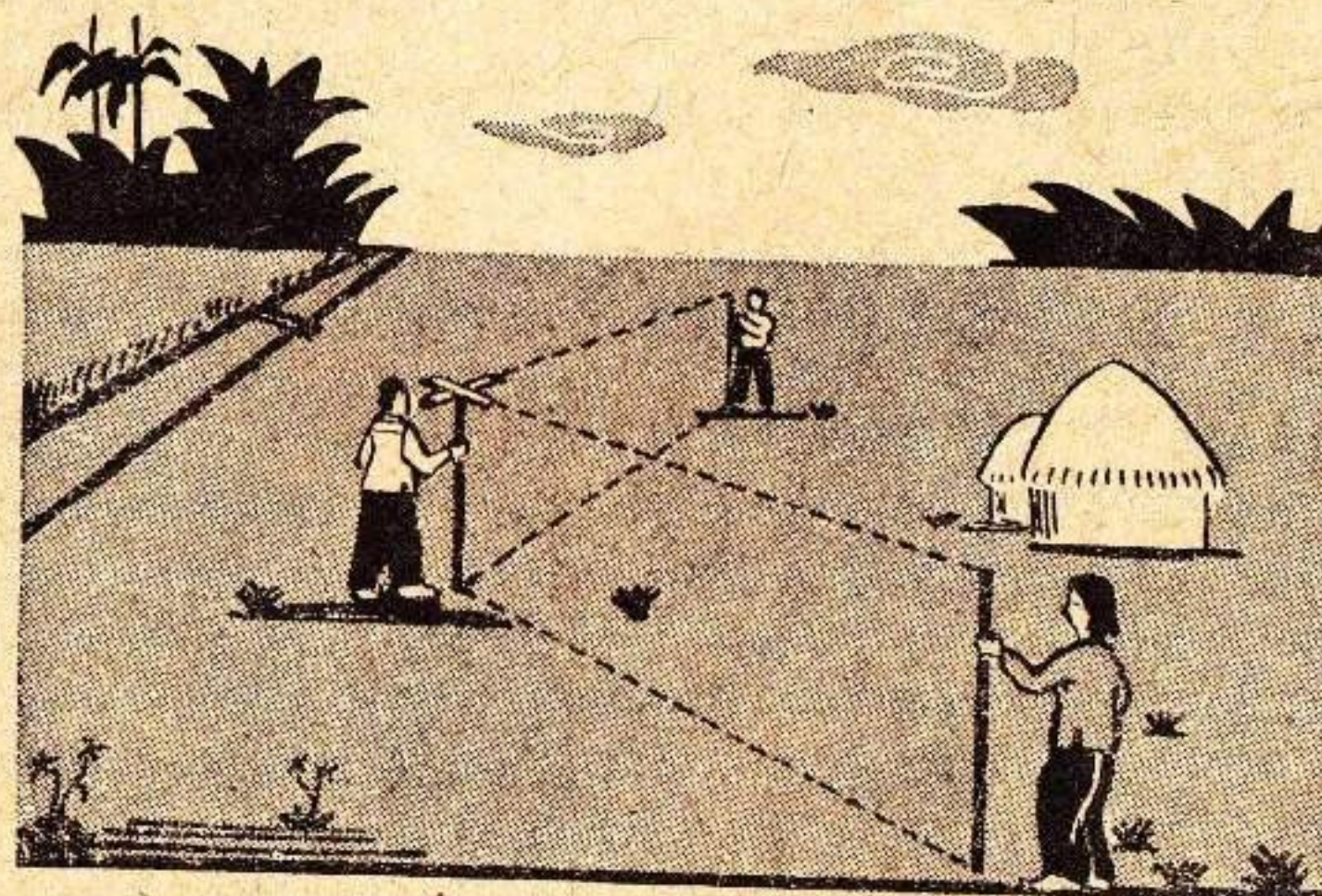
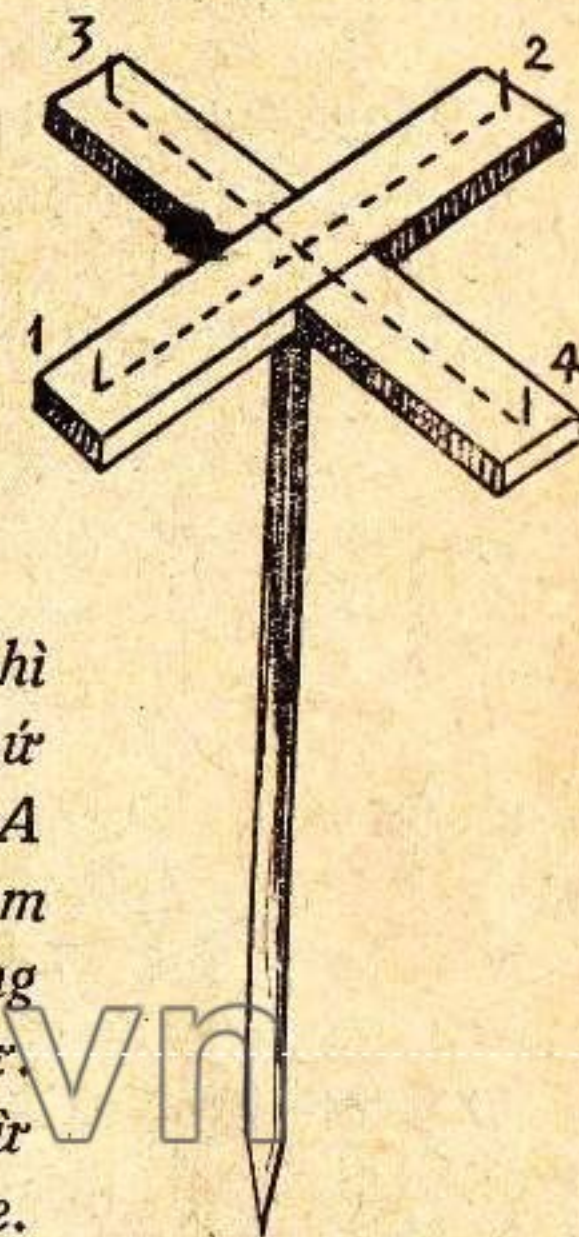
27. Cha em định dán một tấm ảnh vào một tấm kính (xem hình vẽ). Em hãy tính xem mỗi chiều của tấm kính phải dài mấy centi-mét để cho

từ mép ảnh ra đến mép kính là 3cm.

★ VẼ TRÊN MẶT ĐẤT

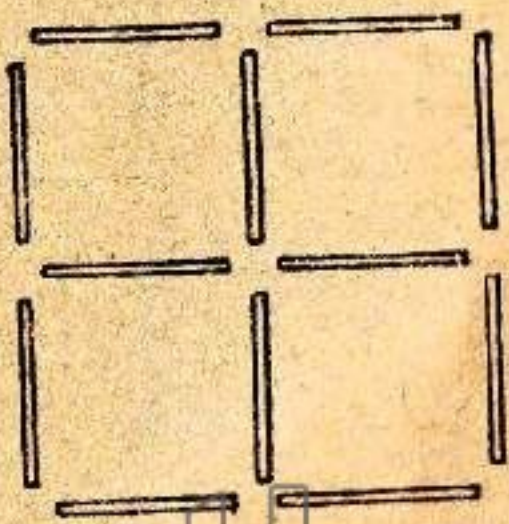
28. Muốn vẽ những góc vuông, hình vuông, hình chữ nhật khá lớn ở trên mặt đất người ta không dùng thứ ê-ke mà em đã học, mà dùng ê-ke đo đạc.

Muốn vẽ góc vuông ở trên mặt đất, em B phải cắm cái tiêu sao cho khi em C ngắm thì thấy nó thẳng hàng với đỉnh thứ nhất và đỉnh thứ hai; em A phải cắm cái tiêu sao cho khi em C ngắm thì thấy nó thẳng hàng với đỉnh thứ ba và đỉnh thứ tư. Sau đó em vẽ hai đoạn thẳng từ chân các tiêu đến chân của ê-ke.



29. Em vẽ một sân bóng chuyền ở trên mặt đất. Sân đó là hình chữ nhật, chiều dài bằng 18m, chiều rộng bằng 9m.

30. *Toán vui.* Dùng 12 cái tăm dài bằng nhau xếp thành 5 hình vuông như hình vẽ kèm đây (4 hình nhỏ ở giữa 1 hình lớn bao trùm).



a) Bớt 2 cái tăm nào đi thì chỉ còn lại 2 hình vuông.

b) Nhắc 3 cái tăm rồi xếp thế nào thì được 3 hình vuông?

c) Nhắc 4 cái tăm rồi xếp thế nào thì được 3 hình vuông?

d) Xếp lại cả 12 cái tăm, làm thế nào thành được rất nhiều hình vuông, nhiều nhất là mấy hình?



4. ÔN TẬP HÌNH HỌC

31. Lớp học của em hình chữ nhật. Nửa chu vi đo được 24m. Chiều rộng bằng nửa chiều dài. Hỏi mỗi chiều đo được mấy mét?

32. Một sân chơi hình chữ nhật có chiều dài đo được 55m. Chu vi là 200m. Hỏi chiều rộng sân đó đo được mấy mét?

33. Khung ảnh Bác Hồ ở lớp em hình chữ nhật, chiều dài 42cm, chiều rộng kém 9cm. Hỏi chu vi khung ảnh đó là mấy mét và mấy cen-ti-mét?

34. Một miếng đất hình chữ nhật chu vi đo được 154m, chiều rộng 32m. Hỏi chiều dài là bao nhiêu?

Một miếng đất khác chu vi đo bằng chu vi miếng đất trên nhưng chiều dài lại ngắn hơn 5m. Hỏi chiều rộng miếng đất này hơn hay kém chiều rộng miếng đất trên mấy mét?

CHƯƠNG SÁU
TOÁN TẬP



1. TRUNG BÌNH CỘNG

1. Một đội thanh niên xung phong đắp đường xe lửa. Ngày đầu đắp được 220m, ngày thứ hai được 324 m, ngày thứ ba đắp được 416m. Em hãy tính trung bình mỗi ngày đơn vị đó đắp được bao nhiêu mét đường?

GIẢI

Trong 3 ngày đội thanh niên xung phong đã đắp được tất cả bao nhiêu mét đường?

$$220\text{m} + 324\text{m} + 416\text{m} = 960\text{m}.$$

Trung bình mỗi ngày đơn vị đó đắp được bao nhiêu mét?

$$960\text{m} : 3 = 320\text{m}.$$

Đáp số: 320m

2. Thực hiện nghĩa vụ quân sự, thanh niên huyện Giồng trôm, ngày đầu, có 162 người ghi tên xung phong.

ngày thứ hai có 185 người, ngày thứ ba có 225 người; ngày thứ tư có 214 người. Em hãy tính trung bình mỗi ngày có bao nhiêu thanh niên ghi tên nhập ngũ?

3. Chị Thanh gánh lúa đi xay. Chuyến đầu chị gánh 35kg, chuyến thứ hai cũng bấy nhiêu. Chuyến thứ ba chị gánh 42kg, chuyến thứ tư 36kg. Tính trung bình mỗi chuyến chị Thanh gánh bao nhiêu ki-lô-gam lúa?
4. Một lò gạch đốt một sản xuất được 104 300 viên gạch. Đốt hai được 170 700 viên. Trung bình mỗi đốt lò sản xuất ra được mấy viên gạch?
5. Một trại chăn nuôi, có 100 con bò sữa. Trong đó có 40 con mỗi năm mỗi con vắt được 4 000 lít sữa. Số bò còn lại mỗi con mỗi năm được 3 500 lít sữa. Hỏi trung bình mỗi con mỗi năm cho bao nhiêu lít sữa?
6. Thi đua diệt ruồi học sinh trường Kim Đồng đốt một đã diệt được 3 540 con đốt hai diệt được nhiều hơn đốt một 1 465 con, đốt ba diệt kém hơn đốt hai 1 160 con. Hỏi trung bình mỗi đốt các em trường Kim Đồng diệt được bao nhiêu con ruồi?
7. Em Dũng đi 3 lượt từ cửa lớp đến gốc bàng ở sân, lần thứ nhất em bước 61 bước, lần thứ hai

kém lần thứ nhất 2 bước, lần thứ ba kém lần thứ nhất 1 bước. Tính trung bình từ cửa lớp đến gốc bàng em Dũng bước bao nhiêu bước mỗi lượt? Nếu từ cửa lớp đến gốc bàng là 30m thì trung bình mỗi bước của em Dũng dài bao nhiêu cen-ti-mét?

8. Đặt một đề toán về trung bình cộng rồi giải.

2. QUI TẮC TAM SUẤT ĐƠN THUẬN

1. Ba chú du kích được phát 96 viên đạn. Nếu tổ có 5 chú thì được phát mấy viên đạn? Biết rằng số đạn chia cho mỗi chú bằng nhau.

GIẢI

Viết vắn tắt để toán:

3 chú được phát 96 viên đạn

5 chú..... ?

Suy luận lúc giải đáp:

3 chú được 96 viên đạn, thì 1 chú được một phần ba của 96 viên:

$$96 \text{ viên đạn} : 3 = 32 \text{ viên.}$$

Nếu một chú được 32 viên, thì 5 chú sẽ được gấp 5 lần:

$$32 \text{ viên} \times 5 = 160 \text{ viên.}$$

— Để giải bài toán trên, các em phải đi từng bước, nhưng có thể trong vở các em chỉ làm một câu lời giải chung cho cả 2 bước.

— Năm chú du kích được phát mấy viên đạn?

$$96 : 3 \times 5 = 160 \text{ viên.}$$

Đáp số: 160 viên.

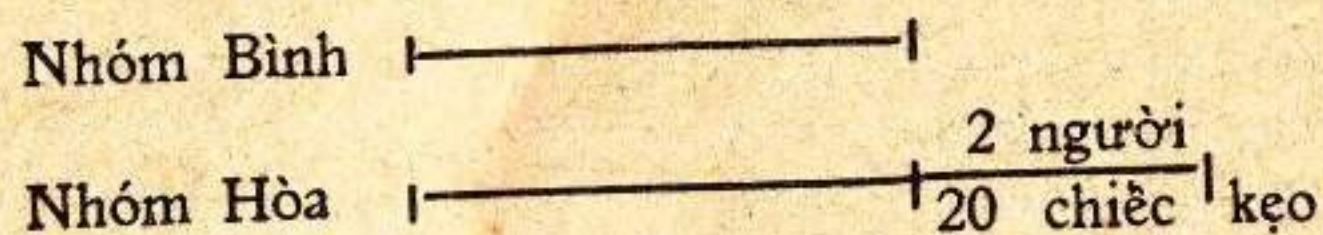
- Tại nhà máy dệt kim một ngày 3 người cắt được 120 tá áo may-ô. Hỏi 5 người thì cắt được bao nhiêu tá? (mức cắt ngang nhau).
- 120 mét vải nhựa thì dán được 40 áo đi mưa người lớn. Hỏi muốn có 45 áo đi mưa người lớn thì phải dùng mấy mét vải nhựa?
- Hai thếp giấy có 40 tờ. Hỏi 5 thếp có bao nhiêu tờ?
- Dệt 12 khăn mặt hết 530g sợi. Hỏi dệt 60 chiếc khăn cùng kiểu cần có bao nhiêu gam sợi?
- Một đầu máy xe lửa chạy 25km thì đốt hết 275kg than. Hỏi nó chạy suốt con đường 167km thì hết bao nhiêu ki-lô-gam than?
- Một người giao liên đi bộ trong 8 giờ được 40 ki-lô-mét. Hỏi trong 6 giờ người đó đi được bao nhiêu? Biết rằng số ki-lô-mét đi được trong mỗi giờ là như nhau.
- Một chị thợ dệt trong hai ngày dệt được 1234m vải. Hỏi trong một tuần (6 ngày làm việc) chị dệt được bao nhiêu mét vải?

3. TÌM MỘT SỐ KHI BIẾT HAI HIỆU SỐ

1. Trong buổi liên hoan mừng ngày «Thiếu nhi quốc tế 1-6» nhóm bạn Hòa được chia kẹo nhiều hơn nhóm bạn Bình là 20 chiếc. Hỏi mỗi bạn được bao nhiêu chiếc kẹo, biết rằng nhóm bạn Hòa có 8 người, nhóm bạn Bình có 6 người và số kẹo mỗi người được chia bằng nhau.

GIẢI

a) Hình vẽ để hiểu bài toán:



b) Nhóm bạn Hòa nhiều hơn nhóm bạn Bình mấy người?

$$8 \text{ người} - 6 \text{ người} = 2 \text{ người}$$

Mỗi người được bao nhiêu chiếc kẹo?

$$20 \text{ chiếc} : 2 = 10 \text{ chiếc}$$

Đáp số: Mỗi người được 10 chiếc kẹo.

2. Trong xưởng may của quân đội nhân dân, nhóm may thứ nhất có 10 máy, nhóm may thứ hai có 8 máy. Cuối ngày, nhóm thứ nhất may nhiều hơn nhóm thứ hai là 10 áo sơ mi. Hỏi cả ngày mỗi nhóm đã may được tất cả bao nhiêu áo sơ mi? Biết rằng năng suất các máy như nhau.
3. Để tỏ lòng yêu quý các chú bộ đội, các em đã may thêu khăn tay tặng một đơn vị đóng ở

gần trường. Học sinh lớp Ba nhiều hơn lớp Bốn 5 em và số khăn gửi tặng nhiều hơn lớp Bốn là 10 chiếc. Hỏi số học sinh của 2 lớp? Biết rằng số khăn đem tặng các chú bộ đội là 150 chiếc.

4. Hai kho gạo, kho một có 980 bao, kho hai có 800 bao. Số gạo của kho một nhiều hơn kho hai là 16 200kg. Hỏi:

1) Mỗi bao gạo cân được bao nhiêu ki-lô-gam? (các bao gạo đều cân nặng như nhau).

2) Tổng số gạo của hai kho là bao nhiêu tấn?

5. Hai tổ làm nón lá. Tổ một có 12 người, tổ hai có 9 người. Cuối ngày tổ một đã sản xuất được nhiều hơn tổ hai 12 cái nón. Hỏi cả ngày 2 tổ đã khâu được bao nhiêu cái nón? (năng suất mỗi người ngang nhau).

6. Trong một xưởng đóng đồ gỗ, 2 tổ sản xuất đang đóng một số ghế giống nhau theo đơn đặt hàng. Tổ một đã đóng trong 40 giờ, tổ hai đóng trong 36 giờ; tính ra như vậy tổ một đã làm hơn tổ hai 8 cái ghế. Hỏi số ghế theo đơn đặt hàng là bao nhiêu cái? (năng suất từng người trong hai tổ đều ngang nhau).

7. Tuấn Anh mua một chùm vải về chia cho các em. Nếu chia mỗi em 5 trái thì dư 2 trái, nếu chia cho mỗi em 6 trái thì thiếu 1 trái. Hỏi Tuấn Anh có mấy em? chùm vải có bao nhiêu trái?

8. Hai lò nung xi-măng. Lò thứ nhất mỗi ngày chạy 8 giờ, lò thứ hai mỗi ngày chạy 10 giờ. Sau 15 ngày lò thứ hai nung được nhiều hơn lò thứ nhất 285 tấn. Hỏi mỗi ngày cả 2 lò nung được bao nhiêu tấn xi-măng? (năng suất mỗi giờ như nhau).
Chỉ dẫn: Đổi 285 tấn ra 2850 tạ.

4. CHIA PHẦN THEO TỶ LỆ THUẬN

1. Nhân dịp khai giảng, khối lớp Bốn gồm 2 lớp: 4A có 40 học sinh và 4B có 45 học sinh, được nhà trường phân cho 170 quyển vở. Hãy chia số vở đó cho mỗi lớp?

GIẢI
Tổng số học sinh của 2 lớp được bao nhiêu?

$$40 \text{ học sinh} + 45 \text{ học sinh} = 85 \text{ học sinh.}$$

Mỗi học sinh được chia bao nhiêu quyển vở?

$$170 \text{ quyển vở} : 85 = 2 \text{ quyển vở.}$$

Lớp 4A được chia bao nhiêu quyển vở?

$$2 \text{ quyển vở} \times 40 = 80 \text{ quyển vở.}$$

Lớp 4B được chia bao nhiêu quyển vở?

$$2 \text{ quyển vở} \times 45 = 90 \text{ quyển vở.}$$

Đáp số: lớp 4A: 80 quyển vở

lớp 4B: 90 quyển vở

Nhận xét. Muốn chia 170 quyển vở thành những phần tỷ lệ thuận với những số 40 học sinh và 45

học sinh, người ta chia số 170 quyển vở cho tổng số học sinh của các lớp ($40 \text{ học sinh} + 45 \text{ học sinh} = 85 \text{ học sinh}$) rồi lần lượt nhân số thương với mỗi số học sinh của từng lớp.

2. Cặp trên chia 7663 viên đạn cho 2 trung đội các chú du kích. Trung đội thứ nhất có 37 súng, trung đội thứ hai có 42 súng. Hỏi mỗi trung đội được phát bao nhiêu viên đạn?
3. Để giúp các gia đình liệt sĩ cách mạng, đội thiếu nhi chúng em đã góp được 87 ngày công lao động. Đội gồm có 3 phân đội: phân đội một có 12 đội viên, phân đội hai có 7 đội viên, phân đội ba có 10 đội viên. Hỏi mỗi phân đội đã góp giúp được mấy ngày công lao động?
4. Xưởng quân giới của quân Giải phóng có 3 nhóm công nhân đúc được 4428 vỏ trái mìn. Nhóm thứ nhất có 5 công nhân, nhóm thứ hai có 7 công nhân, nhóm thứ ba bằng nửa tổng số công nhân của 2 nhóm trên. Hỏi mỗi nhóm đúc được bao nhiêu vỏ trái mìn?
5. Hai vòi nước cùng chảy vào một cái bể. Vòi thứ nhất bắt đầu chảy lúc 6 giờ, vòi thứ hai bắt đầu chảy lúc 7 giờ. Đến 9 giờ thì bể đầy nước. Sức chứa của bể là 4620 lít. Hỏi mỗi vòi đã chảy vào bể được bao nhiêu lít? (Lượng nước chảy của mỗi vòi trong mỗi giờ ngang nhau).

6. Nhân dịp khai giảng nhà trường nhận 354 tập giấy vẽ bán cho học sinh các lớp : lớp Một có 50 em ; lớp Hai 45 em ; lớp Ba 42 em ; lớp Bốn 40 em. Hỏi mỗi lớp được bao nhiêu tập ? (sổ giấy mỗi em được mua bằng nhau).
7. Hai anh em vót chông tặng các chú du kích đánh giặc, được tất cả 140 cái, cứ anh vót được 4 cái thì em vót được 3 cái. Hỏi mỗi em vót được bao nhiêu cái chông tre ?
8. Hai cái vòi cùng chảy vào bể nước được 7380l nước. Vòi thứ nhất chảy mỗi phút được 65l, vòi thứ hai mỗi phút chảy kém vòi thứ nhất 7l. Hỏi mỗi vòi đã chảy vào bể được bao nhiêu lít nước ?
9. Nhân dân tặng 3 đơn vị các chú quân đội nhân dân 318kg đường. Hãy chia số đường đó cho mỗi đơn vị, biết rằng đơn vị Một có 53 chú, đơn vị Hai có 57 chú, đơn vị Ba có 49 chú.

CHƯƠNG BẢY

ÔN TẬP CUỐI NĂM

- a) Lấy tổng số của 3680 và 975 trừ đi 2705 thì được bao nhiêu ?

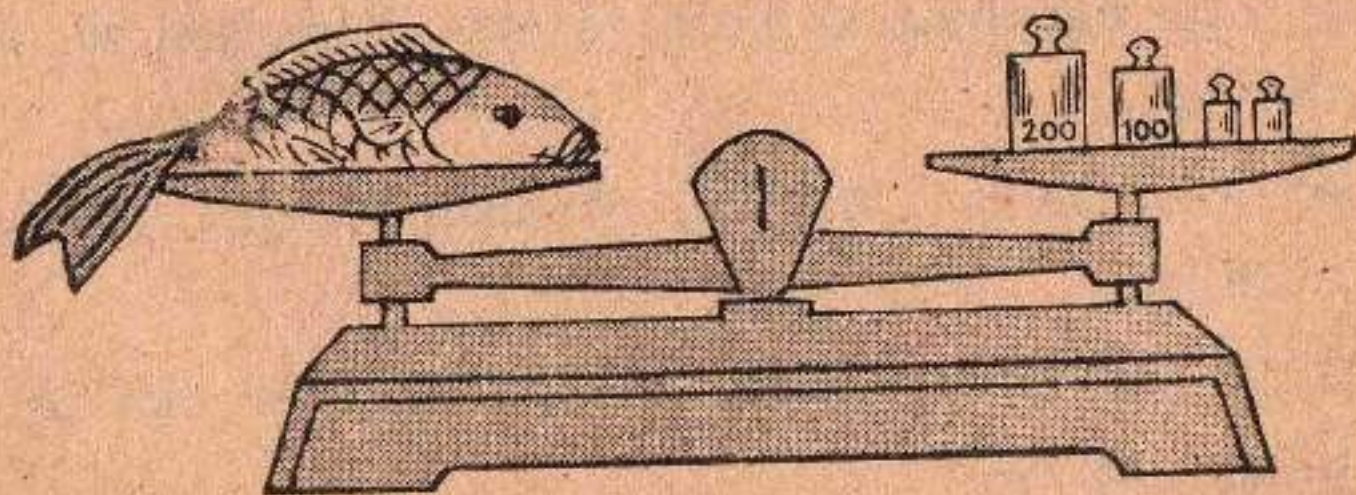
b) Lấy số thương của 810 chia cho 45 rồi cộng với 3692 thì được bao nhiêu ?

c) Tổng số của hai số hạng là 54383. Số hạng thứ nhất là 21705. Tìm số hạng thứ hai.
- a) Số bị trừ là 30508, số trừ là 24795. Tìm hiệu số. Thử lại.

b) Số bị trừ là 30508, hiệu số là 5713. Tìm số trừ.
- a) Cho hai thừa số 3058 và 560. Tìm tích số, rồi thử lại.

b) Tích số là 2625576, số nhân là 372. Tìm số bị nhân.
- 3795 chia cho 15 được 253 lần. Gọi tên mỗi số ở phép chia này.

5. Một tổ sản xuất dây gai cứ 5 phút làm được 385m. Hỏi bao lâu thì làm xong một đơn đặt hàng là 4620 m ?
6. Một công trường xây dựng nhà máy đã mua một lần 12 hòm đinh cộng được 420kg, lần sau mua 15 hòm nữa, cùng một loại. Hỏi hai lần công trường đó đã mua tất cả bao nhiêu ki-lô-gam đinh ? Tính số đó ra tạ.
7. Trong tuần thi đua để kỷ niệm 7 năm thành lập Mặt trận dân tộc giải phóng 20-12, một xí nghiệp có 870 công nhân đã tình nguyện làm thêm mỗi người mỗi ngày 30 phút. Hỏi số giờ làm thêm bằng bao nhiêu ngày công, biết rằng họ đã làm thêm giờ trong 6 ngày, và mỗi ngày công là 8 giờ.
8. Một nơi làm nón lá, tuần lễ trước đã làm được 244 chiếc nón, tuần lễ này làm được nhiều gấp đôi tuần trước. Hỏi cả hai tuần lễ nơi đó làm được bao nhiêu chiếc nón ?
9. a) Xưởng chè đã sấy xong một mẻ chè cân được 12kg600g. Số chè đó sẽ gói được mấy gói 50g ?
b) Con cá này được 340g. Em hãy tính xem mỗi quả cân nhỏ là mấy gam (xem hình vẽ).



10. Một buổi sáng chủ nhật có 2496 anh chị thanh niên tham gia buổi lao động. Như vậy anh chị thanh niên đã góp mấy ngày công ? Số ngày công đó tính bằng mấy tháng, mấy năm làm việc của một người (tính trung bình mỗi tháng làm việc 26 ngày).
11. Năm 1960 là một năm nhuận. Năm ấy có bao nhiêu ngày ? So với những năm thường thì năm nhuận hơn ra mấy ngày ? Ngày đầu ra ấy thêm vào tháng nào ? Kể 3 năm nhuận trước năm 1960, 3 năm nhuận sau 1960.
12. Một đoàn xe đạp thồ gồm 30 xe trong đó có một phần ba số xe, mỗi xe thồ được 260kg và hai phần ba số xe, mỗi xe thồ được 230kg. Hỏi đoàn xe thồ được tất cả bao nhiêu tạ hàng ?
13. Em Mai đi bộ từ nhà đến trường, đường dài 3 km. Hỏi em đi từ 6 giờ 15 phút thì mấy giờ đến nơi, biết rằng mỗi giờ em Mai đi được 4 km ?
14. Sân vận động của trường em là một hình chữ nhật chiều dài 66m, chiều rộng bằng hai phần ba chiều dài. Em hãy tính chu vi sân vận động đó ?
15. Anh Việt đi bộ từ nhà lên thị xã mà vòng qua nhà bà ngoại thì mất 8 giờ, nếu anh đi tắt thẳng lên thị xã thì chỉ mất 3 giờ. Đường tắt ngắn hơn đường vòng qua nhà bà ngoại là 25km. Hỏi đường từ nhà lên thị xã vòng qua nhà bà ngoại dài bao nhiêu ? Đường tắt dài bao nhiêu ?
16. Ba người chia nhau một hũ nước mắm giá 16 đồng 50 xu. Người thứ nhất lấy 16 lít, người hai lấy 5 lít. Người thứ ba lấy 4 lít. Hỏi mỗi người phải trả bao nhiêu tiền ?

GIẢI ĐÁP BÀI TOÁN VUI

Hình vuông biên hóa.

- Bớt 2 cái tăm chằm chằm thì còn 2 hình vuông 1 ở trong, 1 bao trùm (hình 1).
- Nhắc lên và xếp lại 3 cái tăm chằm chằm, sẽ được 3 hình vuông (hình 2 và 3).
- Nhắc 4 cái tăm chằm chằm (ở hình 4) và xếp theo hình 5 cũng được 3 hình vuông.
- Xếp lại cả 12 cái tăm theo hình 6 sẽ được 26 hình vuông (25 ô vuông ở trong và 1 bao trùm).



H.1 H.2 H.3 H.4 H.5 H.6



MỤC LỤC

CHƯƠNG MỘT ÔN TẬP CHƯƠNG TRÌNH LỚP BA

- Cộng và trừ
- Nhân và chia

Trang

3

4

CHƯƠNG HAI CÁC PHÉP TÍNH TRONG PHẠM VI 1 000

- Phép cộng
- Phép trừ
- Ôn tập kết hợp giải toán
- Phép nhân
- Phép chia
- Ôn bốn phép tính. Kiểm tra

7

13

20

21

28

41

CHƯƠNG BA CÁC SỐ CÓ NHIỀU CHỮ SỐ

- Đọc và viết các số đến lớp triệu
- Cộng các số có nhiều chữ số
- Trừ các số có nhiều chữ số
- Nhân các số có nhiều chữ số
- Phép chia

45

63

69

78

96

CHƯƠNG BỐN ĐO LƯỜNG

- Số đo chiều dài — Đơn vị đo chiều dài
- Số đo khối lượng — Đơn vị đo khối lượng
Ôn tập đo lường : chiều dài và khối lượng
- Số đo thời gian — Kiểm tra

120

126

133

134

CHƯƠNG NĂM HÌNH HỌC

1. Đo đoạn thẳng — Cầm tiêu	140
2. Góc	146
3. Hình chữ nhật — hình vuông	148
4. Ôn tập hình học	156

CHƯƠNG SÁU TOÁN TẬP

1. Trung bình cộng	158
2. Quy tắc tam suất đơn thuận	160
3. Tìm một số khi biết hai hiệu số	162
4. Chia phần theo tỷ lệ thuận	164

CHƯƠNG BẢY ÔN TẬP CUỐI NĂM

Kiểm tra và ngoại khóa	167
------------------------	-----

— Ngoại khóa : Kể chuyện một số nhà toán học trong nước (như Vũ Hữu, Lương Thế Vinh), ngoài nước (như Gao-xơ, Hoa La Canh) ; thi giải câu đố toán học, toán vui ; tổ chức trò chơi toán học..

huongmaitruongxua.v

TOÁN LỚP 4

PHỔ THÔNG

NHÀ XUẤT BẢN GIÁO DỤC

In 200 000 cuốn,

khổ 14,5 x 20,5cm

tại Xí nghiệp in sách giáo khoa

Cục Xuất bản — Bộ Giáo dục

240, Trần Bình Trọng

Thành phố HỒ CHÍ MINH

In xong tháng 5-1977.

Nộp lưu chiều tháng 5-1977.

GIÁ: 0,45đ